

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ
MÃ SỐ: 52 34 04 01**

Hà Nội, 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ

MÃ SỐ: 52 34 04 01

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành *Khoa học quản lý*, ban hành theo Quyết định số 3603/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

XÁC NHẬN CỦA ĐHQGHN:

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO

Nguyễn Đình Đức

Hà Nội, 2015

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ
MÃ SỐ: 52340401

*(Ban hành theo Quyết định số 3603/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30 tháng 9 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Khoa học quản lý

+ Tiếng Anh: Management Science

- Mã số ngành đào tạo: 52340401

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Khoa học quản lý

(Chương trình đào tạo chất lượng cao)

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Management Science

(Honors Program)

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Khoa học quản lý nhằm đào tạo nguồn nhân lực quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu riêng:

- Sản phẩm đào tạo được cung cấp một cách có hệ thống và nâng cao các kiến thức về lý luận và các phương pháp quản lý, lãnh đạo; kiến thức về khoa học quản lý và những khoa học liên ngành khác như kinh tế, tài chính, tâm lý, khoa học chính sách, thông tin học, lưu trữ học...theo 5 hướng chuyên ngành: Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý Khoa học và công nghệ, Quản lý sở hữu trí tuệ, Chính sách xã hội, Quản lý hành chính cấp cơ sở. Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học quản lý được trang bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ nền tảng để phù hợp định hướng nghề nghiệp liên quan. Đặc biệt sự vượt trội về khả năng ngoại ngữ giúp sinh viên có thể bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bằng ngoại ngữ cũng như ứng dụng khả năng ngoại ngữ trong nghiên cứu, học tập, công tác sau này;

- Sản phẩm đào tạo là những người có kỹ năng cao về quản lý; có trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và tư vấn quản lý; có kỹ năng ở mức độ cao về trình bày, giao tiếp và cộng tác trong công việc;

- Sản phẩm đào tạo có năng lực cao về phân tích, so sánh và đánh giá; có khả năng tổ chức một cách sáng tạo, huy động và thuyết phục đối tượng quản lý thực hiện mục tiêu của tổ chức;

- Sản phẩm đào tạo có năng lực nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau thuộc khoa học quản lý, đồng thời có năng lực phát hiện những vướng mắc trong thực tiễn quản lý và đề ra các giải pháp để khắc phục những vướng mắc đã chỉ ra nhằm nâng cao hiệu quả quản lý;

- Sản phẩm đào tạo là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có tính trung thực, lòng trung thành với Tổ quốc và chế độ; có tinh thần dũng cảm trước những khó khăn, nguy hiểm; say mê và tận tụy với công việc.

3. Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- **Dự kiến quy mô tuyển sinh** 20-25 sinh viên/năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải

quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

1.1.1. Kiến thức chung

- Nhớ, hiểu, giải thích được kiến thức và phương pháp luận của CN Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng;
- Nhớ và hiểu kiến thức về Đường lối cách mạng Việt Nam nhằm xây dựng lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

1.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hóa, lịch sử, xã hội học, tâm lý học, lôgic học, nhà nước và pháp luật vào nghiên cứu khoa học quản lý;
- Sử dụng một cách sáng tạo những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong một số lĩnh vực của khoa học tự nhiên như môi trường và sự phát triển;
- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học thống kê cho khoa học xã hội, biết cách triển khai đề tài/dự án nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- Vận dụng kiến thức về thực hành văn bản tiếng Việt trong nghiên cứu các vấn đề khoa học quản lý;
- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức trong việc khai thác, tổ chức, sử dụng thông tin một cách hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực khoa học, đạo đức, pháp luật nhằm nâng cao kết quả học tập và sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

1.1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng kiến thức về quản lý trong kinh doanh, thông tin học, địa lý thế giới để tìm hiểu giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý đặt ra;
- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, nguyên tắc, phương pháp, quy trình quản lý, cán bộ quản lý vào nghiên cứu thực tiễn;
- Sử dụng một cách sáng tạo khoa học quản lý vào quản lý nguồn nhân lực của một tổ chức nói riêng và nguồn nhân lực xã hội nói chung;

- Vận dụng kiến thức về lý thuyết hệ thống nói chung và lý thuyết hệ thống trong quản lý để nghiên cứu các vấn đề của khoa học quản lý;

- Vận dụng các kiến thức về văn hóa và đạo đức quản lý, văn hóa tổ chức trong thực tiễn quản lý.

1.1.4. Kiến thức nhóm ngành

- Sử dụng một cách sáng tạo những kiến thức cơ bản về hành chính, bao gồm cả hành chính công và hành chính tư, pháp luật hành chính;

- Sử dụng một cách sáng tạo được kiến thức về sở hữu trí tuệ với tư cách là tài sản vô hình trong quản lý một tổ chức;

- Sử dụng một cách sáng tạo được kiến thức về xã hội học trong quản lý, xử lý dữ liệu trong thực tiễn quản lý, soạn thảo và ban hành văn bản quản lý, nghiệp vụ thư ký, quản lý biến đổi của tổ chức.

1.1.5. Kiến thức ngành

- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức về lịch sử tư tưởng quản lý, phân tích được sự tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội đến khoa học quản lý;

- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức về khoa học tổ chức, khoa học chính sách, khoa học và công nghệ, lý thuyết ra quyết định quản lý, quản lý chất lượng, quản lý tài chính công, quản lý dự án, quản lý tài sản công;

- Sử dụng một cách sáng tạo kiến thức về kỹ năng quản lý từ đó áp dụng hình thành các kỹ năng quản lý thực tế;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn quản lý nguồn nhân lực, bao gồm: pháp luật lao động và việc làm; công tác tổ chức lao động khoa học; xây dựng và tổ chức thực hiện định mức lao động; tìm hiểu nguyên tắc trả lương, hình thức, phương pháp trả lương; phân tích các loại hình bảo hiểm xã hội; công tác tuyển dụng lao động;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn thực hiện các chính sách xã hội: chính sách trợ giúp xã hội; chính sách giảm nghèo bền vững; chính sách quản lý văn hóa, giáo dục; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội; chính sách dân tộc và tôn giáo, chính sách an sinh xã hội;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn quản lý sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên

quan; sáng chế và giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác; quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn quản lý khoa học và công nghệ, bao gồm pháp luật về khoa học và công nghệ, chính sách khoa học và công nghệ, nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường, hệ thống đổi mới quốc gia, doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn quản lý hành chính cấp cơ sở: phân cấp quản lý hành chính, Quản lý cấp cơ sở về kinh tế, Quản lý cấp cơ sở về văn hóa xã hội, dịch vụ công, đại cương quản lý cấp cơ sở;

- Tiếp cận một số lĩnh vực quản lý mới: những khía cạnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, Lý thuyết trò chơi, Địa chính trị để có thể ứng dụng trong giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý và chủ động tìm hướng chuyên môn phù hợp, rút ngắn thời gian học tập ở những bậc đào tạo cao hơn (dễ dàng đủ điều kiện chuyển tiếp nghiên cứu sinh).

1.1.6. Kiến thức về ngoại ngữ và tin học

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Nắm bắt được nội dung, sử dụng một cách sáng tạo kiến thức, kỹ năng về tin học vào việc giải quyết các vấn đề thuộc hoạt động quản lý, tư vấn quản lý, nghiên cứu khoa học (Phần mềm tin học văn phòng, SPSS, một số phần mềm quản lý nhân lực thông dụng ở Việt Nam).

1.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2. Về kỹ năng

2.1 Kỹ năng chuyên môn

2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có kỹ năng lập kế hoạch công việc, dự án; hoạch định, phân tích, đánh giá chính sách: Phân tích dự báo môi trường, Xác định mục tiêu; phương án thực hiện mục tiêu, xác định nguồn lực thực hiện kế hoạch, dự án, chính sách; Phân tích ưu nhược điểm của kế hoạch, dự án, chính sách;

- Có kỹ năng phân tích và thực hành các quyết định quản lý: Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện các quyết định quản lý;

- Có kỹ năng tổ chức thực hiện công việc: Thiết kế cơ cấu tổ chức và công việc; Phân công công việc; tổ chức lao động khoa học; kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc;

- Có kỹ năng kiểm tra, đánh giá quy trình, hoạt động quản lý cụ thể: Thiết kế tiêu chuẩn kiểm tra và tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá hiệu quả;

- Có kỹ năng phản biện chính sách kinh tế - xã hội: Đánh giá tác động của chính sách đến đời sống xã hội.

2.1.2 Kỹ năng lập luận, tư duy và giải quyết vấn đề

- Nhận diện các vấn đề quản lý trong thực tiễn và có những phương pháp đánh giá, đề xuất phương án giải quyết theo quy trình nhất định;

- Nhận diện nhu cầu và các dạng động cơ làm việc; thúc đẩy tính tích cực của người lao động; sử dụng phong cách làm việc khoa học; tạo lập môi trường làm việc hiệu quả.

2.1.3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Phân tích, xây dựng các giả thuyết khoa học và thu thập các dữ liệu trong thực tiễn quản lý để chứng minh giả thuyết nghiên cứu;

- Đề xuất các giải pháp quản lý để ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn quản lý.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Biết cách tư duy theo hệ thống kiến thức về lý thuyết quản lý vào thực tiễn quản lý;

- Nắm được sự liên hệ giữa quản lý từ Trung ương xuống cơ sở trên các lĩnh vực khoa học công nghệ, hành chính, quản lý cấp cơ sở, quản lý nguồn nhân lực, chính sách xã hội để thấy được tính hệ thống và tổng thể của các chính sách và quá trình triển khai chính sách;

- Nhận thức vấn đề theo hệ thống, toàn diện vì vậy các giải pháp đưa ra luôn vì mục tiêu chung của tổ chức, tập thể;

- Kết hợp kiến thức liên ngành trong việc nghiên cứu vấn đề và tìm giải pháp;

- Đề xuất những vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong công việc.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Đánh giá được bối cảnh xã hội về các vấn đề quản lý trong nước và quốc tế;

- Đưa ra dự báo đối với vấn đề quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ...;

- Học hỏi kinh nghiệm và kỹ năng quản lý của các quốc gia trên thế giới.

2.1.6. Bối cảnh của tổ chức

- Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, nguồn lực thông tin của một tổ chức;

- Phân biệt được các loại hình tổ chức và cách thức quản lý riêng biệt của từng loại hình tổ chức đó;

- Đưa ra những đề xuất quy hoạch cán bộ, phát triển tổ chức.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

- Vận dụng kiến thức quản lý vào giải quyết công việc, giải quyết tình huống, giải quyết vấn đề quản lý của tổ chức một cách linh hoạt, khoa học, khách quan;

- Sử dụng các kỹ năng quản lý nhuần nhuyễn, hiệu quả đem lại giá trị cho tổ chức, cho bản thân.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển, dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng vạch ra lộ trình thăng tiến và lộ trình công việc rõ ràng;

- Làm chủ trong công việc và cân bằng giữa công việc và cuộc sống;

- Có khả năng tiếp thu những kỹ năng mới và đào tạo những kỹ năng quản lý cho người khác.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1 Kỹ năng cá nhân

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi của công việc, môi trường làm việc và của tổ chức;
- Sắp xếp công việc khoa học, hiệu quả. Biết phân chia công việc thành các giai đoạn khác nhau để triển khai;
- Dễ trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lý từ đồng nghiệp, nhà quản lý và những người khác.

2.2.2. Kỹ năng giao tiếp

- Biết chủ động thiết lập các cuộc trao đổi về các vấn đề thuộc khoa học quản lý và các vấn đề thuộc các khoa học khác có liên quan đến khoa học quản lý;
- Có khả năng tự tin, mềm dẻo, đàm phán, thuyết phục người khác khi thảo luận và thực hiện quyết định của chủ thể quản lý.

2.2.3 Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Có khả năng tổ chức các hoạt động của một cơ quan, tổ chức;
- Có khả năng soạn thảo quyết định quản lý và truyền đạt quyết định quản lý;
- Có khả năng tổ chức thực hiện quyết định quản lý;
- Có khả năng trở thành chuyên gia quản lý.

2.2.4 Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Biết và chủ động tham gia các nhóm trong các hoạt động: học tập, nghiên cứu, hoạt động đoàn thể, xã hội;
- Có khả năng thành lập các nhóm nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động xã hội;
- Tạo lập và phát huy vai trò của nhóm trong các hoạt động của cộng đồng;

2.2.5 Kỹ năng giải quyết vấn đề

- Biết nhận diện, phân tích những vấn đề và xung đột trong các mối quan hệ và trong tổ chức;

- Sử dụng các công cụ quản lý để giải quyết vấn đề và xung đột;
- Điều hòa hoặc giải quyết các vấn đề, xung đột theo hướng có lợi cho tổ chức, tập thể.

2.2.6 *Kỹ năng thuyết trình*

- Nêu ý tưởng và cấu trúc vấn đề để thuyết trình;
- Đưa ra nhiều phương pháp thuyết trình trước đám đông, cuộc họp;
- Tổ chức trao đổi, thảo luận các ý kiến liên quan trong một buổi thuyết trình.

2.2.7 *Kỹ năng quản lý bản thân*

- Biết thiết lập mục tiêu cá nhân, mục tiêu công việc, mục tiêu nghề nghiệp để có sự đam mê trong lựa chọn và theo đuổi nghề nghiệp;
- Quản lý thời gian, quản lý cảm xúc cá nhân hiệu quả nhất;
- Vạch ra lộ trình thăng tiến, phát triển sự nghiệp của cá nhân;
- Biết cách gia tăng giá trị cá nhân, thiết lập các mối quan hệ xã hội và tạo lập kỹ năng học tập suốt đời.

2.2.8 *Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Trung thực, nhân ái, khiêm tốn, dũng cảm;
- Sáng tạo, say mê, tinh thần tự phê bình và phê bình;
- Tinh thần tự học, làm chủ bản thân.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thích ứng tốt với thực tế cuộc sống, với những sự thay đổi trong quản lý tổ chức;
- Lập trường vững vàng, xây dựng tổ chức của nhà quản lý như dám chịu trách nhiệm (nhận trách nhiệm cá nhân trong khi thực hiện công việc);

- Tinh thần lạc quan trước những xung đột về lợi ích, mối quan hệ của bản thân, các cá nhân và của tổ chức để làm điều hòa các xung đột vì sự phát triển của tổ chức;

- Luôn cầu thị, khám phá và học hỏi từ thực tế tạo ra sự đổi mới cho tổ chức;

- Tôn trọng, công việc của chính mình, của người khác, công việc của tập thể từ đó có thể điều tiết mối quan hệ giữa công việc và cảm xúc, công việc và cuộc sống, giảm những stress trong công việc;

- Trung thực, cầu thị, tự tin, say mê, hy sinh vì công việc chung tổ chức, tiến tới xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp, có kỷ luật lao động, văn hóa ứng xử văn minh.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có trách nhiệm với hoạt động của cộng đồng, xã hội;

- Xây dựng văn hóa trách nhiệm, tạo dựng niềm tin trong cộng đồng các nhà quản lý, trong xã hội;

- Tuân thủ pháp luật, chính sách của nhà nước, chủ trương, chính sách của Đảng.

4. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chuẩn ngành khoa học quản lý đáp ứng được yêu cầu của các vị trí quản lý, chuyên viên, *chuyên gia quản lý trong* các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương hoặc địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, các tổ chức phi chính phủ; làm nguồn để tuyển chọn tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo sau đại học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể học Chương trình đào tạo ngành kép, học hai chuyên ngành khi còn đang là sinh viên, sau khi ra trường học cao học ngành Khoa học quản lý và một ngành phù hợp với ngành Khoa học quản lý.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo **159 tín chỉ**

Khối kiến thức chung (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, kỹ năng bổ trợ*): **32 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo lĩnh vực: **26 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **20 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **6/10 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo khối ngành: **17 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **12 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **5/12 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo nhóm ngành: **11 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **6 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **5/14 tín chỉ**

- Khối kiến thức ngành: **73 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **39 tín chỉ**

+ *Tự chọn chung cho các hướng chuyên ngành* **6/12 tín chỉ**

+ *Tự chọn theo hướng chuyên ngành* **15/75 tín chỉ**

+ *Thực tập, khóa luận tốt nghiệp* **13 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I.		Khối kiến thức chung (Chưa tính các học phần từ 10-12)	32				
1.	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 1</i>	2	24	6		
2.	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
5.	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
6.		Ngoại ngữ cơ sở 1 <i>Foreign Language 1</i>	4	16	40	4	
	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>					
	FLF2201	Tiếng Nga cơ sở 1 <i>General Russian 1</i>					
	FLF2301	Tiếng Pháp cơ sở 1 <i>General French 1</i>					
	FLF2401	Tiếng Trung cơ sở 1 <i>General Chinese 1</i>					
7.		Ngoại ngữ cơ sở 2 <i>Foreign Language 2</i>	5	20	50	5	
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>					FLF2101
	FLF2202	Tiếng Nga cơ sở 2 <i>General Russian 2</i>					FLF2201
	FLF2302	Tiếng Pháp cơ sở 2 <i>General French 2</i>					FLF2301
	FLF2402	Tiếng Trung cơ sở 2 <i>General Chinese 2</i>					FLF2401

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8.		Ngoại ngữ cơ sở 3 <i>Foreign Language 3</i>	5	20	50	5	
	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>					FLF2102
	FLF2203	Tiếng Nga cơ sở 3 <i>General Russian 3</i>					FLF2202
	FLF2303	Tiếng Pháp cơ sở 3 <i>General French 3</i>					FLF2302
	FLF2403	Tiếng Trung cơ sở 3 <i>General Chinese 3</i>					FLF2402
9.		Ngoại ngữ cơ sở 4(***) <i>Foreign Language 4(***)</i>	5	20	50	5	
	FLF2104	Tiếng Anh cơ sở 4(***) <i>General English 4(***)</i>					FLF2103
	FLF2204	Tiếng Nga cơ sở 4(***) <i>General Russian 4(***)</i>					FLF2203
	FLF2304	Tiếng Pháp cơ sở 4(***) <i>General French 4(***)</i>					FLF2303
	FLF2404	Tiếng Trung cơ sở 4(***) <i>General Chinese 4(***)</i>					FLF2403
10.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
11.		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
12.		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	26				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>20</i>				
13.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methods</i>	3	36	9		
14.	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam(*) <i>Fundamentals of Vietnamese Culture(*)</i>	3	42	3		
15.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới(*) <i>History of World Civilization(*)</i>	3	42	3		
16.	PHI1054	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	3	31	14		
17.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	20	5	5	PHI1004
18.	PSY1051	Tâm lý học đại cương(*) <i>General Psychology(*)</i>	3	45			
19.	SOC1051	Xã hội học đại cương(*) <i>General Sociology(*)</i>	3	39	6		

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
II.2		Các học phần tự chọn	6/10				
20.	INE1014	Kinh tế học đại cương <i>General Economics</i>	2	20	10		
21.	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	26	4		
22.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	20	10		
23.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>	2	20	10		
24.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin <i>Introduction to Information Literacy</i>	2	20	10		
III.		Khối kiến thức theo khối ngành	17				
III.1		Các học phần bắt buộc	12				
25.	TOU1100	Đại cương về quản trị kinh doanh <i>Introduction to Business Management</i>	3	30	15		
26.	MNS1100	Khoa học quản lý đại cương (*) <i>General Management Science(*)</i>	3	36	9		
27.	MNS1104	Quản lý nguồn nhân lực (*) <i>Human Resource Management(*)</i>	3	36	9		MNS1100*
28.	PSY2031	Tâm lý học quản lý <i>Psychology of Management</i>	3	30	15		PSY1051*
III.2		Các học phần tự chọn	5/12				
29.	GEO1001	Địa lý thế giới <i>Geography of the World</i>	2	26	4		
30.	CAL2004	Luật hành chính Việt Nam <i>Vietnamese Administrative Law</i>	2	26	4		
31.	MNS1102	Lý thuyết hệ thống <i>Systems Theory</i>	2	24	6		
32.	LIB2001	Thông tin học đại cương <i>Introduction to Information Science</i>	3	40	5		
33.	MNS1101	Văn hoá tổ chức <i>Organizational Culture</i>	3	36	9		
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	11				
IV.1		Các học phần bắt buộc	6				

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
34.	MNS2064	Hành chính học đại cương (*) <i>Introduction to Administration Studies (*)</i>	3	36	9		
35.	MNS1150	Đại cương về sở hữu trí tuệ (*) <i>Introduction to Intellectual Property (*)</i>	3	36	9		THL1057
IV.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/14				
36.	MNS3039	Quản lý biến đổi <i>Managing Changes</i>	3	36	9		MNS1100
37.	SOC3009	Xã hội học quản lý <i>Sociology of Management</i>	3	39	6		
38.	SOC3038	Xử lý dữ liệu <i>Data Processing</i>	2	22	8		
39.	MNS1153	Luật Hiến pháp <i>Constitutional Law</i>	2	36	9		THL1057
40.	ARO3002	Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý <i>Management Documentation Compiling and Publishing</i>	2	20	10		
41.	ARO3040	Nghịệp vụ thư ký <i>Secretarial Skills</i>	2	22	8		
V		Khối kiến thức ngành	73				
V.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	39				
42.	MNS2053	Lịch sử tư tưởng quản lý (*) <i>History of Management Thought (*)</i>	4	48	12		
43.	MNS3037	Khoa học tổ chức (*) <i>Science of Organizations (*)</i>	3	36	9		
44.	MNS2065	Khoa học chính sách (*) <i>Policy Science (*)</i>	3	36	9		
45.	MNS3036	Văn hoá và đạo đức quản lý <i>Management Culture and Ethic</i>	3	36	9		
46.	MNS3002	Lý thuyết quyết định (*) <i>Decision Theory (*)</i>	3	36	9		
47.	MNS3053	Khoa học và công nghệ luận(*) <i>Theory of Science and Technology (*)</i>	3	36	9		MNS1053
48.	MNS3008	Quản lý khoa học và công nghệ (*) <i>Science and Technology Management (*)</i>	2	24	6		MNS1102

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
49.	MNS3009	Quản lý chất lượng <i>Quality Management</i>	2	24	6		
50.	MNS3038	Kỹ năng quản lý <i>Management Skills</i>	3	33	12		
51.	MNS3086	Hệ thống thông tin trong quản lý (***) <i>Management Information System</i> (***)	3	36	9		MNS3002
52.	MNS3087	Lý thuyết trò chơi (***) <i>Games Theory</i> (***)	3	36	9		MNS3002 MNS1102
53.	MNS3088	Địa chính trị (***) <i>Geopolitics</i> (***)	3	36	9		MNS3053
54.	MNS3089	Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (***) <i>Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights</i> (***)	4	36	24		INE1014 MNS1150
V.2		Các học phần tự chọn					
V.2.1.		Các học phần tự chọn chung cho các hướng chuyên ngành	6/12				
55.	MNS3040	Quản lý dự án <i>Project Management</i>	3	36	9		
56.	INL2020	Công pháp quốc tế <i>International Law</i>	3	36	9		THL1057
57.	MNS3055	Quản lý tài chính công <i>Public Finance Management</i>	3	36	9		MNS1100 INE 1014
58.	MNS3056	Quản lý tài sản công <i>Public Property Management</i>	3	36	9		MNS1100 THL 1057
V.2.2		Các học phần tự chọn theo hướng chuyên ngành	15/75				
		Hướng chuyên ngành Quản lý hành chính cấp cơ sở	15				
59.	MNS3057	Phân cấp quản lý hành chính <i>Administrative Decentralization</i>	3	36	9		MNS2064 MNS1100
60.	MNS3083	Quản lý cấp cơ sở về kinh tế <i>Local Governance in Economy</i>	3	36	9		MNS2064
61.	MNS3084	Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội <i>Local Governance in Culture and Social</i>	3	36	9		MNS2064
62.	MNS3060	Dịch vụ công <i>Public Service</i>	3	36	9		MNS2064 MNS1100
63.	MNS3061	Quản lý cấp cơ sở <i>Local Governance</i>	3	36	9		MNS2064 MNS1100

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		Hướng chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực	15				
64.	MNS3062	Pháp luật về lao động và việc làm <i>Legislation on Labor and Employment</i>	3	33	12		THL1057
65.	MNS3063	Bảo hiểm xã hội <i>Social Insurance</i>	3	33	12		MNS1104
66.	MNS3064	Định mức lao động và Tổ chức tiền lương <i>Labor Standards & Organization Salary</i>	4	36	24		MNS1104
67.	MNS3065	Tuyển dụng nhân lực <i>Labor Recruitment</i>	3	33	12		MNS1104
68.	MNS3045	Tổ chức lao động khoa học <i>Scientific Organization of Labor</i>	2	24	6		MNS1104
		Hướng chuyên ngành Chính sách xã hội	15				
69.	MNS3066	Chính sách Trợ giúp xã hội <i>Social Assistance Policy</i>	3	36	9		MNS2065 MNS1100
70.	MNS3067	Chính sách giảm nghèo bền vững <i>Sustainable poverty reduction Policy</i>	3	33	12		MNS2065
71.	MNS3068	Chính sách văn hoá và giáo dục <i>Cultural and Educational Policy</i>	3	36	9		MNS2065
72.	MNS3069	Chính sách dân tộc và tôn giáo <i>Ethnic and Religious Policy</i>	3	36	9		MNS2065
73.	MNS3070	Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội <i>Social Evils Prevention Policy</i>	3	36	9		MNS2065
		Hướng chuyên ngành Quản lý Sở hữu trí tuệ	15				
74.	MNS3071	Quyền tác giả và quyền liên quan <i>Copyright and Related Rights</i>	3	36	9		MNS1150
75.	MNS3072	Sáng chế và giải pháp hữu ích <i>Inventions and Utility Solutions</i>	3	36	9		MNS1150
76.	MNS3073	Kiểu dáng công nghiệp <i>Industrial Designs</i>	3	36	9		MNS1150
77.	MNS3074	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác <i>Trademark and Trade Indications other</i>	3	36	9		MNS1150
78.	MNS3075	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp <i>Enterprise Management of Intellectual Property</i>	3	36	9		MNS1150

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		Hướng chuyên ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ	15				
79.	MNS3076	Pháp luật về Khoa học và công nghệ <i>Legislation on Science and Technology</i>	3	36	9		MNS3008
80.	MNS3077	Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường <i>Social Studies of Science, Technology and Environment</i>	3	36	9		MNS3008
81.	MNS3078	Chính sách khoa học và công nghệ <i>Science and Technology Policy</i>	3	36	9		MNS3008
82.	MNS3079	Hệ thống đổi mới quốc gia <i>National Innovation System</i>	3	36	9		MNS3008
83.	MNS3080	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ <i>Science and Technology Enterprises</i>	3	36	9		MNS3008
V.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	13				
84.	MNS4050	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	2	6	24		MNS1100 MNS2065
85.	MNS40541	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Practice</i>	4	10	50		MNS4050
86.	MNS4052	Khóa luận tốt nghiệp <i>Thesis</i>	7				MNS4054
Tổng cộng			159				

Ghi chú:

Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy;

(): Học phần cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao hơn so với học phần cùng tên của chương trình đào tạo chuẩn ngành tương ứng;*

*(**): Học phần mới nhằm đạt chuẩn cao hơn so với chương trình đào tạo chuẩn ngành tương ứng.*

3. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
-----------	--------------------	---------------------	-------------------	--

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.	PHI 1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>, Nxb CTQG HN. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i>, Nxb CTQG HN. 3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), Đề cương Học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> (soạn theo học chế tín chỉ). <i>2 Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. V.I. Lênin (2005), “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, <i>V.I. Lênin toàn tập</i>, tập 18, Nxb CTQG HN, tr.36-233. 2. V.I. Lênin (2006), “Bút ký triết học”, <i>V.I. Lênin toàn tập</i>, tập 29, Nxb CTQG HN, tr.175-195, 199-215; 227-258. 3.C.Mác (1995), “Luận cương về Phoiobắc”, <i>C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập</i>, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.9-12. 4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), “Hệ tư tưởng Đức”, <i>C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập</i>, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.19-113. 5.C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, <i>C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập</i>, tập 4, Nxb CTQG HN, tr.595-643. .

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
2.	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	<i>1 Tài liệu bắt buộc</i> 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>, Nxb CTQG HN. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho các khối ngành kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)</i>, Nxb CTQG HN. 3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), Đề cương Học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> (soạn theo học chế tín chỉ). <i>2 Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Mai Ngọc Cường (2001), <i>Chủ nghĩa tư bản ở các nước chậm phát triển-Mâu thuẫn và triển vọng</i>, Nxb CTQG HN, (tr.76 - 100). 2. Đỗ Lộc Diệp, Đào Duy Quát, Lê Văn Sang (đồng chủ biên) (2003), <i>Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI</i>, Nxb KHXH, HN, (tr.15 - 165). 3. Lê Quý Độ (chủ biên) (2004), <i>Trật tự kinh tế quốc tế 20 năm đầu thế kỷ XXI</i>, Nxb Thế giới, HN, (tr. 45 -137). 4. V.I Lênin (2005), “Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản”, <i>V.I. Lênin toàn tập</i>, tập 27, Nxb CTQG, HN. tr.395-431, tr.485-492, tr.532-541.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Đề cương Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2002), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Tập trích tác phẩm của Hồ Chí Minh do Bộ môn Khoa học Chính trị, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn. 3. Võ Nguyên Giáp (2000), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb. CTQG., Hà Nội. 4. Phan Ngọc Liên, Nghiêm Văn Thái (1993), <i>Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay</i>, Nxb. Viện Thông tin KHXH, Hà Nội. 5. Song Thành (2005), <i>Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc</i>, Nxb. LLCT, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009): <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. CTQG, HN. 2. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS. TS. Tô Huy Rứa, GS. TS. Hoàng Chí Bảo, PGS. TS. Trần Khắc Việt, PGS. TS. Lê Ngọc Tòng (Đồng chủ biên): <i>Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay</i>, Nxb. CTQG, H.2009. 3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007): <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, tập I, II, III. Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn sách giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008). <i>Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006): <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (dành cho các trường đại học và cao đẳng), tái bản lần thứ nhất, Nxb. CTQG, HN. 3. <i>Chương trình Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (ban hành theo Quyết định số 52/2008 ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
5.	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Vũ Ngọc Loan, Tài liệu hướng dẫn soạn thảo văn bản Word, 2005 2. Vũ Ngọc Loan, Hướng dẫn thực hành, sử dụng Excel 2000, 2005 3. Vũ Ngọc Loan, Tài liệu hướng dẫn trình diễn PowerPoint, 2005 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương, Giáo trình Tin học cơ sở, NXB Đại học Sư phạm, 2004 2. Hoàng Kiếm, Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng, Giáo trình tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2000 3. Hoàng Chí Thanh, Tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004 4. Quách Tuấn Ngọc, Tin học căn bản, NXB Thống kê, 2001 5. Bùi Thế Tâm, Giáo trình tin học văn phòng, NXB Giao thông vận tải, 2002 6. Phạm Công Anh, tin học cơ bản Microsoft Word 2003, NXB Văn hoá thông tin, 2005 7. Phạm Công Anh, tin học cơ bản Microsoft Excel 2003, NXB Văn hoá thông tin, 2005 8. Nguyễn Ngọc Tuấn - Nguyễn Công Sơn, Giáo trình thực hành Internet, NXB Thống kê, 1999.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
6.	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1	4	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary: Students' book. Oxford University Press. - Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course- Elementary: Workbook. Oxford University Press. 2. Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Workbook. Oxford: Oxford University Press. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition). Oxford: Oxford University Press. 2. Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary:Teacher's book. Oxford University Press.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2201	Tiếng Nga cơ sở 1		<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. В.Е. Антонова, М.М. Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых. Дорога в Россию (элементарный уровень). Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2003. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Н.К. Венедиктова, Г.Г. Городилова. Русский язык для студентов-иностранцев. Nhà xuất bản Русский язык, Москва 1977. 2. С. Хавронина, Л. Харламова. Русский язык (лексико-грамматический курс для начинающих). Nhà xuất bản Русский язык, Москва 2001. 3. М.П. Аксёнова. Русский язык по-новому I. Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2301	Tiếng Pháp cơ sở 1	29	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. CAPELLE Guy, GIDON Noëlle, COUTELLE Annie, PONS Sylvie, <i>Le Nouvel Espaces 1</i>, Hachette F.L.E., 1995. 2. LAVENNE Christian, BÉRARD Evelyne, BRETON Gilles, CANIER Yves, TAGLIANTE Christine, <i>Studio 100 (niveau 1)</i>, Didier, 2001. 3. MONNERIE-GOARIN Annie, SIRÉFOLS Evelyne <i>Champion pour le DELF 1</i>, Clé International, 1999. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm :</i> 1. DUPUIS, Véronique, <i>Réussir le DELF A1</i>, Didier, 2002. 2. COURTILLON Janine, de SALIN Geneviève-Dominique, GUYOT-CLÉMEN Christine, <i>Libre Echange 1</i>, Hatier/Didier, 1996. 3. BERGER Dominique, MÉRIEUX Régine, <i>Cadences 1</i>, Hatier/Didier, 1994. 4. CARTON Francis, DUDA Richard, GREMMO Marie-José, RÉGENT Odile, TROMPETTE Charles, <i>Ecoute ... écoute</i>, Didier, 1986. 5. COURTILLON Janine, RAILLARD Sabine, GAUVENET Hélène, ARGOT Marc, <i>Archipel 1</i>, Didier, 1982. 6. DOMINIQUE Philippe, PLUM Chantal, CHAMPAGNE Guy, <i>Sans Frontières 1</i>, Clé International, 1985.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2401	Tiếng Trung cơ sở 1		<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. 《汉语教程》（1）（一年级教材，杨寄洲主编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình Hán ngữ” – quyển 1, giáo trình năm thứ 1, Đặng Kỳ Châu chủ biên, Nhà xuất bản §1i hác Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) 2. 《汉语教程》（2）（一年级教材，杨寄洲主编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình Hán ngữ” – quyển 2, giáo trình năm thứ 1, Đặng Kỳ Châu chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh) <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. 《汉语听力教程》（1）（一年级教材，胡波、杨雪梅编著，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình nghe Hán Ngữ” , quyển 1, giáo trình năm thứ 1, Hà Ba, Đặng Tuyết Mai biên soạn, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
7.	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2	5	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Elementary: Students'book</i>. Oxford University Press. 2. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course- Elementary: Workbook</i>. Oxford University Press. 3. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Pre Intermediate: Students'book</i>. Oxford University Press. 4. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Pre Intermediate: Workbook</i>. Oxford University Press. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition)</i>. Oxford: Oxford University Press. 2. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Elementary: Workbook</i>. Oxford: Oxford University Press. 3. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Pre Intermediate: Students' book (Fourth edition)</i>. Oxford: Oxford University Press. 4. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Pre Intermediate: Workbook</i>. Oxford: Oxford University Press.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2202	Tiếng Nga cơ sở 2		<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. В.Е. Антонова, М.М. Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых. Дорога в Россию (элементарный уровень). Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2003. 2. В.Е. Антонова, М.М. Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых. Дорога в Россию (базовый уровень). Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2003. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Н.К. Венедиктова, Г.Г. Городилова. Русский язык для студентов-иностранцев. Nhà xuất bản Русский язык, Москва 1977. 2. С. Хавронина, Л. Харламова. Русский язык (лексико-грамматический курс для начинающих). Nhà xuất bản Русский язык, Москва 2001. 3. М.П. Аксёнова. Русский язык по-новому. Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2302	Tiếng Pháp cơ sở 2	33	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. CAPELLE Guy, GIDON Noëlle, COUTELLE Annie, PONS Sylvie, <i>Le Nouvel Espaces 1</i>, Hachette F.L.E., 1995. 2. LAVENNE Christian, BÉRARD Evelyne, BRETON Gilles, CANIER Yves, TAGLIANTE Christine, <i>Studio 100 (niveau 1)</i>, Didier, 2001. 3. MONNERIE-GOARIN Annie, SIRÉFOLS Evelyne <i>Champion pour le DELF 1</i>, Clé International, 1999. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm :</i> 1. DUPUIS, Véronique, <i>Réussir le DELF A1</i>, Didier, 2002. 2. COURTILLON Janine, de SALIN Geneviève-Dominique, GUYOT-CLÉMEN Christine, <i>Libre Echange 1</i>, Hatier/Didier, 1996. 3. BERGER Dominique, MÉRIEUX Régine, <i>Cadences 1</i>, Hatier/Didier, 1994. 4. CARTON Francis, DUDA Richard, GREMMO Marie-José, RÉGENT Odile, TROMPETTE Charles, <i>Ecoute ... écoute</i>, Didier, 1986. 5. COURTILLON Janine, RAILLARD Sabine, GAUVENET Hélène, ARGOT Marc, <i>Archipel 1</i>, Didier, 1982. 6. DOMINIQUE Philippe, PLUM Chantal, CHAMPAGNE Guy, <i>Sans Frontières 1</i>, Clé International, 1985.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
	FLF2402	Tiếng Trung cơ sở 2		1. Tài liệu bắt buộc: 1. 《汉语教程》（3）（一年级教材，杨寄洲主编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình Hán ngữ” , quyển 3, giáo trình năm thứ 1, Dường Kỳ Châu chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh) 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. 《汉语听力教程》（2）（一年级教材，胡波、杨雪梅编著，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình nghe Hán ngữ”, quyển 2, giáo trình năm thứ 1, Hà Ba, Đường Tuyết Mai biên soạn, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh) 2. 《汉语阅读教程》（2）（一年级教材，彭志平编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình đọc hiểu tiếng Hán”, quyển 2, giáo trình năm thứ 1, Bình Chí Bình biên soạn, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
8.	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3	5	1. Tài liệu bắt buộc : 1. Soars, John and Liz , <i>New Headway Pre-Intermediate: Students' Book</i>, OUP, 2000. 2. Soars, John and Liz , <i>New Headway Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP, 2000. 3. Hutchinson, T. , <i>Lifelines Pre-Intermediate: Students' Book</i> , OUP, 1997. 4. Hutchinson, T. , <i>Lifelines Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP, 1997 2. Tài liệu tham khảo thêm : 1. Blackwell, A., Naber, T., <i>English KnowHow: Student's Book 2</i>, OUP, 2005 2. Blackwell, A., Naber, T., <i>English KnowHow: Workbook 2</i>, OUP, 2005 3. Oxeden, C., Lathem-Koenig, C., <i>English Files 2: Students' Book</i> , OUP, 1999 4. Oxeden, C., Lathem-Koenig, C., <i>English Files 2: Workbook</i> , OUP, 1999 5. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 2: Student's Book</i>, CUP, 2004 6. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 2: Workbook</i>, CUP, 2004 7. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 3: Student's Book</i>, CUP, 2004 8. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 3: Workbook</i>, CUP, 2004

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2203	Tiếng Nga cơ sở 3		<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. В.Е. Антонова, М.М, Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых. Дорога в Россию (базовый уровень). Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2003. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Н.К. Венедиктова, Г.Г. Городилова. Русский язык для студентов-иностранцев. Nhà xuất bản Русский язык, Москва 1977. 2.С. Хавронина, Л. Харламова. Русский язык (лексико-грамматический курс для начинающих). Nhà xuất bản Русский язык, Москва 2001. 3.М.П. Аксёнова. Русский язык по-новому II. Nhà xuất bản Злотоуст, Санкт-Петербург 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
	FLF2303	Tiếng Pháp cơ sở 3		1. Tài liệu bắt buộc: 1. CAPELLE Guy, GIDON Noëlle, <i>Le Nouvel Espaces</i> 2, Hachette F.L.E., 1995. 2. LAVENNE Christian, BÉRARD Evelyne, BRETON Gilles, CANIER Yves, TAGLIANTE Christine, <i>Studio 100 (niveau 2)</i>, Didier, 2001. 3. MONNERIE-GOARIN Annie, SIRÉFOLS Evelyne <i>Champion pour le DELF</i> 2, Clé Internaional, 1999. 2. Tài liệu tham khảo thêm : 1. DUPUIS, Véronique, <i>Réussir le DELF A2</i>, Didier, 2002. 2. BERGER Dominique, MÉRIEUX Régine <i>Cadences</i> 2, Hatier/Didier, 1994. 3. COURTILLON Janine, RAILLARD Sabine, GAUVENET Hélène, ARGOT Marc, <i>Archipel</i> 2, Didier, 1982. 4. COURTILLON Janine, de SALIN Geneviève-Dominique, GUYOT-CLÉMEN Christine, <i>Libre Echange</i> 2, Hatier/Didier, 1996. 5. DOMINIQUE Philippe, PLUM Chantal, CHAMPAGNE Guy, <i>Sans Frontières</i> 2, Clé International, 1985. 6. GIBERT Pierre, GREFFET Philippe, PARIZET Marie-Louise, PÉREZ-LÉON Annie, RAUSCH Alain, <i>Bonne Route</i> 2, Hachette, 1989 .

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
	FLF2403	Tiếng Trung cơ sở 3		<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. 《汉语教程》（1）（一年级教材，杨寄洲主编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình Hán ngữ” – quyển 1, giáo trình năm thứ 1, Đặng Kỳ Châu biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) 2. 《汉语教程》（2）（一年级教材，杨寄洲主编，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình Hán ngữ” – quyển 2, giáo trình năm thứ 1, Đặng Kỳ Châu biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. 《汉语听力教程》（1）（一年级教材，胡波、杨雪梅编著，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình nghe Hán Ngữ” , quyển 1, giáo trình năm thứ 1, Hà Ba, Đặng Tuyết Mai biên soạn, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) 2. 《汉语听力教程》（2）（一年级教材，胡波、杨雪梅编著，北京语言文化大学出版社）（“Giáo trình nghe Hán Ngữ” , quyển 2, giáo trình năm thứ 1, Hà Ba, Đặng Tuyết Mai biên soạn, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) 3. 《汉语阅读教程》（1）（一年级教

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
9.	FLF2104	Tiếng Anh cơ sở 4 (*)	5	<i>1. Tài liệu bắt buộc :</i> 1. Soars, John and Liz , <i>New Headway Pre-Intermediate: Students' Book</i>, OUP, 2000. 2. Soars, John and Liz , <i>New Headway Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP, 2000. 3. Hutchinson, T. , <i>Lifelines Pre-Intermediate: Students' Book</i> , OUP, 1997. 4. Hutchinson, T. , <i>Lifelines Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP, 1997 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm :</i> 1. Blackwell, A., Naber, T., <i>English KnowHow: Student's Book 2</i>, OUP, 2005 2. Blackwell, A., Naber, T., <i>English KnowHow: Workbook 2</i>, OUP, 2005 3. Oxeden, C., Lathem-Koenig, C., <i>English Files 2: Students' Book</i> , OUP, 1999 4. Oxeden, C., Lathem-Koenig, C., <i>English Files 2: Workbook</i> , OUP, 1999 5. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 2: Student's Book</i>, CUP, 2004 6. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 2: Workbook</i>, CUP, 2004 7. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 3: Student's Book</i>, CUP, 2004 8. Richard, J. C., Barbisan, C., <i>Connect 3: Workbook</i>, CUP, 2004

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
10.		Giáo dục thể chất	4	
11.		Giáo dục Quốc phòng an ninh	8	
12.		Kỹ năng bổ trợ	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
13.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1. Tài liệu bắt buộc 1.Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Các phương pháp nghiên cứu khoa học</i>, Tập bài giảng điện tử, 2015, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý Vũ Cao Đàm, 2.<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục, 2015, Phòng Tư liệu, Viện Chính sách và Quản lý 3.Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu khoa học dành cho các trường Cao đẳng, Đại học</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013 4.Vũ Cao Đàm, <i>Đánh giá nghiên cứu khoa học</i>, NXB KH&KT, 2011, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 5.Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, NXB ĐHQGHN, in lần thứ 2, 2003, (Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội) 2. Tài liệu tham khảo thêm 1.L.Therese Baker, <i>Thực hành nghiên cứu xã hội</i>, NXB Chính trị quốc gia, 1998 2.Donatella Della Porta and Michael Keating, <i>Approaches and methodologies in the social sciences – A pluralist perspective</i>, Cambrige University Press, 2008, ISBN: 9780521883221 – 9780521709668

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
14.	HIS1056*	Cơ sở văn hoá Việt Nam*	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Trần Quốc Vượng (Cb), Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998. 2. Đào Duy Anh, Việt Nam văn hoá sử cương, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội. Nguyễn Thừa Hỷ, Lịch sử văn hoá Việt Nam truyền thống giản yếu, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Belik, A.A, Văn hóa học – Những lý thuyết Nhân học Văn hóa, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000. 2. Toan Ánh, Làng xóm Việt Nam, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1999. 3. Toan Ánh, Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam (2 quyển), Nếp cũ hội hè đình đám (2 quyển), Nếp cũ con người Việt Nam, Nếp cũ làng xóm Việt Nam, NXB Trẻ, 2005. 4. Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995 5. Phan Đại Doãn, Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, H., 1999 6. Bùi Xuân Đính, Lệ làng phép nước, NXB Pháp lý, H., 1985 7. Nguyễn Duy Hinh, Người Việt Nam với đạo giáo, Nxb KHXH, H., 2003

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
15.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới(*)	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Vũ Dương Ninh (cb), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, Nxb GD, H, 2002. 2. Lương Ninh (cb), <i>Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại</i>, Nxb GD, H, 2003. 3. Nguyễn Văn Tân, Hoàng Minh Hoa, Phạm Hồng Việt, <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, Nxb GD, H, 1997. 4. Lương Ninh (cb), <i>Lịch sử thế giới cổ trung đại</i>, Nxb GD, 2003. 5. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú, <i>Đại cương lịch sử thế giới cổ đại</i>, Nxb ĐH & GDCN, H., 1990 6. Carane Brinton, John Christopher, Robert Lee Wolff, <i>Lịch sử phát triển văn hóa văn minh nhân loại</i>, Nguyễn Văn Lượng dịch, Nxb VHTT, 2004. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Đỗ Đình Hằng, Đinh Trung Kiên. <i>Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa</i>, Nxb Quân đội Nhân dân. 2. Mortimer Chambers, Barbara Hanawalt, David Herlihy, Theodore K.Rabb, Isser Woloch, Raymond Grew, <i>Lịch sử văn minh phương Tây</i>, Nxb VHTT, H., 2004 3. Fernand Braudel, <i>Tìm hiểu các nền văn minh trên thế giới</i>, Nxb KHXH, 2003 <i>luật thế giới</i>, Nxb ĐHQG HN, H., 1997

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
16.	PHI1054	Logic học đại cương	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn: Giáo trình Lô gích học đại cương, 1/2007. 2. Tập bài tập môn lô gích học đại cương do tổ lô gích biên soạn. 3. Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn: Lôgic học đại cương, H., 2003 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Vương Tất Đạt, Lô gích học đại cương. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia HN 2000. 2. TS. Vương Tất Đạt, Bùi Văn Quân, Nguyễn Thị Vân Hà: Phương pháp giải các bài tập của lô gích học; NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà nội 2006. 3. Nguyễn Đức Dân: Lôgic và tiếng Việt, Nxb. Giáo dục, 1996 4. Nguyễn Đức Dân: Nhập môn lôgic hình thức, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003 5. Hoàng Chúng: Lôgic học phổ thông, Nxb. Giáo dục 1993 6. Nguyễn Anh Tuấn, Tô Duy Hợp: Lôgic học hình thức, Nxb. Đồng Nai, 2001 7. Nguyễn Anh Tuấn: Ứng dụng lôgic hình thức, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2004

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
17.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Hoàng Kim Quế. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. 2. Nguyễn Cửu Việt. Giáo trình Nhà nước và Pháp luật đại cương. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhà nước và Pháp luật Việt Nam trước thêm thế kỷ XXI. Nhà xuất bản công an nhân dân. 2002 2. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
18.	PSY1051*	Tâm lý học đại cương*	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Nguyễn Quang Uẩn. Tâm lý học đại cương. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998 2. Phạm Minh Hạc. Tâm lý học. Nhà xuất bản Giáo dục. 1983 3. Trần Thị Minh Đức. Tâm lý học đại cương. Nhà xuất bản Giáo dục. 1995 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Trần Trọng Thủy. Bài tập thực hành tâm lý học. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 2002.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
19.	SOC1051*	Xã hội học đại cương*	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Tony Bilton, Kenvin Bonnett và các tác giả khác, Nhập môn xã hội học. 1993. Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà nội. 2. John J. Macionis. Xã hội học, 1987, NXB Thống kê. 3. G. Endrweit và G. Trommsdorff, Từ điển Xã hội học, 2001, NXB Thế giới. 4. Gunter Endrweit. Các lý thuyết xã hội học. 1999, NXB Thế giới, Hà nội. 5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Phương pháp nghiên cứu xã hội học, 2001, NXB ĐHQGHN <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Hernann Korte (Nguyễn Liên Hương biên dịch). Nhập môn lịch sử xã hội học. 1997, NXB Thế giới, Hà Nội. 2. Lê Ngọc Hùng, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, 2002, NXB ĐHQGHN 3. Osipov G.V. Những cơ sở nghiên cứu xã hội học. (1988), NXB Tiến bộ. Matxcova. 4. Pierre Ansart (Huyền Giang biên dịch). Các trào lưu xã hội học hiện nay, (2001), Tạp chí xưa và nay. NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 5. Robert Lowie, Luận về xã hội học nguyên thủy. 2001, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
20.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Kinh tế học vi mô. Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà xuất bản Giáo dục. 1997 2. Kinh tế học vĩ mô. Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà xuất bản Giáo dục. 1997 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Giáo trình kinh tế học đại cương, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
21.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Lê Văn Khoa (chủ biên). Khoa học môi trường. Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 2004. 2. Lê Quý An (chủ biên). Việt Nam - Môi trường và cuộc sống. Hà Nội 2006. 3. Hành trình vì sự phát triển bền vững 1972-1992-2002. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội 2002. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam. 2. Nghị định 80/CP/2006 Hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 3. Nghị định 81/CP/2006 Về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. 4. GEO 2000 Global Environmental outlook. 5. Living_planet_report 2006 6. Human Development Report 7. MDG Report 2006 8. World Development Report 2006. Overview. Equity and Development. 9. World Development indicators 2007

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
22.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1.Đào Hữu Hồ. Giáo trình thống kê xã hội học. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội. 2007. 2. Tài liệu tham khảo thêm: 1. Đào Hữu Hồ. Thống kê xã hội học. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 2006
23.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp. Tiếng Việt thực hành. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 1996 2. Nguyễn Hữu Đạt. Tiếng Việt thực hành. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 2002. 2. Tài liệu tham khảo thêm: 1.Trần Ngọc Thêm. Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 1985.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
24.	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Một số giáo trình/bài giảng chuyên ngành của khoa liên quan đến tìm kiếm, khai thác thông tin 2. Nghiêm Xuân Huy, 2006, <i>Kiến thức thông tin với giáo dục đại học</i>, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Kiến thức thông tin năm 2006 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, <i>Kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin trên Internet</i>, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Danh_gia_tai_lieu_tren_mang.ppt> 2. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, <i>Kỹ năng trích dẫn tài liệu</i>, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Ky_nang_trich_dan_tai_lieu27122010.ppt> 3. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, <i>Kỹ năng trích dẫn tài liệu</i>, truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Referencing_skills_v4.pdf> 4. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, <i>Tìm kiếm thông tin trên Internet</i>, truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Internet_searching_v5.pdf>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
25.	TOU1100	Đại cương về quản trị kinh doanh	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc.</i> 1.Lê Văn Tâm, Ngô Kim Thanh, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB. Lao động Xã hội, Hà Nội, 2004 . 2.Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Đình Hòa, Trần Thị Ý Nhi, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2007

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
26.	MNS1100	Khoa học quản lý đại cương (*)	3	<i>1. Giáo trình bắt buộc:</i> 1. Phạm Ngọc Thanh, Đề cương bài giảng Khoa học quản lý đại cương. 2. H. Koontz và các tác giả, Những vấn đề cốt yếu của quản lý, NXB KHKT, Hà Nội, 1994 3. James H. Donnelley và các tác giả, <i>Quản trị học căn bản</i>, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2004 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Nguyễn Hải Sản, Quản trị học, NXB Thống Kê, Hà Nội, 1998 2. Peter.F Drucker, Tinh hoa quản trị Drucker, NXB Trẻ, TpHCM, 2008 3. Henry Mintzberg, <i>Nghề quản lý: Những tư tưởng hàng đầu về quản lý</i>, Nxb Thế giới, 2010 4. W.E.Deming, <i>Vượt qua khủng hoảng: Phong cách quản lý kiểu Nhật Bản trong giải quyết khủng hoảng nội bộ doanh nghiệp</i>, Nxb LĐ-XH, 2012

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
27.	MNS1104	Quản lý nguồn nhân lực (*)	3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Hoàng Văn Luân, Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Anh Thư, Bài giảng Quản lý nguồn nhân lực (2012). 2. Paul Hersey và Ken Blanc Hard (1995), <i>Quản lý nguồn nhân lực</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 3. PGS TS Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2009), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức</i>, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Trần Kim Dung (2003), <i>Quản trị nhân sự</i>, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội 2. Lê Thanh Hà (2010), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Nhà xuất bản Đại học Lao động – Xã hội 3. Lê Quân (2010), <i>Bài tập tình huống và thực hành quản trị nhân lực</i>, Nhà xuất bản Thống kê 4. Trần Minh Nhật (2009), <i>Phương pháp sử dụng nguồn nhân lực</i>, Nhà xuất bản thời đại. 5. http://webphanmemketoan.blogspot.com/2013/12/phan-mem-quan-ly-nhan-su-misa-hrmnet.html

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
28.	PSY2031	Tâm lý học quản lý	3	1. Tài liệu bắt buộc. 1. Nguyễn Bá Dương (chủ biên). Tâm lý học Quản lý, Nxb CTQG. 2003, phòng tư liệu khoa. 2. Vũ Duy Yên (chủ biên). Tâm lý học quản lý , Nxb Thống kê.2002. phòng tư liệu khoa. 3. Nguyễn Đình Chính, Phạm ngọc Uyển. Tâm lý học Quản lý.Nxb Giáo dục 1998, phòng tư liệu khoa. 2. Tài liệu tham khảo thêm. 1. Những khía cạnh tâm lý trong công tác cán bộ. Nxb CTQG 1996, phòng tư liệu khoa. 2. Paul Hersey Ken Blanc hard. Quản trị hành vi tổ chức, Nxb Thống kê, 2001. 3. Vũ Dũng Tâm lý học xã hội với quản lý, Nxb CTQG 1995, phòng tư liệu khoa 4. Harold Koontz. Những vấn đề cốt yếu của quản lý . Nxb KHKT 1994. phòng tư liệu khoa.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
29.	GEO1001	Địa lý thế giới	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc.</i> 1. Ông Thị Đan Thanh. Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. NXBĐHSP. 2006 2. Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông. Địa lý kinh tế - xã hội đại cương. NXB Đ <i>2. Tài liệu tham khảo thêm.</i> 1.Sổ tay các nước trên thế giới - NXB Thế giới. 1996 2.Nguyễn Quảng (chủ biên). 217 Quốc gia và lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống kê Hà Nội. 2003 3. Phan Huy Xu- Mai Phú Thanh "Các nước Tây Âu" NXB GD.1995. 4.Phan Huy Xu – Mai Phú Thanh "Địa lý Đông Nam Á" NXB GD. 1995 5. H.J.De Blij, Peter O Muller, "Geography regions and concepts" USA 1992.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
30.	CAL2004	Luật hành chính Việt Nam	2	1. Tài liệu bắt buộc. 1. Nguyễn Cửu Việt, Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. 2. Nguyễn Cửu Việt, Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000. 3. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004. 4. Một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến môn Luật Hành chính. 2. 2. Tài liệu tham khảo thêm. 1. Nguyễn Ngọc Điệp, Vũ Mạnh Thông, Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000. 2. Lê Bình Vọng, Một số vấn đề về tài phán hành chính ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994. 3. Đoàn Trọng Truyền, Nhà nước và tổ chức hành pháp của các nước tư bản, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1993. 4. W.R. Schenke, Luật tổ tụng hành chính của Cộng hòa Liên bang Đức (bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Sĩ Đại), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
31.	MNS1102	Lý thuyết hệ thống	2	1. Tài liệu bắt buộc 1.Vũ Cao Đàm, <i>Lý thuyết hệ thống và điều khiển học</i>, Tập bài giảng điện tử, 2003, Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2.Mai Hà, <i>Tập bài giảng Lý thuyết hệ thống và phân tích hệ thống ứng dụng</i>, 2003, Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2. Tài liệu tham khảo thêm: 1.Ludwig von Bertalanffy, <i>General System Theory – Foundations, Development, Application</i>, George Braziller, Inc, New York, 1968, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. (<i>Lý thuyết hệ thống tổng quát – cơ sở - phát triển - ứng dụng</i>, Bản dịch của Ngô Quốc Phương, Nguyễn Quý Nghị, Phạm Hoàng Giang, Phan Hồng Giang, 2007), Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2.Jamshid Gharajedaghi, <i>Tư duy hệ thống – Quản lý hỗn độn và phức hợp- Một cơ sở cho thiết kế kiến trúc kinh doanh</i>, Chu Tiến Ánh dịch, Phan Đình Diệu giới thiệu, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005 (nguyên bản: <i>Systems Thinking- Managing Chaos and Complexity-A Platform for designing business architecture</i>, Butterworth – Heinemann, USA, 1999), Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
32.	LIB2001	Thông tin học đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc. 1. Đoàn Phan Tân. Thông tin học/Đoàn Phan Tân.-H.: ĐHQG HN, 2001. 2. Nguyễn Hữu Hùng. Thông tin, từ lý luận đến thực tiễn.- H.: Văn hoá Thông tin, 2005. 3. Phan Văn. Thông tin học/Phan Văn.- H.: ĐHQG HN, 2000. 4. Trần Thị Quý. Tập bài giảng thông tin học đại cương.- H.: ĐH KHXH & NV, 2001. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Trần Thị Quý, Nguyễn Thị Đào. Xử lý thông tin trong hoạt động thông tin - thư viện.-H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.- 230 tr. 2. Đặng Hữu. Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình Công nghiệp hoá, hiện đại đất nước/ Đặng Hữu.- H.: Chính trị Quốc gia, 2001.- 387 tr. 3. Đoàn Phan Tân. Các hệ thống thông tin quản lý/ Đoàn Phan Tân.-H.: ĐH Văn hoá Hà Nội.- 2004.- 278 tr. 4. Lê Văn Viết. Cẩm nang nghề thư viện.- H.: Văn hoá Thông tin, 2000.- 629 tr. 5. Quản lý thông tin & công nghệ thông tin/ Nguyễn Khắc Khoa chủ biên.- H.: Văn hoá Thông tin, 2000.- 321 tr. 59 6. Trần Văn Tùng. Nền kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam. H.: Thế giới, 2001 -217 tr

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
33.	MNS1101	Văn hoá tổ chức	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc.</i> 1. Phạm Ngọc Thanh, Tập đề cương bài giảng “Văn hoá tổ chức”, Hà Nội, 2012. 2. Thành Duy, Văn hóa đạo đức. Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt nam, NXB Văn hóa Thông tin, HN., 2004. 3. Đỗ Thị Thu Hoài. Văn hóa doanh nghiệp. NXB Tài Chính, 2009 4. Phạm Ngọc Thanh (CB). Đổi mới văn hóa lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay, NXB Lao Động. 2011 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chris Clarke - Epstein, 78 câu hỏi dành cho người lãnh đạo, NXB Lý luận chính trị, 2005. 2. O.Bennis: Để trở thành nhà quản lý giỏi, NXB Văn hoá-Thông tin, 2004. 3. Edgar H. Schein, Organizational Culture and Leadership, NXB Jossey – Bass, Hà Nội, 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
34.	MNS2064 *	Hành chính học đại cương*	3	1. Tài liệu bắt buộc. 1. Đoàn Trọng Truyền, Hành chính học đại cương, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Nguyễn Ngọc Hiến (Chủ biên), Hành chính công, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2003. Nơi có tài liệu này: Thư viện Học viện Hành chính Quốc gia, đường Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội. 3. Nguyễn Văn Thâm (Chủ biên), Thủ tục hành chính, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 4. Võ Kim Sơn (Chủ biên), Tổ chức nhân sự hành chính nhà nước, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Thu Vân, Hoàng Thị Hoài Hương, Tài liệu tham khảo Kỹ năng giao tiếp trong quản lý hành chính nhà nước, do Khoa Văn bản và Công nghệ hành chính, Học viện Hành chính quốc gia phát hành năm 2006. Nơi có tài liệu này: giảng viên cung cấp cho sinh viên. 2. Võ Văn Tuyền (Chủ biên), Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.	MNS1152 *	Đại cương về sở hữu trí tuệ *	3	1. Tài liệu bắt buộc 1.Trần Văn Hải (2012), <i>Bài giảng Đại cương về Sở hữu trí tuệ</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2.Trần Văn Hải (2012), <i>Bài giảng Nhận hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 3.Lê Đình Nghi, Vũ Thị Hải Yến (2009) – đồng chủ biên, <i>Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ</i>, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội. 4.Lê Thị Thu Hà (2010), <i>Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế</i>, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội. 5.Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, <i>Cẩm nang Sở hữu trí tuệ</i>, (bản dịch tiếng Việt của Trần Hữu Nam), Cục Sở hữu trí tuệ xuất bản 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2. Tài liệu tham khảo thêm 1.Phạm Phi Anh, Trần Văn Hải (2010), <i>Bài giảng sáng chế và mẫu hữu ích</i>, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội 2. Nguyễn Bá Bình (2005), <i>Bảo hộ Kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam - Pháp luật và thực tiễn</i>, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
2.	MNS3039	Quản lý biến đổi	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Nguyễn Văn Chiều, Trần Ngọc Liêu, <i>Bài giảng Quản lý biến đổi</i>, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2011. 2. Cẩm nang quản lý kinh doanh, <i>Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp</i>, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, HCM, 2006 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Robert Heller, <i>Quản lý sự thay đổi</i>, NXB Tổng hợp Tp HCM, 2006 2. Subir Chowdhury, <i>Quản lý trong thế kỉ XXI</i>, NXB Giao thông vận tải, H, 2006

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
3.	SOC3009	Xã hội học quản lý	3	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Nguyễn Văn Thủ, Nguyễn Thị Vân Hạnh: “Xã hội học quản lý”, Tập bài giảng điện tử, 2007, Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học 2. Vũ Hào Quang: “Xã hội học quản lý”, Nxb ĐHQGHN, 2005 3. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh: “Phương pháp nghiên cứu xã hội học”, Nxb ĐHQGHN, 2001 4. L. Therese Baker: “Thực hành nghiên cứu xã hội”, Nxb Chính trị quốc gia, 1998 2. <i>Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Vũ Cao Đàm: “Phương pháp luận nghiên cứu khoa học”, Nxb KH&KT, 2006, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2. Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Huân: “Giáo trình SPSS” (dành cho sinh viên khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn), Nxb ĐHQGTPHCM, 2003 3. Helmut Kromrey: “Nghiên cứu xã hội thực nghiệm”, Nxb Thế giới, 1999 4. Ghava Frankfort-Nachmias David Nachmias” “Research Methods in the Social Sciences”, 4th Ed, St. Martin’s Press, USA, 1992

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
4.	SOC3038	Xử lý dữ liệu	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Ứng dụng SPSS for Windowa xử lý và phân tích dữ liệu trong các nghiên cứu về giáo dục, y tế, tâm lý và xã hội, 2004. Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Văn Liệu 2. Ứng dụng SPSS for Windows để xử lý và phân tích dữ kiện nghiên cứu (Marketing quản trị, kinh tế, y học, tâm lý, xã hội), 1997. Võ Văn Huy, Võ Thị Lan, Hoàng Trọng. NXB KH và KT 3. Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội, 2003. Lê Minh Tiến. NXB Trẻ 4. Giáo trình SPSS (Dành cho sinh khối ngành khoa học xã hội và nhân văn), 2003. Đỗ Văn Thắng-Phan Thành Huân. NXBĐHQG TPHCM. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. SPSS- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên-xã hội, 2002. Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cử, Nguyễn Quốc Anh. NXB Giao thông vận tải

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
5.	MNS1153	Luật Hiến pháp	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Văn Hải (2013), <i>Bài giảng Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt nam</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Nơi có tài liệu này: Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. 3. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (Chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, NXB Công an nhân dân</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý 4. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), <i>Sửa đổi Hiến pháp – Lý luận và thực tiễn</i>, NXB Chính trị quốc gia 5. Các bản Hiến pháp Việt Nam: Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp Việt Nam 1992 (sửa đổi 2001) <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Đỗ Ngọc Hải (2006), <i>Hiến pháp 1946 – bản Hiến pháp đặt nền móng cho nền lập hiến Nhà nước Việt Nam</i>, NXB Chính trị - Quốc gia. 2. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2012), <i>Tuyển tập Hiến pháp của một số quốc gia</i>, NXB Hồng Đức 3. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2012), <i>Xây dựng và bảo vệ Hiến pháp –</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
6.	ARO3002	Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Vương Đình Quyền: <i>Lý luận và phương pháp công tác văn thư</i>, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005. 2. Vũ Thị Phụng : <i>Lý luận và kỹ thuật soạn thảo văn bản</i> (Tập bài giảng). Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1995. 3. <i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i> (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. 4. <i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND</i>, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005. 5. Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06.5.2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, Công báo số, năm 2005. 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Nghị định số 161/2005/NĐ-CP ngày 27.12.2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, www.luuatruvn.gov.vn. 2. Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06.9.2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, www.luuatruvn.gov.vn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
7.	ARO3201	Nghịệp vụ thư ký	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1 Vũ Thị Phụng: <i>Nghịệp vụ thư ký văn phòng</i> (Giáo trình). Nhà xuất bản (NXB) Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tái bản 2003, 2007 2 Khoa Văn bản và Công nghệ hành chính (Học viện Hành chính Quốc gia): <i>Nghịệp vụ thư ký văn phòng và tổ chức</i>. Hà Nội, 2002 2. Tài liệu tham khảo thêm: 1 Viện Nghiên cứu và Đào tạo và Quản lý: <i>Phương pháp và kỹ năng tổ chức Hội nghị, hội thảo</i>. NXB Lao động Xã hội, H, 2005. 2 GS. Mai Hữu Khuê (chủ biên): <i>Kỹ năng giao tiếp trong hành chính</i>. NXB Lao động, H, 1997. 3 Vương Hoàng Tuấn : <i>Kỹ năng và nghịệp vụ văn phòng</i>. NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2000.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
1.	MNS2053 *	Lịch sử tư tưởng quản lý*	4	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Nguyễn Thị Doan và các tác giả, <i>Các học thuyết quản lý</i>, NXB CTQG, Hà Nội, 1995 2. Lê Hồng Lôi, <i>Đạo của quản lý</i>, NXB ĐHQGHN, Hà Nội, 2004 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hồ Văn Vĩnh, <i>Một số vấn đề về tư tưởng quản lý</i>, NXB CTQG, Hà Nội, 2003 2. Viện NC&ĐT về QL, <i>Tinh hoa quản lý</i>, NXB Lao Động, Hà Nội, 2003.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
2.	MNS3037*	Khoa học tổ chức*	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Nguyễn Hữu Tri: <i>Lý thuyết tổ chức</i>, Nhà xuất bản (NXB) Chính trị Quốc gia, 2013. 2. Nguyễn Bá Dương (cb), Nguyễn Cúc, Đức Uy: <i>Những vấn đề cơ bản của khoa học tổ chức</i>. Nxb. CTQG, H., 2004. 3. Trung tâm nghiên cứu khoa học tổ chức, quản lý: <i>Khoa học tổ chức và quản lý</i>. Nxb. Thống kê, H., 1999. 4. M. Kecgientxep: <i>Những nguyên lý của công tác tổ chức</i>. Nxb. Thanh niên, H., 1999. 5. Gunter Buscheges: <i>Nhập môn xã hội học tổ chức</i>. Nxb. Thế giới, H., 1996. 6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương: <i>Lý luận và nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ</i> (Lưu hành nội bộ). H., 2001. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Gareth Morgan: <i>Cách nhìn nhận tổ chức từ nhiều góc độ</i>. Nxb. KHKT, H., 1994. 2. Bùi Thế Vĩnh: <i>Thiết kế tổ chức các cơ quan nhà nước</i>. Nxb. CTQG, H., 1999. 3. Nguyễn Thị Hoà, Nguyễn Thị Kim Liên: <i>Những nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước</i>. Nxb. CTQG, H.,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
7.	MNS2065 *	Khoa học chính sách *	3	1. Tài liệu bắt buộc 1.Vũ Cao Đàm, Giáo trình Khoa học chính sách, NXB Đại học Quốc gia, 2011 2.Vũ Cao Đàm, <i>Khoa học chính sách</i>, Tập bài giảng, Phòng tư liệu Khoa Khoa học quản lý, 2015. 3.Vũ Cao Đàm, <i>Khoa học chính sách</i>, Tập bài giảng trình chiếu, Phòng tư liệu Khoa Khoa học quản lý, 2015 4.Vũ Cao Đàm và Nguyễn Chí Dũng, <i>Phân tích chính sách</i>, Tập bài giảng cho SAREC/SIDA, Thụy Điển, 2006, Thư viện Rosa Luxemburg, 5.Vũ Cao Đàm, <i>Phân tích chính sách</i>, <i>Bài giảng điện tử</i>, Thuyết trình tại các lớp Nghiên cứu chính sách của Quốc hội do Trung tâm LERES tổ chức 6.Nhiều tác giả, <i>Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách</i>, Tài liệu của các Khóa tập huấn cho đối tượng là cán bộ quản lý và hoạch định chính sách cấp cơ sở do Trung tâm Nghiên cứu và Phân tích chính sách tổ chức và biên soạn 2. Tài liệu tham khảo thêm 1.Robert Harris (Bản dịch của Đào Thanh Trường) (2005), <i>Policy Decision Making</i>, Thư viện Rosa Luxemburg (2005), 2.<i>Policy Making Technique</i> (Bản dịch của Đào Thanh Trường).

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
8.	MNS3036	Văn hoá và đạo đức quản lý	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Phạm Ngọc Thanh, <i>Tập đề cương bài giảng “Văn hoá và Đạo đức quản lý”</i>, Hà Nội, 2006. 2. David H.Maister, <i>Bản sắc văn hoá doanh nghiệp</i>, NXB Thống kê, 2005. 3. Jerome Ballet, Francoise de Bry, <i>Doanh nghiệp và đạo đức</i>, NXB Thế giới, 2005. 4. F.Trompenaars, Charles Hampden-Turner, <i>Chinh phục các làn sóng văn hoá</i>, NXB Tri Thức, 2006. 5. P.Hersey, Ken Blanc Hard, <i>Quản trị hành vi tổ chức</i>, NXB Thống kê, 2002. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. <i>Tư duy lại tương lai</i>, (nhiều tác giả), NXB Trẻ TpHCM, 2002. 2. O.Bennis, <i>Để trở thành nhà quản lý giỏi</i>, NXB Văn hoá-Thông tin, 2004. 3. Chu Trọng Lương, <i>Thế kỷ XXI làm lãnh đạo như thế nào</i>, NXB Hà Nội, 2003. 4. S.Chowdhury, <i>Quản lý trong thế kỷ XXI</i>, NXB GTVT, 2006. 5. Lê Hồng Lôi, <i>Đạo của quản lý</i>, NXB ĐHQGHN, 2004. 6. <i>Tinh hoa quản lý</i>, (Nguyễn cảnh Chất dịch và biên soạn), NXB LĐ-XH, 2002.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
9.	MNS3002 *	Lý thuyết quyết định (*)	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1.Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, Lý thuyết quyết định, Tập bài giảng, 2015, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2.Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, Lý thuyết quyết định, Tập bài giảng trình chiếu, 2015, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 3.Robert Harris, Decision Making Techniques, Vũ Cao Đàm sưu tầm – Bản dịch của Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, 2004, Thư viện Rosa Luxemburg, P208 Nhà D, Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội 4.Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright, Giới thiệu lý thuyết trò chơi và một số ứng dụng trong kinh tế học vi mô, Bài giảng Nhập môn Lý thuyết trò chơi, 2011 <i>2. Tài liệu tham khảo</i> 1.Louis E.Boone and David L.Kurtz, Principles of Management, 7th Edition, Dryden Press, USA, 1998, Thư viện Rosa Luxemburg, P208 Nhà D, Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội 2.Richard L.Dart, Management, 6th Edition, Troy Warehouse Press, USA, 2001, Thư viện Rosa Luxemburg, P208 Nhà D, Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội 3.Paul Goodwin and George Wright, Decision Analysis for Management Judgment, 3rd edition. Chichester: Wiley, 2004 ISBN 0-470-86108-8 (covers both normative and descriptive theory)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
10.	MNS2058 *	Khoa học và công nghệ luận*	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Vũ Cao Đàm, <i>Nghiên cứu khoa học: phương pháp luận và thực tiễn</i>, NXB Chính trị Quốc gia, 1999, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Vũ Cao Đàm, <i>Nhập môn khoa học luận đại cương</i>, Tập bài giảng, 2007, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Vũ Cao Đàm, <i>Khoa học và công nghệ luận</i>, Tập bài giảng điện tử, 2007, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 4. Vũ Cao Đàm, <i>Khoa học luận</i>, Tập bài giảng điện tử, 2007, Phòng tư liệu khoa khoa học quản lý. 5. Vũ Cao Đàm, <i>Công nghệ luận</i>, Tập bài giảng điện tử, 2007, Phòng tư liệu khoa Khoa học quản lý. 6. Vũ Cao Đàm, <i>Quản lý công nghệ</i>, Tập bài giảng điện tử, 2007, Phòng tư liệu khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Vũ Cao Đàm, <i>Đánh giá nghiên cứu khoa học</i>, NXB KH&KT, 2005, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tái bản lần thứ 12, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
11.	MNS3008 *	Quản lý khoa học và công nghệ *	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Vũ Cao Đàm, <i>Tập bài giảng môn Quản lý Khoa học và Công nghệ</i>, 2015, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Quản lý Khoa học và Công nghệ</i>, Tập bài giảng điện tử, 2015, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý 3. Vũ Cao Đàm: <i>Đánh giá Nghiên cứu khoa học</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2012 4. Vũ Cao Đàm, <i>Một số vấn đề quản lý khoa học và công nghệ ở nước ta</i>, NXB Khoa học kỹ thuật, 2011 5. Schilling, Melissa A., <i>Strategic Management of Technological Innovation</i>, 3rd Ed, McGraw-Hill, Irwin, 2010 6. Tran Ngoc Ca (1999), <i>Technological Capability and Learning in Firms</i>, Ashgate, Aldershot.Brookfield USA.Singapore.Sydney. 7. Vũ Cao Đàm và ctg: <i>Hiệu quả đầu tư vào khoa học và kỹ thuật</i>, Viện Quản lý Khoa học, 1987. 8. Nguyễn Thanh Hà: <i>Quản lý Công nghệ</i>, Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách KH&CN, 1998. 9. Baram Michael: <i>Technology Assessment and Social Control</i>. Nxb Science, 1998

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
12.	MNS3009	Quản lý chất lượng	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Phó Đức Trà, Phạm Hồng: <i>ISO 9000 – 2000</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2002 2. Phạm Hồng, Phạm Văn Tiến: <i>Tập bài giảng Quản lý chất lượng</i>, 2007, Thư viện Khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Tạ Thị Kiều An và cộng sự: <i>Quản lý chất lượng trong các tổ chức</i>, NXB Thống kê, 2004

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
13.	MNS3038	Kỹ năng quản lý	3	1 Tài liệu bắt buộc 1. Vương Đào, <i>Thành công nhờ quản lý</i>, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2005 2. W. Blank, <i>108 kỹ năng của nhà lãnh đạo bẩm sinh</i>, NXB LĐ-XH, Hà Nội, 2005 3. R. Heller, <i>Quản lý sự thay đổi</i>, NXB Tổng hợp tp Hồ HCM, HCM, 2006 4. R. Heller, <i>Động viên nhân viên</i>, NXB Tổng hợp thành phố HCM, HCM, 2006 2 Tài liệu tham khảo thêm 1. Cẩm nang quản lý hiệu quả, <i>Lãnh đạo hiệu quả</i>, NXB Tổng hợp thành phố HCM, HCM 2006 2. Moi Ali, <i>PR hiệu quả</i>, NXB Tổng hợp Thành phố HCM, HCM, 2006 3. Tạo động lực làm việc, NXB Trẻ, HCMC, 2003

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
14.	MNS3086	Hệ thống thông tin trong quản lý (***)	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Thị Quý. Tập bài giảng Thông tin học đại cương.- H.: ĐH KHXH & NV, 2001.- 237 tr. <i>(Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa TT – TV và Giảng viên)</i> 2. Trần Thị Quý. Tập bài giảng Hệ thống thông tin trong tổ chức.- H.: ĐH KHXH & NV, 2007.- 155 tr. <i>(Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa TT – TV và Giảng viên)</i> 3. Quản lý thông tin & công nghệ thông tin/ Nguyễn Khắc Khoa chủ biên.- H.: Văn hoá Thông tin, 2000.- 321 tr. <i>(Nơi có tài liệu: Trung tâm TT – TV ĐHQG HN và giảng viên)</i> 4. Đoàn Phan Tân. Các hệ thống thông tin quản lý/ Đoàn Phan Tân.-H.- 2004.- 278 tr. <i>(Nơi có tài liệu Giảng viên và TT TT KH&CN QG VN)</i> 5. Nguyễn Hữu Hùng. Thông tin, từ lý luận đến thực tiễn.- H.: Văn hoá Thông tin, 2005.- 833 tr. <i>(Nơi có tài liệu: Trung tâm TT-TV ĐHQG HN; Phòng Tư liệu Khoa TT-TV và Giảng viên)</i> <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Cao Minh Kiểm. Tổng quan về siêu dữ liệu : Đề tài nghiên cứu cấp bộ.- H.: Trung tâm TT KH&CN Quốc gia, 2005 <i>(Nơi có tài liệu: Trung tâm Thông tin Khoa học & Công nghệ Quốc gia Việt Nam - TTTTKH&CN QG VN)</i> 2. Đặng Hữu. Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình Công nghiệp hoá, hiện

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
15.	MNS3087	Lý thuyết trò chơi (***)	3	<i>1.Tài liệu bắt buộc:</i> 1. TS Nguyễn Khắc Minh, Nhập môn Lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2002 2. Avinash K.Dixit-Bary J.Nalebuff (nhóm dịch giả), Tư duy chiến lược (Lý thuyết trò chơi thực hành), NXB Tri Thức, 2007 3. Adam M. Brandenburger - Barry J. Nalebuff (dịch giả Nguyễn Tiến Dũng, Lê Ngọc Liên), NXB Tri Thức, 2007 <i>2.Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Gibbons, R., Game Theory for Applied Economists, Princeton University Press, 1992. (Hereafter G) 2. Dixit, A. and B. Nalebuff, The Art of Strategy, WW Norton, 2008 (Hereafter DN) 3. Dixit, A. and B. Nalebuff, Thinking Strategically, WW Norton, 1991. 4. Martin Osborne, An Introduction to Game Theory, Oxford University Press, 2004. 5. Bierman, H. S. and L. Fernandez, Game Theory with economic applications, Addison-Wesley, 1998. 6. Fudenberg, Drew and Jean Tirole: Game Theory, MIT Press, 1991, ISBN 0-262-06141-4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
16.	MNS3088	Địa chính trị(***)	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. <i>Trần Hiệp</i>, Đề cương bài giảng Địa – chính trị, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý 2. Khoa Quan hệ quốc tế – Học viện Chính trị Khu vực I, <i>Tập bài giảng Địa – chính trị thế giới</i>, Hà Nội, 2003, 136 tr. 3. <i>Lịch sử thế giới hiện đại (Nguyễn Anh Thái: chủ biên)</i>, Nxb. Giáo dục, Đà Nẵng, 2003, 543 tr. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. <i>Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI (Viện sĩ, Giáo sư Nguyễn Duy Quý: chủ biên)</i>, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2001, 415 tr. 2. <i>Xu thế toàn cầu hóa trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI (GS. TS. Lê Hữu Nghĩa – PGS. TS. Trần Khắc Việt – PGS. TS. Lê Ngọc Tông: đồng chủ biên)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, 367 tr. 3. PGS.TS Nguyễn Văn Dân, <i>Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
17.	MNS3089	Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (***)	4	1. Tài liệu bắt buộc 1. Trần Văn Nam (2015), <i>Bài giảng Những khía cạnh thương mại của quyền SHTT</i>. 2. Trần Văn Nam (2012), <i>Góp vốn bằng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và một số vấn đề tồn tại</i>”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Sự thật 3. Đoàn Văn Trường (2005), <i>Các phương pháp xác định giá trị tài sản vô hình</i>”, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, năm 2005 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Đoàn Văn Trường (2007), <i>Tuyển tập phương pháp thẩm định giá trị các loại tài sản vô hình, quyền sở hữu trí tuệ, định giá công nghệ và giá chuyển giao bên trong các công ty đa quốc gia</i>, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật 2. Vũ Trí Dũng, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Việt Hà (2009), <i>Định giá thương hiệu</i>, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
18.	MNS3040	Quản lý dự án	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Phan Hồng Giang và Đặng Thị Ánh Nguyệt, Bài giảng Quản lý dự án, Tập bài giảng, Hà Nội, 2013, Phòng Tư liệu, khoa Khoa học quản lý. 2. Phan Hồng Giang, Bài giảng Quản lý dự án, Tập bài giảng điện tử, Hà Nội, 2013, Phòng Tư liệu, khoa Khoa học quản lý. 3. Từ Quang Phương, Giáo trình Quản lý dự án, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2012. 4. Nguyễn Văn Phúc, Quản lý dự án: Lý thuyết và thực hành, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2008. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Nguyễn Văn Đáng, Quản lý dự án, NXB Thống kê, Hà Nội, 2002 2. Phil Baguley, Quản trị dự án, NXB Thanh Niên, Hồ Chí Minh, 2002 3. Clark A. Campbell, Quản lý dự án trên một trang giấy, NXB Tri thức, Hồ Chí Minh, 2009 4. Stephen Barker Rob Cole, Thật đơn giản Quản lý dự án, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2009

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
19.	INL2020	Công pháp quốc tế	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Khoa Luật - ĐHQGHN. (2003). <i>Giáo trình Tư pháp quốc tế</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Nơi có tài liệu này: Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Đại học Luật Hà Nội. (2006). <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i>, NXB Tư pháp. Nơi có tài liệu này: Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hiến chương Liên hợp quốc 2. Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 3. Công ước của Liên hợp quốc năm 1982 về Luật biển 4. Công ước Viên về quan hệ ngoại giao 1961 5. Công ước Viên về quan hệ lãnh sự 1963

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
20.	MNS3055	<i>Quản lý tài chính công</i>	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Giáo trình Quản lý tài chính công (Dùng cho các lớp không chuyên ngành), Chủ biên: TS. Phạm Văn Khoan, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, năm 2010 2. Tài chính công, Chủ biên: GS., TS. Dương Thị Bình Minh, Nhà xuất bản Tài chính năm 2005 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Kinh tế học công cộng, Tác giả: Joseph E. Stiglitz, NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 1995; 2. Những bài giảng về tài chính công, Dự án Việt Nam – Canada, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội năm 2001;

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
21.	MNS3056	Quản lý tài sản công	3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nhà xuất bản chính trị quốc gia năm 2009; 2. Nghiệp vụ quản lý tài sản công, Nhà xuất bản tài chính năm 2014; 3. Chương 4 “Quản lý tài sản nhà nước trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công”, Giáo trình Quản lý tài chính các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công, Chủ biên: TS. Phạm Văn Khoan, TS. Nguyễn Trọng Thản, Nhà xuất bản tài chính năm 2010 4. Hướng dẫn công tác quản lý tài chính, ngân sách tài sản và Quy chế chi tiêu nội bộ trong trường học, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, năm 2012 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Chế độ quản lý nhân sự - quản lý tài chính kế toán - quản lý ngân sách, tiền mặt - giao và quản lý tài sản trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, Nhà xuất bản tài chính 2. Các quy định mới nhất hướng dẫn đấu thầu, mua sắm, quản lý tài sản nhà nước, quản lý tài chính, lập dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách, kiểm soát thu, chi qua Kho bạc, Nhà xuất bản Lao động – xã hội năm 2009

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
22.	MNS3057	Phân cấp quản lý hành chính	3	1. Tài liệu bắt buộc - Vũ Kim Sơn - 2004. Phân cấp quản lý nhà nước - Lý luận và thực tiễn - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Phòng T- liêu, Khoa Khoa học quản lý. - Nguyễn Hưng Thảo gửi - 2005. Phân cấp ở Việt Nam, - Sách chính quyền địa phương - những phát huy và đóng góp. Nhà xuất bản Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng T- liêu, Khoa Khoa học quản lý. - Phân cấp quản lý hành chính - chỉ dẫn thực hành cho các nhà quản lý địa phương (Sách tham khảo nên có) Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Hà Nội 2002 - Phòng T- liêu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Các văn bản pháp luật Việt Nam và tác động đến môi trường hành chính nhà nước và phân cấp quản lý hành chính từ 2001 đến 2007. Phòng T- liêu, Khoa Khoa học quản lý. - Hoàng Mai - 2004 Phân cấp quản lý nhà nước trong hệ thống hành chính nhà nước Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ Hành chính công. Trường Đại học Hành chính Quốc gia - 77 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh. - ThS. Phạm Bính - 2006. Các cấp và phân công thực hiện quyền lực trong hệ thống Hành chính Việt Nam - Nhà xuất bản T- ph, p. Phòng T- liêu, Khoa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
23.	MNS3083	Quản lý cấp cơ sở về kinh tế	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Hoàng Lan Phương (2015), <i>Bài giảng quản lý cấp cơ sở về kinh tế</i> 2. Hoàng Phước Hiệp (2009), "WTO và một số yêu cầu đối với chính quyền địa phương", Dân chủ và pháp luật. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Nguyễn Ký, Nguyễn Hữu Đức, Đinh Xuân Hà (Đồng chủ biên) (2006), <i>Đổi mới nội dung hoạt động các cấp chính quyền địa phương trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế</i>, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
24.	MNS3084	Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Nguyễn Như Hà (2015), <i>Bài giảng quản lý cấp cơ sở về pháp luật, an ninh, quốc phòng.</i> 2. Trương Đắc Linh (2010), <i>Chính quyền địa phương với việc bảo đảm thi hành Hiến pháp và luật ở địa phương.</i> <i>2. Tài liệu tham khảo:</i> 1. Đoàn Trọng Truyền (Chủ biên) (1999), <i>So sánh hành chính các nước Asean</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2. Lê Quốc Hùng (2009), <i>Thống nhất phân công và phối hợp quyền lực nhà nước ở Việt Nam</i>, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
25.	MNS3060	Dịch vụ công	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1.Ngân hàng thế giới: Cải thiện các dịch vụ để phục vụ người nghèo, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004 2.TS. Chu Văn Thành (chủ biên): Dịch vụ công - đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng ở Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007. 3.Lê Chi Mai: Cải cách dịch vụ công ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2003. 4.Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hoà: Đổi mới cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam, NXB Thống kê, Hà Nội 2006. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1.Ngân hàng Thế giới: Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi, NXB Chính trị Quốc gia, 1998. 2.Lê Chi Mai: Dịch vụ hành chính công, NXB lý luận chính trị, Hà Nội, 2006. 3.TS. Nguyễn Ngọc Hiến: vai trò của Nhà nước trong cung ứng dịch vụ công - nhận thức, thực trạng, giải pháp, NXB Văn hoá Thông tin, Hà nội, 2002. 4.Bộ Nội vụ, Chu Văn Thành (chủ biên): Dịch vụ công và xã hội hoá dịch vụ công - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
26.	MNS3061	Quản lý cấp cơ sở	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1.Chu Văn Thành (Chủ biên): Hệ thống chính trị cơ sở: Thực trạng và một số giải pháp đổi mới. NXB Chính trị quốc gia- Hà Nội, 2004. 2.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên): Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay. NXB Chính trị quốc gia- Hà Nội, 2004. 3.Phạm Kim Dung: Tổ chức bộ máy chính quyền và chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005. 4.Nguyễn Đăng Dung: Chuyên đề về Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Bộ Tư pháp - Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, 2001. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1.Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn ngày 18 tháng 3 năm 2002. 2.Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (2003). 3.Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND (2004). 4.Quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
27.	MNS3062	Pháp luật về lao động và việc làm	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> - ThS Bùi Trang Hương, ThS Hoàng Lan Phương (2013), <i>Bài giảng Pháp luật lao động và việc làm</i>. - Đại học Luật Hà Nội (2009), <i>Giáo trình Luật Lao động Việt Nam</i>, NXB Công an Nhân dân. - Đại học Lao động xã hội (2009), <i>Giáo trình Luật Lao động</i>, NXB Lao động – Xã hội. - Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1999), <i>Giáo trình Luật Lao động Việt Nam</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. - Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007, 2012. - Luật Công đoàn năm 2012. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), <i>Nghiên cứu so sánh pháp luật lao động các nước ASEAN</i>, Hà Nội. - Đỗ Ngân Bình (2006), <i>Pháp luật về đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam</i>, NXB Tư pháp. - Nguyễn Văn Bình, Đỗ Quỳnh Chi (2011), <i>Ý kiến chuyên gia về các quy định liên quan đến quan hệ lao động của Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn (sửa đổi)</i>, Văn phòng ILO tại Việt Nam. - Nguyễn Mạnh Cường (2010), <i>Tìm hiểu vấn đề lao động và công đoàn trong</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
28.	MNS3063	Bảo hiểm xã hội	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1.ThS Bùi Trang Hương, ThS Hoàng Lan Phương (2013), <i>Bài giảng Bảo hiểm xã hội</i>. 2. Đại học Kinh tế quốc dân (2012), <i>Giáo trình bảo hiểm</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 3. Đại học Lao động – Xã hội (2009), <i>Giáo trình bảo hiểm thất nghiệp</i>, NXB Lao động – Xã hội. 4. Đại học Lao động - Xã hội (2010), <i>Giáo trình Bảo hiểm xã hội</i>, NXB Lao động – Xã hội. 5. Học viện Tài chính (2011), <i>Giáo trình bảo hiểm xã hội</i>, NXB Tài chính. 6. Luật Bảo hiểm xã hội 2014. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1.Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22.12.2006 hướng dẫn 1 số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc. 2.Nghị định 190/2007/NĐ-CP ngày 28.12.2007 hướng dẫn 1 số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện. 3.Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12.12.2008 hướng dẫn 1 số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp. 92 4.Nghị định 94/2008/NĐ-CP ngày 22.08.2008 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
29.	MNS3064	Định mức lao động và Tổ chức tiền lương	4	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1.PGS.TS. Nguyễn Tiệp, TS. Lê Thanh Hà, <i>Giáo trình Định mức lao động</i>, 2007, Trường Đại học Lao động – Xã hội (sắp in). 2.CN. Phạm Thanh Khoái, <i>Định mức lao động</i>, Tập bài giảng, NXB Lao động – Xã hội, 2001. 3.TS. Lê Thanh Hà, <i>Bộ Bài tập Định mức lao động</i>, 2007, Trường Đại học Lao động – Xã hội (sắp in) 4.Nguyễn Văn Thành, <i>Bài giảng “Tổ chức tiền lương”</i>. 5.Nguyễn Tiệp (chủ biên), <i>“Giáo trình tiền lương - Tiền công”</i>, NXB Lao động - xã hội - 2006. 6.<i>Bộ Luật lao động</i> (sửa đổi - bổ sung 2002), NXB chính trị quốc gia - 2002). <i>2 Tài liệu tham khảo thêm</i> 1.Các văn bản quy định về chế độ tiền lương năm 2004, tập I, II, III, NXB Hà Nội, 2004. 2.Hệ thống văn bản pháp luật về chế độ tiền lương mới trong khu vực hành chính, sự nghiệp - NXB Lao động - 2005. 3. Các văn bản quy định về chế độ tiền lương - bảo hiểm xã hội, NXB Lao động - xã hội 2005.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
30.	MNS3065	Tuyển dụng nhân lực	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Mai Thanh Lan (2014), <i>Giáo trình tuyển dụng nhân lực</i>, NXB Thống kê 2. Vũ Thuỳ Dương, Hoàng Văn Hải (2010), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i>, NXB Thống kê 3. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2010), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i>, NXB Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. 4. Lê Quân (2010), <i>Bài tập tình huống và thực hành quản trị nhân lực</i>, NXB Thống kê <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1.Lloyd L. Byars và Leslie W. Rue (2010), <i>Human resources management</i>, tái bản lần 10, NXB Mc Graw Hill 2.<u>Business Edge</u> (2008), <i>Tuyển Dụng Đúng Người (Dùng nhân đúng ngay từ khâu tuyển dụng</i>, NXB Trẻ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
31.	MNS3045	Tổ chức lao động khoa học	2	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam: <i>Atlas nhân trắc học người Việt Nam trong lứa tuổi lao động</i> (3 tập), NXB - KHKT 2000 2. Bộ môn Kinh tế học lao động, Trường ĐH KTQD: <i>Tổ chức Lao động khoa học</i>, Nhà xuất bản giáo dục 1994 3. PGS TS Nguyễn Tiệp Trường Đại học Lao động, <i>Giáo trình tổ chức lao động</i>, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội 2007. 4. ThS Trương Thị Thanh Thủy, Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội, <i>Giáo trình tổ chức lao động khoa học</i>, 2009. 5. PGS TS Nguyễn Ngọc Quân, ThS Nguyễn Tấn Thịnh, <i>Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức</i>, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2009. (Chương 5 Tổ chức quá trình lao động.) <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. TS. Nguyễn Bạch Ngọc, <i>Ergonomic trong thiết kế và sản xuất</i>, NXB Giáo dục, 2000. 2. Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Hữu Nhân, <i>Nhân trắc học Ergonomi</i>, Nhà xuất bản ĐHQG HN, 2004. 3. Dương Hữu Hạnh , Các nguyên tắc quản trị hiện đại trong nền kinh tế toàn cầu, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2009.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
32.	MNS3066	Chính sách Trợ giúp xã hội	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1.1 TS Nguyễn Ngọc Toàn (2011), Xây dựng và hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên ở Việt Nam, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011. 1.2. Nguyễn Thị Lan Hương và các đồng nghiệp (2013), Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020, Nhà xuất bản Lao động Xã hội. 1.3. Pháp lệnh về ưu đãi người có công 2005 và nghị định 54/2006 của Chính phủ, Nghị định 32 ngày 2/3/2007 của Chính phủ. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, UNDP, Thiết kế và triển khai chính sách trợ giúp xã hội tại Việt Nam 2014, Khóa tập huấn dành cho các nhà hoạch định chính sách, cơ quan Chính phủ và các cán bộ triển khai thực hiện chính sách tại Việt Nam, 200 trang

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
33.	MNS3067	Chính sách giảm nghèo bền vững	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Tập bài giảng: chính sách Xóa đói giảm nghèo – Nguyễn Hữu Tiến 7-2007 2. Tài liệu Khóa tập huấn về Trợ giúp xã hội, giảm nghèo bền vững của UNDP và Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội 2014 3. PGS TS Lê Quốc Lý (2012), <i>Chính sách xóa đói giảm nghèo, thực trạng và giải pháp</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. 4. GS TS Mai Ngọc Cường (2009), <i>Xây dựng và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Văn bản pháp luật liên quan đến chính sách giảm nghèo ở Việt Nam (nghị định, nghị quyết, quyết định...) 2. Mạc Đường (2004), <i>Nghèo đô thị và cuộc chiến chống nghèo đói ở Thành phố Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 3. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, <i>Hệ thống chính sách giảm nghèo</i>, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội. 4. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Văn phòng Giảm nghèo quốc gia, <i>Báo cáo về vấn đề giảm nghèo qua các năm</i>. 5. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, <i>trang Thông tin về giảm nghèo bền vững</i>,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
34.	MNS3068	Chính sách văn hoá và giáo dục	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Phạm Ngọc Thanh, <i>Tập đề cương bài giảng Quản lý văn hoá và giáo dục</i>, Hà Nội 2006 2. Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học giáo dục</i>, NXB Lý luận chính trị, 2006. 3. <i>Quản lý nhà nước trong lĩnh vực xã hội</i>, NXB Giáo dục, 1997. 4. <i>Lý luận văn hoá và đường lối văn hoá của Đảng CSVN, (giáo trình)</i>, NXBCTQG, 2002. 5. Stanislaw Kowalski, <i>Xã học giáo dục và giáo dục học</i>, NXB ĐHQGTpHCM, 2003 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI. Kinh nghiệm của các quốc gia, NXB CTQG, 2002. 2. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, NXB Giáo dục, 2002. 3. ĐCSVN. <i>Nghị quyết trung ương II (khoá VIII) và Nghị quyết trung ương 6 (khoá IX) về giáo dục.</i> 4. ĐCSVN. <i>Nghị quyết trung ương lần thứ V (khoá VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
35.	MNS3069	Chính sách dân tộc và tôn giáo	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb. Sự thực, Hà Nội, 1987 2. Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001 3. Vụ chính sách dân tộc-Uỷ ban Dân tộc và miền núi. Hệ thống các văn bản chính sách Dân tộc và miền núi (2tập). Nxb. Nông nghiệp, 1997 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Uỷ ban Dân tộc và miền núi. “55 năm công tác dân tộc và miền núi (1946-2001). Nxb. CTQG. Hà Nội, 2001. 2..Bé Viết Đảng chủ biên (1995) - "50 năm các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945 - 1995)" NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, 1995.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
36.	MNS3070	Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1/ Bộ luật hình sự của nước CHXHCN Việt Nam. Nxb CTQG, HN, 2000 2/ Luật phòng chống ma túy. Nxb CTQG, HN, 2001 3/ Luật phòng chống tham nhũng. Nxb CTQG, HN, 2006 4/ Trần Đức Châm: Phòng, chống TNXH. Tập bài giảng đã được nghiệm thu - Khoa khoa học quản lý - Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2006 5/ Nguyễn Xuân Yêm và những người khác: Mại dâm, ma túy, cờ bạc tội phạm thời hiện đại. Nxb CAND, HN, 2003 6/ Văn bản pháp luật về phòng, chống TNXH (Dùng cho cấp cơ sở). Nxb CTQG, HN, 2001 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992. Nxb CTQG, HN, 1993 2. Pháp lệnh phòng chống mại dâm. Nxb CTQG, HN, 2003 3. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Nxb CTQG, HN, 2003 4. Nguyễn Y Na: TNXH, căn nguyên, biểu hiện, phương thức khắc phục. Thông tin KHXH, HN, 1998 5. Nguyễn Phong Hoà- Đặng Ngọc Hùng: Ma túy và những vấn đề về công tác kiểm soát ma túy. Nxb CAND, HN, 1994

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
37.	MNS3071	Quyền tác giả và quyền liên quan	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Văn Hải, <i>Bài giảng quyền tác giả và quyền liên quan</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam: <i>Luật Sở hữu trí tuệ</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Cục bản quyền tác giả. <i>Các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền tác giả</i>. Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, <i>Nghị định số 100/2006/NĐ-CP</i> 2. Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về sở hữu trí tuệ. <i>Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập</i>. Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Cục bản quyền tác giả. <i>Các công ước và hiệp ước quốc tế về quyền tác giả</i>. Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 4. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, <i>Bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004. Nơi có tài liệu này: Giảng viên cung cấp cho sinh viên

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
38.	MNS3072	Sáng chế và giải pháp hữu ích	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Phạm Phi Anh, <i>Bài giảng sáng chế và mẫu hữu ích</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Japan Patent Office, Asia-Pacific Industrial Property Center, JIII, <i>Bảo hộ sáng chế - Cẩm nang dành cho doanh nhân</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Japan Patent Office, Asia-Pacific Industrial Property Center, JIII, <i>Viết bản mô tả sáng chế</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ, <i>Các điều ước quốc tế về Sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập</i>, Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, <i>Cẩm nang Sở hữu trí tuệ</i>, (bản dịch tiếng Việt của Trần Hữu Nam), Cục Sở hữu trí tuệ xuất bản 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan đến Sở hữu trí tuệ. Nơi có tài liệu này: Giảng viên cung cấp cho sinh viên.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
39.	MNS3073	Kiểu dáng công nghiệp	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Lê Ngọc Lâm, <i>Bài giảng kiểu dáng công nghiệp</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Japan Patent Office, Asia-Pacific Industrial Property Center, JIII, <i>Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp - Cẩm nang dành cho doanh nhân</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Nguyễn Bá Bình, <i>Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam – Pháp luật và thực tiễn</i>, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ, <i>Các điều ước quốc tế về Sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập</i>, Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan đến Sở hữu trí tuệ. Nơi có tài liệu này: Giảng viên cung cấp cho sinh viên. 3. http://www.wipo.int

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
40.	MNS3074	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Việt Hùng, <i>Bài giảng các chỉ dẫn thương mại</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2. Japan Patent Office, Asia-Pacific Industrial Property Center, JIII, <i>Bảo hộ nhãn hiệu - Cẩm nang dành cho doanh nhân</i>. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ, <i>Các điều ước quốc tế về Sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập</i>, Hà Nội, 2002. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 2 Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, <i>Cẩm nang Sở hữu trí tuệ</i>, (bản dịch tiếng Việt của Trần Hữu Nam), Cục Sở hữu trí tuệ xuất bản 2005. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý. 3. Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan đến Sở hữu trí tuệ. Nơi có tài liệu này: Giảng viên cung cấp cho sinh viên

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
41.	MNS3075	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Trần Văn Nam (2012), <i>Góp vốn bằng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và một số vấn đề tồn tại</i>, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2. Vũ Thị Hải Yến (2011), <i>Tài sản trí tuệ và các phương pháp định giá tài sản trí tuệ trong hoạt động kinh doanh thương mại của doanh nghiệp</i>, Đề tài cấp Nhà nước về Tài sản trí tuệ 2009 do Ủy ban Kinh tế & Ngân sách Quốc hội thực hiện; <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Vũ An Khang (2009), <i>Nhu cầu định giá tài sản trí tuệ và các vấn đề về tài chính, kế toán có liên quan</i>, Dự án Sở hữu trí tuệ Việt Nam – Thụy Sĩ (2009).

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
1.	MNS3076	Pháp luật về Khoa học và công nghệ	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Trần Văn Hải (2013), <i>Bài giảng Pháp luật về Khoa học và Công nghệ</i>, Trường Đại học KH&CN. Nơi có tài liệu này: Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2. Vũ Cao Đàm (2011), <i>Một số vấn đề về quản lý KH&CN ở nước ta</i>, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Mai Hà – chủ biên (2009), <i>Phác thảo chiến lược phát triển KH&CN ở Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
2.	MNS3077	Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Vũ Cao Đàm, <i>Xã hội học môi trường</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2002, Phòng tư liệu Khoa học quản lý. 2. Vũ Cao Đàm, <i>Xã hội học môi trường</i>, Tập bài giảng điện tử, Hà Nội, năm 2007. <i>2. Tài liệu tham khảo thêm:</i> 1. Hoàng Đình Phú, <i>Khoa học và công nghệ với các giá trị văn hóa</i>, NXB KHKT, Hà Nội, 1998. 2. Hoàng Đình Phú, <i>Lịch sử kỹ thuật và cách mạng công nghệ đương đại</i>, NXB KHKT, Hà Nội, 1997.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
3.	MNS3078	Chính sách khoa học và công nghệ	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1.Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tái bản lần thứ 13, NXB KH&KT, 2006, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2.Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tập bài giảng điện tử, 2006, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý 3.Vũ Cao Đàm: <i>Đề cương Bài giảng về Quản lý Khoa học và Công nghệ</i>, Viện NC Phát triển Giáo dục, 1999. 4.David Dickson: <i>The New Politics of Science</i>, The Chicago University Press, Chicago, 1988 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Vũ Cao Đàm, <i>Đánh giá nghiên cứu khoa học</i>, NXB KH&KT, 2005, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2.Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tái bản lần thứ 7, NXB KH&KT, 2002 3.Yvan De Hemptinne: <i>Những vấn đề then chốt của chính sách khoa học và công nghệ</i>, Viện Quản lý Khoa học, 1987 (Bản dịch của Trần Đức Quang) 4.Đoàn chuyên gia IDRC: <i>Tổng quan Chính sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới ở Việt Nam</i>, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 1987

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
4.	MNS3079	Hệ thống đổi mới quốc gia	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tái bản lần thứ 13, NXB KH&KT, 2006, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 2. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Tập bài giảng điện tử, 2006, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý 2. Tài liệu tham khảo thêm 1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, NXB ĐHQGHN, 2001 2. L. Therese Baker, <i>Thực hành nghiên cứu xã hội</i>, NXB Chính trị quốc gia, 1998

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
5.	MNS3080	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	3	<i>1. Tài liệu bắt buộc</i> 1. Mai Hà, Đào Thanh Trường, Hoàng Văn Tuyên, Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ: từ lý luận đến thực tiễn, Nhà xuất bản KH&KT, 2015 2. Bạch Tân Sinh và cs, Nghiên cứu sự hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN và sự chuyển đổi một số tổ chức NC&TK sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, Báo cáo đề tài cấp Bộ (Bộ KH&CN), 2005 3. Mai Hà và CS, Xây dựng, phát triển thị trường KH&CN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010 <i>2. Tài liệu tham khảo thêm</i> 1. Đỗ Văn Vũ, Viện IMT: Doanh nghiệp KH&CN – Mô hình mới về tổ chức quản lý hoạt động KH&CN. Tạp chí hoạt động khoa học, số tháng 5/2008 2. Đỗ Văn Vũ, IMI holding – Từ viện nghiên cứu đến doanh nghiệp KH&CN, Tạp chí hoạt động khoa học, số tháng 12/2011 3. Hoàng Văn Tuyên, Quản lý tri thức trong doanh nghiệp KH&CN, Báo cáo tổng hợp đề tài, NISTPASS, 2011

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm)
6.	MNS3050	Thực tập thực tế	2	Tuỳ theo từng nội dung sinh viên lựa chọn mà hệ thống tài liệu có thể khác nhau. Bộ môn và giảng viên hướng dẫn sẽ yêu cầu cụ thể về tài liệu đối với từng hướng chuyên ngành mà sinh viên lựa chọn.
7.	MNS4054	Thực tập tốt nghiệp	4	Tuỳ theo từng nội dung sinh viên lựa chọn mà hệ thống tài liệu có thể khác nhau. Bộ môn và giảng viên hướng dẫn sẽ yêu cầu cụ thể về tài liệu đối với từng hướng chuyên ngành mà sinh viên lựa chọn.
8.	MNS4152	Khóa luận tốt nghiệp	7	Tuỳ theo từng nội dung sinh viên lựa chọn mà hệ thống tài liệu có thể khác nhau. Bộ môn và giảng viên hướng dẫn sẽ yêu cầu cụ thể về tài liệu đối với từng hướng chuyên ngành mà sinh viên lựa chọn.

4. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG DẠY

TT	Mã Học phần	Tên Học phần	TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh Khoa học	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2				Khoa Triết học– ĐHKHXH&NV
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3				Khoa Triết học– ĐHKHXH&NV
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				Khoa KHCT- ĐHKHXH&NV
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				Khoa Lịch sử- ĐHKHXH&NV
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3				Khoa TTTV- ĐHKHXH&NV
6		Ngoại ngữ cơ sở 1	4				Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG
	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1					

7		Ngoại ngữ cơ sở 2	5				Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2					
8		Ngoại ngữ cơ sở 3	5				Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG
	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3					
9		Ngoại ngữ cơ sở 4(*)	5				
	FLF2104	Tiếng Anh cơ sở 4(*)					
10		Giáo dục thể chất	4				Trung tâm GDTC-ĐHQG
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				Trung tâm GDQP-ĐHQG
12		Kỹ năng bổ trợ	3				
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS	XHH	Khoa học quản lý
				Phan Hồng Giang	ThS	XHH	Khoa học quản lý
				Vũ Hải Trang	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
				Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý

				Trịnh Ngọc Thạch	TS	Triết	
				Đặng Kim Khánh Ly	ThS	XHH	Xã hội học
				Hoàng Thị Hải Yến	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
				Nguyễn Thị Quỳnh Anh	ThS	KHQL	Viện CS&QL
				Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS	KHQL	Viện CS&QL
				Nguyễn Thu Hợp	ThS	KHQL	Viện CS&QL
14	HIS1056 *	Cơ sở văn hóa Việt Nam (*)	3				Khoa Lịch sử - ĐHKHXH&NV
15	HIS1053 *	Lịch sử văn minh thế giới (*)	3				Khoa Lịch sử - ĐHKHXH&NV
16	PHI1054	Logic học đại cương	3				Khoa Triết học - ĐHKHXH&NV
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2				Khoa Luật – ĐHQGHN
18	PSY1051 *	Tâm lý học đại cương (*)	3				Khoa Tâm lý học - ĐHKHXH&NV
19	SOC1051*	Xã hội học đại cương (*)	3				Khoa Xã hội học - ĐHKHXH&NV

20	INE1014	Kinh tế học đại cương	2				ĐH Kinh tế - ĐHQGHN
21	EVS1001	Môi trường và phát triển	2				Khoa Môi trường – ĐHTN
22	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2				Khoa Toán – ĐHTN
23	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				Khoa Ngôn ngữ ĐHKHXH&N V
24	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2				Khoa Thông tin Thư viện
25	TOU1100	Đại cương về quản trị kinh doanh	3	Trần Thị Minh Hòa	PGS.TS	Kinh tế	Khoa Du lịch học
				Vũ Mạnh Hà	TS	Kinh tế	Khoa Du lịch học
26	MNS1100*	Khoa học quản lý đại cương (*)	3	Phạm Ngọc Thanh	PGS.TS	Triết	Khoa học quản lý
				Trần Ngọc Liêu	PGS.TS	Triết	Phòng đào tạo
27	MNS1104 *	Quản lý nguồn nhân lực (*)	3	Hoàng Văn Luân	TS	Triết	Phòng QLNCKH
				Nguyễn Thị K Chi	ThS	Triết	Khoa học quản lý
				Nguyễn Anh Thư	ThS	Triết	Khoa học quản lý
28	PSY1102	Tâm lý học quản lý	3	Phạm Mạnh Hà	TS	Tâm lý	Khoa Tâm lý học
				Lê Thị Minh Loan	PGS.TS	Tâm lý	Khoa Tâm lý học

29	GEO1001	Địa lý thế giới	2	Trần Đức Thanh	PGS.TS	Địa lý	Khoa Du lịch học
				Hoàng Thị Thu Hương	ThS	Địa lý	Khoa Địa lý - Đại học KHTN
30	CAL2004	Luật Hành chính Việt Nam	2	Nguyễn Đăng Dung	GS.TS	Luật	Khoa Luật
				Bùi Ngọc Sơn	TS	Luật	Khoa Luật
31	MNS1102	Lý thuyết hệ thống	2	Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS	XH học	Khoa học quản lý
				Mai Hà	TS		
32	LIB2001	Thông tin học đại cương	3	Trần Thị Quý	PGS.TS	TT-TV	Khoa TT-TV
				Đỗ Văn Hùng	TS	TT-TV	Khoa TT-TV
				Trần Thị Thanh Vân	ThS	TT-TV	Khoa TT-TV
33	MNS1101	Văn hóa tổ chức	3	Phạm Ngọc Thanh	PGS.TS	Triết	Khoa học quản lý
				Vũ Cẩm Thanh	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
34	MNS2064 *	Hành chính học đại cương (*)	3	Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý
				Trần Thị Thanh Thủy	TS	HC	Học viện hành chính
35	MNS1150 *	Đại cương về sở hữu trí tuệ (*)	3	Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý

				Vũ Thị Hải Yến	TS	Luật	Đại học Luật
36	MNS3039	Quản lý biến đổi	3	Trần Ngọc Liêu	PGS.TS	Triết	Phòng Đào tạo
				Nguyễn Văn Chiều	TS	Triết	Khoa học quản lý
37	SOC 3009	Xã hội học quản lý	3	Nguyễn Thị Vân Hạnh	TS	XHH	Khoa Xã hội học
				Trịnh Văn Tùng	TS	XHH	Khoa Xã hội học
38	SOC3038	Xử lý dữ liệu	2	Phạm Văn Quyết	PGS.TS	XHH	Phòng Sau đại học
				Nghiêm Tuấn Huy	TS	XHH	Trung tâm ĐBCL
39	MNS1153	Luật Hiến pháp	2	Nguyễn Như Hà	ThS	Luật	Khoa học quản lý
				Hoàng Lan Phương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
40	ARO3002	Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý	2	Vũ Thị Phụng	PGS.TS	Lịch sử	Khoa LTH&QTVP
				Lê Thị Nguyệt Lưu	ThS	Lưu trữ	LTH&Quản trị VP
41	ARO3040	Nghịệp vụ thư ký	2	Vũ Thị Phụng	PGS.TS	Lịch sử	Khoa LTH&QTVP
				Lê Thị Nguyệt Lưu	ThS	Lưu trữ	LTH&Quản trị VP
42	MNS2053	Lịch sử tư tưởng quản lý (*)	4	Phạm Ngọc Thanh	PGS.TS	Triết	Khoa học quản lý
				Trần Ngọc Liêu	TS	Triết	Phòng Đào tạo
				Nguyễn Văn Chiều	TS	Triết	Khoa học quản lý
43	MNS3037*	Khoa học tổ chức (*)	3	Trần Ngọc Liêu	PGS.TS	Triết	Phòng Đào tạo
				Trịnh Ngọc	TS	Triết	Quốc hội

				Thạch			
44	MNS2065*	Khoa học chính sách (*)	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS	XHH	Khoa học quản lý
45	MNS3035	Văn hoá và đạo đức quản lý	3	Phạm Ngọc Thanh	PGS.TS	Triết	Khoa học quản lý
				Vũ Thị Cẩm Thanh	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
46	MNS3002*	Lý thuyết quyết định (*)	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS	XHH	Khoa học quản lý
				Trịnh Ngọc Thạch	TS	Triết	Quốc hội
47	MNS3053*	Khoa học và công nghệ luận (*)	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Trịnh Ngọc Thạch	TS	Triết	Quốc hội
48	MNS3008 *	Quản lý khoa học và công nghệ (*)	2	Đào Thanh Trường	TS	XHH	Khoa học quản lý
				Trịnh Ngọc Thạch	TS	Triết	Quốc hội
				Vũ Cao Đàm	PGS.TS		Khoa học quản lý
				Phan Hồng Giang	ThS	XHH	Khoa học quản lý
49	MNS3009	Quản lý chất lượng	2	Phạm Hồng	PGS.TS		Sở KH&CN Hà Nội
				Hoàng Thị Hải Yến	ThS	KHQL	Khoa học quản lý

50	MNS3038	Kỹ năng quản lý	3	Nguyễn Văn Chiều	ThS	Triết	Khoa học quản lý
				Vũ Cẩm Thanh	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
				Nguyễn Anh Thư	ThS	Triết	Khoa học quản lý
51	MNS3086 ***	Hệ thống thông tin trong quản lý (***)	3	Trần Thị Quý	PGS.TS	TTTTV	Khoa TT-TV
				Đỗ Văn Hùng	TS	TT-TV	Khoa TT-TV
52	MNS3087 ***	Lý thuyết trò chơi (***)	3	Nguyễn Võ Hưng	ThS		
				Nguyễn Văn Thành	TS		
53	MNS3088 ***	Địa chính trị (***)	3	Lưu Minh Văn	TS		KHCT
				Trần Hiệp	TSKH		
54	MNS3089 ***	Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (***)	4	Trần Văn Nam	PGS.TS		ĐHKQTĐ
				Nguyễn Như Hà	ThS	Luật	Khoa học quản lý
55	MNS3040	Quản lý dự án	3	Đào Thanh Trường	TS	XHH	Khoa học quản lý
				Phan Hồng Giang	ThS	XHH	Khoa học quản lý
56	INL2020	Công pháp quốc tế	3	Nguyễn Thu Huyền	ThS	Luật	Khoa Quốc tế học
				Trần Điệp Thành	ThS	Luật	Phòng Đối ngoại

57	MNS3055	Quản lý tài chính công	3	Phạm Thanh Hà	ThS		HVTC
				Phạm Thị Lan Anh	ThS		HVTC
58	MNS3056	Quản lý tài sản công	3	Phạm Thanh Hà	ThS		HVTC
				Phạm Thị Lan Anh	ThS		HVTC
59	MNS3057	Phân cấp quản lý hành chính	3	Nguyễn Thị K Chi	ThS	Triết	Khoa học quản lý
				Trần Ngọc Liêu	PGS.TS	Triết	Phòng Đào tạo
				Phạm Bính	ThS	Triết	Học viện Hành chính
60	MNS3083	Quản lý cấp cơ sở về kinh tế	3	Hoàng Lan Phương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
				Đỗ Huyền Trang	ThS	Kinh tế	Khoa học quản lý
61	MNS3084	Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội	3	Nguyễn Thị Kim Chi	ThS	Triết học	Khoa học quản lý
				Tạ Thị Bích Ngọc	ThS		Khoa học quản lý
62	MNS3060	Dịch vụ công	3	Nguyễn Như Hà	ThS	Luật	Khoa học quản lý
				Tạ Thị Bích Ngọc	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
63	MNS3061	Quản lý cấp cơ sở	3	Đặng Khắc Ánh	TS	HC	Học viện Hành chính
				Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý
64	MNS3062	Pháp luật về lao động và việc làm	3	Hoàng Lan Phương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
				Bùi Trang Hương	ThS	Luật	Khoa học quản lý

65	MNS3063	Bảo hiểm xã hội	3	Hoàng Lan Phương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
				Bùi Trang Hương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
66	MNS3064	Định mức lao động và Tổ chức tiền lương	4	Nguyễn Văn Thành	TS	KT	Bộ LĐ, TB, XH
				Vũ Hồng Phong	TS	KT	ĐHLĐXH
67	MNS3065	Tuyển dụng nhân lực	3	Nguyễn Thị Minh Nhân	PGS.TS	TM	ĐHTM
				Nguyễn Thị Tú Quyên	ThS	TM	ĐHTM
68	MNS3045	Tổ chức lao động khoa học	2	Hoàng Văn Luân	TS	Triết	Phòng QLNCKH
				Nguyễn Thị K Chi	ThS	Triết	Khoa học quản lý
69	MNS3066	Chính sách Trợ giúp xã hội	3	Nguyễn Ngọc Toàn	TS	KT	Cục bảo trợ XH
				Trương Thu Hà	ThS	KT	Khoa học quản lý
70	MNS3067	Chính sách giảm nghèo bền vững	3	Tạ Thị Bích Ngọc	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
				Nguyễn Thị K Chi	ThS	Triết	Khoa học quản lý
71	MNS3068	Chính sách văn hoá và giáo dục	3	Phạm Ngọc Thanh	PGS.TS	Triết	Khoa học quản lý
				Nguyễn Thị K Chi	ThS	Triết	Khoa học quản lý
72	MNS3069	Chính sách dân tộc và tôn giáo	3	Lê Ngọc Thắng	PGS.TS	Lịch sử	Viện dân tộc học
				Phạm Hoàng Giang	ThS	Triết	Khoa Triết học

73	MNS3070	Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội	3	Trần Đức Châm	TS	Triết	Học viện An ninh
				Bùi Trang Hương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
74	MNS3071	Quyền tác giả và quyền liên quan	3	Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý
				Vũ Thị Hải Yến	TS	Luật	ĐH Luật
75	MNS3072	Sáng chế và giải pháp hữu ích	3	Phạm Phi Anh	TS	SC	Cục SHTT
				Trần Văn Hải	PGS.TS	Luật	Khoa học quản lý
76	MNS3073	Kiểu dáng công nghiệp	3	Lê Ngọc Lâm	TS		Cục SHTT
				Hoàng Lan Phương	ThS	Luật	Khoa học quản lý
77	MNS3074	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác	3	Nguyễn Thị Quế Anh	TS	Luật	Khoa Luật
				Hoàng Thị Hải Yến	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
78	MNS3075	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp	3	Lê Thị Thu Hà	TS		ĐHNT
				Nguyễn Như Hà	ThS	Luật	Khoa học quản lý
79	MNS3076	Pháp luật về khoa học và công nghệ	3	Vũ Hải Yến	TS	Luật	Đại học Luật HN
				Nguyễn Như Hà	ThS	Luật	Khoa học quản lý
80	MNS3077	Nghiên cứu xã hội về khoa học công nghệ và môi trường	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS	XHH	Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS		Khoa học quản lý

81	MNS3078	Chính sách khoa học và công nghệ	3	Vũ Cao Đàm	PGS.TS	XHH	Khoa học quản lý
				Đào Thanh Trường	TS		Khoa học quản lý
82	MNS3079	Hệ thống đổi mới quốc gia	3	Nguyễn Văn Học	TS		Bộ KH&CN
				Hoàng Văn Tuyên	ThS		Bộ KH&CN
83	MNS3080	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2	Vũ Hải Trang	ThS	KHQL	Khoa học quản lý
				Hoàng Văn Tuyên	ThS		Bộ KH&CN
				Đỗ Huyền Trang	ThS		Khoa học quản lý
84	MNS4050	Thực tập thực tế.	2				Khoa học quản lý
85	MNS4054	Thực tập tốt nghiệp	4				Khoa học quản lý
86	MNS4152	Khóa luận tốt nghiệp	7				Khoa học quản lý

5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tiến trình đào tạo và các lưu ý khi thực hiện tiến trình đào tạo

Tiến trình đào tạo được chia làm 8 kỳ (theo quy định chung, ngoài ra, sinh viên có thể căn cứ vào năng lực và hoàn cảnh cụ thể để đăng ký học vượt), với lịch trình cụ thể sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Mã học phần tiên quyết	Số tiết/tuần
Học kỳ 1					
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2		
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3		
6		Ngoại ngữ cơ sở 1			
10		Giáo dục thể chất			
18	PSY1051*	Tâm lý học đại cương (*)	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3		03
16	PHI1054	Logic học đại cương(*)	3		
26	MNS1100	Khoa học quản lý đại cương (*)	3		03
Tổng cộng:			17		
Học kỳ 2					
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần II)	3	PHI1004	
7		Ngoại ngữ cơ sở 2			
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh 3			
20	INE1014	Kinh tế học đại cương	Chọn 6/10 tín chỉ		
21	EVS1001	Môi trường và phát triển			

22	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội			
23	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt			
24	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin			
25	TOU1100	Đại cương về quản trị kinh doanh	3		
15	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới (*)	3		
Tổng cộng			15		
Học kỳ 3					
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005	
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh 1			
8		Ngoại ngữ cơ sở 3			
29	GEO1001	Địa lý thế giới	Chọn 5/12 tín chỉ		
30	CAL2004	Luật Hành chính Việt Nam			
31	MNS1102	Lý thuyết hệ thống			02
32	LIB2001	Thông tin học đại cương			
33	MNS1101	Văn hóa tổ chức			03
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2		
14	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam (*)	3	PHI1004	
34	MNS2064	Hành chính học đại cương (*)	3		03
19	SOC1051	Xã hội học đại cương (*)	3		
Tổng cộng			18		
Học kỳ 4					
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	POL1001	
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh 2			
9		Ngoại ngữ cơ sở 4(*)			
36	MNS3039	Quản lý biến đổi	Chọn 5/14 tín chỉ	MNS1100	
37	SOC3009	Xã hội học quản lý			
38	SOC3038	Xử lý dữ liệu			

39	MNS1153	Luật hiến pháp		THL1057	
40	ARO3002	Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý			
41	ARO3040	Nghiệp vụ thư ký			
47	MNS2058*	Khoa học và công nghệ luận (*)	3	MNS1053	03
27	MNS1104	Quản lý nguồn nhân lực(*)	3	MNS1100*	03
47	MNS3053*	Khoa học và công nghệ luận (*)	3	MNS1053	03
53	MNS3088	Địa chính trị (***)	3	MNS2058*	
Tổng cộng			20		
Học kỳ 5					
42	MNS2053*	Lịch sử tư tưởng quản lý (*)	4	26	04
35	MNS1152	Đại cương về sở hữu trí tuệ (*)	3	THL1057	03
28	PSY2031	Tâm lý học quản lý	3		
45	MNS3036	Văn hoá và đạo đức quản lý	3	MNS1100	03
46	MNS3002*	Lý thuyết quyết định (*)	3		03
50	MNS3038	Kỹ năng quản lý	3		03
52	MNS3087	Lý thuyết trò chơi(***)	3		03
Tổng cộng			22		
Học kỳ 6					
49	MNS3009	Quản lý chất lượng	2		02
44	MNS2065*	Khoa học chính sách (*)	3		03
43	MNS3037*	Khoa học tổ chức (*)	3	MNS1100	03
54	MNS3089	Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí	4	INE1014	03

		tuệ (***)		MNS1152	
84	MNS4050	Thực tập thực tế	2	MNS1100 MNS2065	
55	MNS3040	Quản lý dự án	Chọn 6/12 tín chỉ		03
56	INL2020	Công pháp quốc tế			
57	MNS3055	Quản lý tài chính công		MNS1100 INE1014	
58	MNS3056	Quản lý tài sản công		MNS1100 THL1057	
Tổng cộng			20		
Học kỳ 7					
		Chọn 1 trong các hướng chuyên ngành	15		05
51	MNS3086	Hệ thống thông tin trong quản lý (***)	3	MNS3002	02
Tổng cộng:			18		
Học kỳ 8:					
85	MNS4054	Thực tập tốt nghiệp	4	MNS3050	
86	MNS4152	Khóa luận tốt nghiệp	7	MNS4054	
Tổng cộng			11		

2. Các chỉ dẫn dành cho sinh viên

****Về thực hiện tiến trình đào tạo***

Do sinh viên mới nhập trường nên chưa nắm rõ được chương trình đào tạo và quy trình đăng ký Học phần nên nhà trường xếp thời khóa biểu chung cho tất cả sinh viên (tức là không tổ chức đăng ký Học phần). Sinh viên phải học theo thời khóa biểu này. Từ học kỳ thứ hai của khóa học, sinh viên sẽ đăng ký Học phần và học theo thời khóa biểu riêng.

Căn cứ vào tiến trình đào tạo, sinh viên tiến hành đăng ký lịch học. Việc đăng ký phải đảm bảo đủ số lượng tín chỉ theo quy chế và Học phần tiên quyết.

Lớp sinh viên hệ chất lượng cao được tổ chức theo khoá học. Sinh viên hệ chất lượng cao học riêng đối với các Học phần nâng cao, Học phần bổ sung. Các môn còn lại sinh viên học cùng sinh viên hệ chuẩn

**** Về lựa chọn chuyên ngành đào tạo***

- Khối kiến thức bắt buộc chung cho tất cả các chuyên ngành được cấu trúc như sau:

+ Khối kiến thức chung của khối ngành là 17 TC

+ Khối kiến thức của nhóm ngành là 11 TC

+ Khối kiến thức ngành và bổ trợ là 73TC

- Nhóm kiến thức tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 5 chuyên ngành). Mỗi hướng chuyên ngành có thời lượng là 15 tín chỉ

Việc *lựa chọn hướng chuyên ngành của sinh viên* được thực hiện vào cuối học kỳ 6. Căn cứ vào kết quả học tập môn tiên quyết của từng hướng chuyên ngành, vào nhu cầu đào tạo, quy định của Quy chế, sau khi có kết quả đăng ký hướng chuyên ngành, Khoa sẽ có sự điều chỉnh số lượng sinh viên ở từng hướng chuyên ngành cho phù hợp.

**** Về thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp***

Sinh viên có 02 kỳ thực tập với các mục tiêu: Tìm hiểu tổ chức và kiến thức chuyên môn đã được học ở trong một tổ chức cụ thể. Sinh viên phải tự tìm cơ quan thực tập tốt nghiệp. Sinh viên đăng ký tên, địa chỉ cơ quan thực tập với Khoa vào tuần thứ 12 của học kỳ 6 và tuần thứ 5 của học kỳ 7. Cơ quan thực tập phải đảm bảo phù hợp với hướng chuyên ngành sinh viên đã học.

3. Các chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập.

** Về việc sắp xếp lịch học:*

Người quản lý đào tạo căn cứ vào *Khung chương trình và kế hoạch giảng dạy* để xếp thời khóa biểu mỗi học kỳ. Các thông số cần tham chiếu để thực hiện công việc này là: Tên Học phần, loại Học phần, loại giờ tín chỉ, Học phần tiên quyết, kế hoạch giảng dạy.

Đối với các học phần tự chọn, Khoa sẽ chọn sẵn các học phần đối với từng học kỳ. Ưu tiên các học phần do Khoa quản lý Học phần.

Trong học kỳ thứ 7, sinh viên được đăng ký ít nhất một hướng chuyên ngành. Các hướng chuyên ngành được học theo tiến trình 7 tuần.

Nếu sinh viên hoàn thành các học phần từ Học kỳ 1 đến học kỳ 7, hoàn thành các chứng chỉ xét tốt nghiệp có thể đăng ký học phần thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp vào tuần thứ 5 của học kỳ 7 để Khoa sắp xếp Kế hoạch phù hợp. Sinh viên có thể tốt nghiệp sớm 01 học kỳ

** Về khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn thay thế môn tốt nghiệp*

Theo tiến trình bình thường (8 học kỳ), mỗi khóa học có tối đa 2 lần xét giao đề tài KLTN vào 2 tuần đầu của học kỳ 7 và học kỳ 8. Căn cứ giao đề tài khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên là kết quả học tập từ học kỳ 1 đến học kỳ 6 (tính đủ theo số tín chỉ được thiết kế cho mỗi học kỳ). Mức kết quả học tập cụ thể để giao đề tài cho sinh viên theo quy định chung của Nhà trường.

Trường hợp sinh viên không đảm bảo đủ điều kiện để viết khóa luận tốt nghiệp thì phải chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn và tốt nghiệp theo chương trình này. Trong trường hợp học chương trình đào tạo chuẩn mà vẫn không đủ điều kiện để làm khóa luận tốt nghiệp thì học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp như quy định đối với sinh viên theo học chương trình đào tạo chuẩn.

6. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ XÂY DỰNG VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN CỦA NƯỚC NGOÀI (ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO)

Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học quản lý mà Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn xây dựng được **tham khảo chính** từ:

- **Tên chương trình đào tạo:** *Management Science and Engineering*, Guanghua School of Management, Peking University – Beijing, China.

- **Tên văn bằng:** *Bachelor's Degree Management Science and Engineering*

Ngoài tài liệu tham khảo chính vừa nêu, chương trình còn tham khảo thêm

1. Các Học phần liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ được tham khảo từ chương trình đào tạo *Management Science and Technology*, School of Economics and Management, Lund University, Sweden. Tên văn bằng: *Bachelor's Degree Management Science and Technology*

2. Các Học phần liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ được tham khảo từ chương trình đào tạo *Intellectual Property Management*, Queen Mary Intellectual Property Research Institute, University of London. Tên văn bằng: *Bachelor's Degree Intellectual Property Management*

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo

1. Guanghua School of Management, Peking University – Beijing, China
2. School of Economics and Management, Lund University, Sweden
3. Queen Mary Intellectual Property Research Institute, University of London, UK

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo

1. Peking University – Beijing, China **xếp hạng 48 của thế giới và top 5 của Châu Á**
2. Lund University, Sweden **xếp hạng 80**
3. University of London, UK **xếp hạng 127**

(<https://www.timeshighereducation.co.uk/world-university-rankings/2015/world-ranking#/>)

ST T	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các Học phần của 2 chương trình đào tạo
13.		Các phương pháp nghiên cứu khoa học	
14.		Cơ sở văn hóa Việt	

		Nam(*)	
15.		Lịch sử văn minh thế giới(*)	
16.		Logic học đại cương	
17.		Nhà nước và pháp luật đại cương	
18.		Tâm lý học đại cương	
19.		Xã hội học đại cương(*)	
20.		Kinh tế học đại cương	
21.		Môi trường và phát triển	
22.		Thống kê cho khoa học xã hội	
23.		Thực hành văn bản tiếng Việt	
24.		Nhập môn năng lực thông tin	
25.	<i>Introduction to Business</i>	Đại cương về quản trị kinh doanh <i>Introduction to Business Management</i>	Tên Học phần <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình</i> đặt là khác nhau (chữ <i>Management</i>) Nhưng về cơ bản nội dung mà 2 môn này đề cập là trùng nhau. Link: http://www1.rmit.edu.au/courses/045673
26.	<i>Management Science</i>	Khoa học quản lý đại cương(*)	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> nhấn mạnh các

		<i>General Management Science</i>	chức năng của quản lý. <i>Chương trình:</i> ngoài các chức năng của quản lý, còn đề cập đến đối tượng, phương pháp, đặc điểm, ý nghĩa của khoa học quản lý; mối quan hệ của khoa học quản lý với các khoa học khác Link: http://www.ucl.ac.uk/prospective-students/undergraduate/degrees/management-science-bsc/
27.	<i>Human Resource Management</i>	Quản lý nguồn nhân lực(*) <i>Human Resource Management</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần giống nhau.</i> Về cơ bản, nội dung mà <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đề cập là trùng nhau.</i> https://www.universalclass.com/i/course/humanresources/syllabus.htm
28.	<i>Managerial Psychology</i>	<i>Tâm lý học quản lý Psychology in Management</i>	Tên Học phần <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt là khác nhau.</i> Nhưng về cơ bản nội dung mà 2 môn này đề cập là trùng nhau. Link: http://www1.rmit.edu.au/courses/045522
29.	<i>Geographic Sciences and Natural</i>	<i>Địa lý thể giới Geography of the</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là</i>

	<i>Resources</i>	<i>World</i>	Địa khoa học và tài nguyên thiên nhiên, với nội dung về khía cạnh địa lý của khoa học và tài nguyên thiên nhiên. <i>Chương trình</i> đặt tên Học phần là Địa lý thế giới, với nội dung về địa lý chung trên thế giới, không đề cập đến nội dung cụ thể như Học phần trên. Link: http://www.monash.edu.au/pubs/handbooks/aos/geographical-science/
30.	<i>Public Administration</i>	Luật Hành chính Việt Nam <i>Vietnamese Administrative Law</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> đặt tên Học phần là Hành chính công, với nội dung về hành chính trong lĩnh vực công, lĩnh vực nhà nước. <i>Chương trình</i> đặt tên Học phần là Luật Hành chính Việt Nam, với nội dung hẹp hơn nội dung trên. http://www.civilserviceindia.com/subject/Public-Administration/main-syllabus.html
31.	<i>Linear Systems Theory</i>	Lý thuyết hệ thống <i>Systems Theory</i>	Hai Học phần đều nghiên cứu về hệ thống, tuy nhiên cách tiếp cận là khác nhau. Học phần <i>Linear Systems Theory</i> của <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> liên quan đến những lý thuyết mang tính tuyến tính về hệ thống và phụ

			thuộc nhiều vào các công thức toán học Còn môn <i>Systems Theory</i> của chương trình sử dụng tiếp cận phi toán hóa để nghiên cứu hệ thống và tập trung vào phân tích lý thuyết hệ thống ứng dụng trong quản lý đặc biệt là quản lý xã hội với tiếp cận coi xã hội là hệ thống với những đặc trưng, những vấn đề quản lý đặc thù của các phần tử trong hệ thống. Link: http://www.cns.nyu.edu/~david/handouts/linear-systems/linear-systems.html
32.	<i>Management Science and Information Systems</i>	Thông tin học đại cương <i>Basic Information Science</i>	Tên Học phần mà <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> và <i>Chương trình</i> đặt là khác nhau. <i>Chương trình</i> chỉ đề cập đến phần đại cương. <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> ngoài phần đại cương còn đề cập đến hệ thống thông tin trong quản lý. Link: https://www.umb.edu/academics/cm/departments/management_science_information_systems
33.		Văn hóa tổ chức <i>Organizational</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> có nội dung về văn

		<i>Culture</i>	hóa tổ chức trong Học phần văn hóa quản lý. Link: http://www.cps.neu.edu/courses/detail/LDR6125
34.	<i>Business Administration</i>	Hành chính học đại cương (*) <i>Introduction to Administration Studies</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> chỉ đề cập đến phần quản lý kinh doanh. <i>Chương trình:</i> đề cập đến quản lý kinh doanh và các phần khác thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Link: http://www.senecacollege.ca/c/e/classes/BAM101.html
35.	<i>General Intellectual Property</i>	Đại cương về sở hữu trí tuệ (*) <i>Introduction to Intellectual Property</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> và <i>Chương trình</i> đặt tên Học phần giống nhau. Nhưng nội dung có phần khác biệt: <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> chỉ đề cập đến quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, phần thực thi gọi là <i>Enforcement of Intellectual Property</i> <i>Chương trình:</i> ngoài nội dung trên, còn đề cập đến giống cây trồng (<i>Plant Varieties</i>), các cơ quan quản lý nhà nước về SHTT, phần thực thi gọi là <i>Protection of Intellectual Property</i> http://www.law.nyu.edu/sites/d

			efault/files/upload_documents/IPSurvey.Dreyfuss.fall.05.doc
36.	<i>Managing Change</i>	Quản lý biến đổi <i>Managing Changes</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần giống nhau và cùng đề cập đến một nội dung.</i> https://www.uclaextension.edu/InstructorContent/prod/FileRoot/Syllabus/214423.pdf
37.	<i>Ethnic Sociology and Demography</i>	Xã hội học quản lý <i>Sociology Management</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Xã hội học dân tộc và nhân học, nội dung về khía cạnh xã hội học của dân tộc học và nhân học.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Xã hội học quản lý, nội dung về khía cạnh xã hội học của quản lý.</i>
38.	<i>Data Analysis</i>	Xử lý dữ liệu <i>Data Processing</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài gọi là Phân tích dữ liệu</i> <i>Chương trình gọi là Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu, nhưng về cơ bản, nội dung mà Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đề cập là trùng</i> https://www.pdx.edu/usp/sites/www.pdx.edu.usp/files/USP634_201202.pdf
39.		Luật Hiến pháp <i>Constitutional Law</i>	https://www.law.berkeley.edu/

			<u>php- programs/courses/fileDL.php? fID=1335</u>
40.		Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý <i>Documentation Compiling and Publishing</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài không có Học phần này</i>
41.		Nghịệp vụ thư ký <i>Secretarial Skills</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài không có Học phần này</i>
42.		Lịch sử tư tưởng quản lý (*) <i>History of Management Thought</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài có nội dung về lịch sử tư tưởng quản lý là một phần trong Học phần Khoa học quản lý.</i> <u>http://academic.missouriwestern.edu/mlewis14/MGT431/Mgt%20431%20Management%20Science%20Syllabus%20Sp%202007.pdf</u>
43.	<i>Organization Management</i>	Khoa học tổ chức (*) <i>Science of Organizations</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Quản lý tổ chức, không đề cập đến nội dung lý thuyết khoa học, mà nhấn mạnh đến khía cạnh thực tiễn.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Khoa học tổ chức, đề cập đến nội dung lý thuyết khoa học về tổ chức.</i> Link: <u>http://www.ashford.edu/degree</u>

			s/online/ba-organizational-management.htm
44.	<i>Public Policy and Management</i>	Khoa học chính sách (*) <i>Policy Science</i>	Hai Học phần đều đề cập đến đối tượng là chính sách tuy nhiên khi so sánh nội dung có phần khác biệt: <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài chỉ tập trung và nghiên cứu chính sách công hay chính sách của nhà nước như chính sách kinh tế, đối ngoại, y tế, KH&CN, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội...v.v. Các chính sách của doanh nghiệp và cá nhân không phải là nội dung được đề cập nhiều trong Học phần này.</i> <i>Policy Science:</i> Coi chính sách là đối tượng nghiên cứu và nghiên cứu chính sách với tư cách là một khoa học. Học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách như khái niệm, chức năng, vai trò, cấu trúc, vòng đời của chính sách, các bước và nội dung phân tích một văn bản chính sách; quy trình hoạch định chính sách (bao gồm cả chính sách của nhà nước/chính sách công hay chính sách của các doanh nghiệp và của cá nhân/chủ thể quản lý) Link:

			http://www.londoninternational.ac.uk/courses/postgraduate/sos/public-policy-management-msc
45.	<i>Cultural Management</i>	Văn hoá và đạo đức quản lý (*) <i>Management Culture and Ethic</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> đặt tên Học phần là Văn hóa quản lý, với nội dung về khía cạnh văn hóa của quản lý. <i>Chương trình</i> đặt tên Học phần là Văn hóa và đạo đức quản lý, với nội dung về 2 khía cạnh văn hóa, đạo đức của quản lý. http://www.uu.se/en/admissions/master/selma/kursplan/?kpid=25365&lasar=12%2F13
46.	<i>Probability and Decision Theory</i>	Lý thuyết quyết định (*) <i>Decision Theory</i>	<i>Probability and Decision Theory</i> và <i>Decision Theory</i> đều có phần nội dung học chính liên quan đến những lý thuyết khi ra quyết định. Nhưng giữa 2 Học phần cũng có sự khác biệt: <i>Decision Theory</i> sử dụng các tiếp cận cả toán hóa và phi toán để rèn luyện cho người học những phương pháp, cách thức ra quyết định hiệu quả, hạn chế rủi ro trong quá trình ra quyết định. <i>Probability and Decision Theory</i> thì chủ yếu tập trung vào cách thức sử dụng ước tính xác suất để đưa ra những quyết

			định hiệu quả. http://bcb.dfci.harvard.edu/~gp/teaching/773/syllabus.pdf
47.	<i>Science and Technology Studies</i>	Khoa học và công nghệ luận (*) <i>Theory of Science and Technology</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần khác nhau nhưng về cơ bản nội dung của 2 môn là giống nhau: 2 Học phần đều cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Khoa học và Công nghệ, cấu trúc của khoa học và công nghệ, đặc trưng của khoa học và công nghệ cách thức áp dụng những kiến thức vào môi trường công nghệ cao hiện nay và các kỹ năng liên quan đến việc giải quyết vấn đề, ra quyết định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.</i>
48.	<i>Science, Technology and Management</i>	Quản lý khoa học và công nghệ (*) <i>Science and Technology Management</i>	Nội dung 2 Học phần <i>Science, Technology and Management</i> và <i>Science and Technology Management</i> đều đề cập đến vấn đề quản lý khoa học và công nghệ: cách tạo, ứng dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tuy nhiên giữa hai Học phần cũng có sự khác biệt, <i>Science and Technology Management</i>: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quản lý khoa học/Quản lý nghiên cứu và triển khai

			(R&D Management) và Quản lý Công nghệ (Technology Management); Bên cạnh đó Học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống quản lý KH&CN quốc gia và tập trung sâu vào những giải pháp quản lý mang tính chiến lược, sử dụng công cụ quản lý là chính sách của tổ chức, <i>Science, Technology and Management</i>: tập trung vào những nghiên cứu hệ thống đổi mới quốc gia (Innovation System) liên quan đến công nghệ trong các tổ chức, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp và các khía cạnh thương mại của công nghệ.
49.	<i>Science in Business Quality Management</i>	Quản lý chất lượng <i>Quality Management</i>	2 Học phần tập trung vào việc quản lý chất lượng, quản lý quy trình đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên giữa 2 Học phần có sự khác nhau về phạm vi nghiên cứu: <i>Quality Management</i>: tập trung vào quá trình kiểm định chất lượng, quy trình quản lý chất lượng của một tổ chức, các tiêu chuẩn chất lượng đối với từng loại hình sản phẩm, lĩnh vực <i>Science in Business Quality Management</i>: tập trung vào

			các vấn đề: cải thiện dịch vụ khách hàng, phát triển nhân viên, và quá trình cải tiến để làm tăng năng suất, cải thiện môi trường làm việc và ảnh hưởng đến kết quả làm việc.
50.	<i>Human Management Skills</i>	Kỹ năng quản lý <i>Management Skills</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> đặt tên Học phần là Kỹ năng quản lý nhân lực, nội dung chỉ đề cập đến mảng kỹ năng quản lý con người cụ thể. <i>Chương trình</i> đặt tên Học phần là Kỹ năng quản lý, với nội dung rộng hơn nội dung mà Học phần trên đề cập. https://www.universalclass.com/i/course/humanresources/syllabus.htm
51.	<i>Organizational Information Systems</i>	Hệ thống thông tin trong quản lý (***) <i>Information Systems in Organizations</i>	đặt tên là <i>Organizational Information Systems</i>. Chương trình đặt tên Học phần là <i>Information Systems in Organizations</i> Mặc dù có khác biệt về tên gọi, nhưng nội dung về cơ bản tương đồng. http://business.fiu.edu/management/files/departments%20documents/1145-MAN6830XBC1145_hcmbah-55623.pdf
52.		Lý thuyết trò chơi	http://faculty.haas.berkeley.edu

		(***) <i>Game Theory</i>	u/rjmorgan/mba211/Game%20Theory%20Syllabus.doc
53.		Địa chính trị (***) <i>Geopolitics</i>	
54.		Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (***) <i>Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights</i>	
55.	<i>Strategic Project Management</i>	Quản lý dự án <i>Project Management</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Chiến lược quản lý dự án, chỉ đề cập đến phần chiến lược.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Quản lý dự án, đề cập đến nội dung chung về quản lý dự án, không đề cập đến mục chiến lược.</i> http://sph.unc.edu/files/2014/10/pubh784_syllabus_2015_spring.pdf
56.	<i>International Finance</i>	Công pháp quốc tế <i>International Law</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Tài chính quốc tế, với nội dung về tài chính, thuế, thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế giữa các tổ chức kinh tế thuộc các quốc gia (tư pháp quốc tế)</i>

			<i>Chương trình đặt tên Học phần là Công pháp quốc tế, với nội dung về quan hệ quốc tế giữa các quốc gia trên tất cả các lĩnh vực.</i> http://www.upf.edu/studyabroad/_pdf/ESCI_syllabyFall2012/Syllabus_-_International_Finance.pdf
57.		<i>Quản lý tài chính công</i> <i>Public Finance Management</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần giống nhau.</i> https://www.utexas.edu/lbj/sites/default/files/Jack_PA391%20362390_fall12.pdf
58.		<i>Quản lý tài sản công</i> <i>Public Property Management</i>	<i>Nội dung mà Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đề cập là trùng nhau.</i>
59.	<i>Administrative Decentralization</i>	<i>Phân cấp quản lý hành chính</i> <i>Administrative Decentralization</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần giống nhau.</i> <i>Nội dung mà Chương trình tham khảo của nước ngoài đề cập nhấn mạnh đến phân cấp quản lý kinh tế, tài chính.</i> <i>Nội dung mà Chương trình đề cập nhấn mạnh đến phân cấp quản lý hành chính nhà nước đối với các lĩnh vực khác nhau (trong đó có kinh tế, tài chính)</i>
60.	Managerial Economics	<i>Quản lý cấp cơ sở về kinh tế</i>	http://www.anderson.ucla.edu/faculty/christian.dippel/Dippel_MGMT405_2013_Syllabus.p

		<i>Local Governance in Economy</i>	<u>df</u>
61.	Society - Culture	Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội <i>Local Governance in Culture and Society</i>	http://www.boardofstudies.nsw.edu.au/syllabus_hsc/pdf_doc/society-culture-st6-syl-from2010.pdf
62.	<i>Public Policy Service</i>	Dịch vụ công <i>Public Service</i>	Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Quản lý dịch vụ công, Chương trình đặt tên Học phần là Dịch vụ công gắn với tên của chương trình nước ngoài. http://www.busman.qmul.ac.uk/undergraduate/ugmodules/78196.html
63.	<i>Administrative Decentralization of Local Governments</i>	Quản lý cấp cơ sở <i>Local Governance</i>	Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Phân cấp quản lý hành chính đối với chính quyền địa phương, với nội dung về quản lý hành chính ở địa phương đối với hiệu quả phát triển về kinh tế. Chương trình đặt tên Học phần là Quản lý cấp cơ sở, với nội dung về quản lý các lĩnh vực nói chung ở cấp xã, phường.
64.	<i>Employment Protection Legislation</i>	Pháp luật về lao động và việc làm <i>Legislation on Labor and</i>	Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Pháp luật bảo vệ việc làm. Chương trình đặt tên Học phần là Pháp luật về lao động và

		<i>Employment</i>	<i>việc làm.</i> Về cơ bản, nội dung 2 Học phần này là trùng nhau, tuy nhiên Học phần mà chương trình đề xuất có đề cập đến điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=5&ved=0CEEQFjAE&url=http%3A%2F%2Fsmlr.rutgers.edu%2Femplawbleesp12&ei=o-2KVcP4FMXQmwWswOHIDw&usg=AFQjCNFWuTyv6ZIs55gPPDIpErc4fKGMfw&sig2=FMVd8A8hthNfHagkLUeoVg&bvm=bv.96339352,d.dGY&cad=rja
65.	<i>Social Security</i>	Bảo hiểm xã hội <i>Social Insurance</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Bảo đảm xã hội - Social Security, có 1 phần nội dung về bảo hiểm (trong đó có bảo hiểm xã hội).</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Bảo hiểm xã hội, với nội dung hẹp hơn Học phần trên, chỉ bàn chuyên sâu về bảo hiểm xã hội.</i> https://financialeducationnet.com/wp-content/uploads/2014/11/Maximizing_Social_Security_course_syllabus_0.pdf

66.		Định mức lao động và Tổ chức tiền lương <i>Labor Standards & Organization Salary</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Tiêu chuẩn lao động trong xuất khẩu sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, Tiền lương, nội dung chỉ đề cập đến mảng này.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Định mức lao động và Tổ chức tiền lương, nội dung đề cập chung đến mọi lĩnh vực lao động.</i>
67.	Recruitment and Staffing	Tuyển dụng nhân lực <i>Labor Recruitment</i>	<i>Tên nước ngoài là Recruitment and Staffing. Về cơ bản là nội dung lấy khung của nước ngoài.</i> <i>https://www.google.com/search?q=personnel+recruitment+syllabus&oq=personnel+recruitment+syllabus&aqs=chrome..69i57j0j9&sourceid=chrome&es_sm=93&ie=UTF-8#q=Personnel+Staffing+recruitment+syllabus</i>
68.	<i>Labor and Demographic Economics</i>	Tổ chức lao động khoa học <i>Scientific Organization of Labor</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Kinh tế học lao động và nhân khẩu, với nội dung về khía cạnh kinh tế, lao động và nhân lực.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Tổ chức lao động khoa học, với nội dung về tổ chức lao</i>

			động một cách khoa học. https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=5&ved=0CEEQFjAE&url=http%3A%2F%2Fsmr.rutgers.edu%2Femplawbleesp12&ei=o-2KVcP4FMXQmwWswOHIDw&usg=AFQjCNFWuTyv6ZIs55gPPDIpErc4fKGMfw&sig2=FMVd8A8hthNfHagkLUeoVg&bvm=bv.96339352,d.dGY&cad=rja
69.	Social Policy	Chính sách Trợ giúp xã hội Social Assistance Policy	<i>Tên trong khung nước ngoài là Chính sách xã hội. Nội dung chính sách xã hội rất rộng, chúng tôi chỉ chọn một phần là trợ giúp xã hội để đưa vào giảng dạy.</i> http://www.hope.edu/academic/sociology/faculty/sturtevant/pdf/Swk%20322.Sturtevant.s09.pdf
70.	Sustainable Development and Environment	Chính sách giảm nghèo bền vững Sustainable poverty reduction Policy	Tên của khung nước ngoài là phát triển bền vững và môi trường. Chính sách giảm nghèo bền vững chỉ là một nội dung nhằm thúc đẩy phát triển bền vững. Đây là chương trình mục tiêu quốc gia trong nhiều năm của Việt Nam nên chúng tôi đưa vào khung chương trình đào tạo nhằm nghiên cứu về chính sách này. http://www.epd.uji.es/web/co

			mun/archivos/outlines/2011-2013/SAA066_Susta_Deve.pdf
71.	Culture, Identity and Education	Chính sách văn hoá và giáo dục Cultural and Educational Policy	<i>Khung của nước ngoài là Văn hóa, giáo dục. Nếu theo nội dung như khung của nước ngoài đề cập là rất rộng, ở đây chúng tôi chỉ giới hạn nội dung học phần là chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến văn hóa, giáo dục.</i> http://usm.maine.edu/sites/default/files/ctel/EYE_108_accessible_syllabus.pdf
72.		Chính sách dân tộc và tôn giáo <i>Ethnic and Religious Policy</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài không có Học phần này.</i>
73.		Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội <i>Social Evils Prevention Policy</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài không có Học phần này.</i>
74.	Copyright	Quyền tác giả và quyền liên quan <i>Copyright and Related Rights</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là quyền tác giả, với nội dung chỉ đề cập chuyên sâu đến quyền tác giả.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Quyền tác giả và quyền liên quan, ngoài phần quyền tác giả còn đề cập đến quyền liên quan (cuộc biểu diễn, bản ghi âm ghi hình, phát sóng, phát</i>

			tín hiệu vệ tinh mang cường trình mã hóa), quản lý tập thể quyền tác giả. http://cyber.law.harvard.edu/people/tfisher/Copyright_Syllabus_2013.htm
75.	<i>Inventions</i>	Sáng chế và giải pháp hữu ích <i>Inventions and Utility Solutions</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài nhấn mạnh đến đăng ký quốc tế theo PCT, không đề cập đến Utility Solutions</i> <i>Chương trình:</i> đề cập đến cả giải pháp hữu ích, trình tự các bước bảo hộ sáng chế, đăng ký sáng chế theo Công ước Paris, PCT http://cty.jhu.edu/summer/docs/syllabi/invt_2.pdf
76.	<i>Industrial Designs</i>	Kiểu dáng công nghiệp <i>Industrial Designs</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt tên Học phần giống nhau.</i> Nội dung mà <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> và <i>Chương trình</i> đề cập là trùng nhau.
77.	<i>Trade Names and Geographical Indications</i>	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác <i>Trademark and Trade Indications other</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài đặt tên Học phần là Tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, nội dung chỉ đề cập đến tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.</i> <i>Chương trình đặt tên Học phần là Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác, ngoài 2 đối tượng mà Chương trình tham</i>

			<i>khảo của nước ngoài đề cập, còn đề cập thêm nhãn hiệu</i>
78.		Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp Science and Technology Enterprise	
79.	<i>Law for Science and Technology</i>	Pháp luật về khoa học và công nghệ <i>Legislation on Science and Technology</i>	National Tsing Hua University có Học phần <i>Law for Science and Technology</i> và Chương trình có môn <i>Science and Technology Law</i> . 2 môn này đều có đối tượng nghiên cứu chung là các văn bản, quy định liên quan đến khoa học và công nghệ: luật công nghệ, chuyên giao khoa học, luật sở hữu trí tuệ... http://www.law.gmu.edu/assets/files/academics/schedule/2000/spring/lawscience.html
80.	<i>Science, Technogy and Society</i>	Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường <i>Social Studies of Science, Technology and Environment</i>	Tại hầu hết các trường đại học Học phần này thường tách thành 3 Học phần (Nghiên cứu xã hội về khoa học học/xã hội học Khoa học; Nghiên cứu xã hội về công nghệ/xã hội học công nghệ; nghiên cứu xã hội về môi trường/xã hội học môi trường). Trong Học phần <i>Science, Technogy and Society</i> đề cập đến nghiên cứu chung về khoa học, công nghệ và xã

			hội, những tương tác giữa 3 chủ thể trên và Học phần <i>Enviromental Technology</i> của trường SEGi University College tập trung vào mối quan hệ giữa việc áp dụng công nghệ và bảo vệ môi trường, mô và Học phần xã hội học môi trường của <i>Trong chương trình:</i> Học phần ghép lại 3 module kiến thức và chú trọng vào cả 3 phần: nghiên cứu xã hội, công nghệ và môi trường. Học phần này mang tính tích hợp hơn khi kết hợp được cả 2 chương trình học của 2 trường trên để sinh viên phân tích được mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố với tiếp cận sinh thái học nhân văn, coi sự phát triển bền vững phải bắt đầu từ bản thân những đột phá trong lòng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tương tác với xã hội.
81.	<i>Science and Technology Policy</i>	Chính sách khoa học và công nghệ <i>Science and Technology Policy</i>	<i>Chương trình tham khảo của nước ngoài và Chương trình đặt là gần giống nhau.</i> Về cơ bản, nội dung mà 2 Học phần này đề cập là trùng nhau http://cstpr.colorado.edu/students/envs_5100/syllabus_spring_2010.pdf
82.	<i>National Innovation System</i>	Hệ thống đổi mới quốc gia	Tên Học phần mà <i>Chương trình tham khảo của nước</i>

		<i>National Innovation System</i>	ngoài và <i>Chương trình</i> đặt là giống nhau. <i>Chương trình tham khảo của nước ngoài</i> đề cập chung đến hệ thống đổi mới quốc gia. <i>Trong chương trình:</i> ngoài nội dung trên, còn đề cập đến hệ thống đổi mới trong điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam
83.		Doanh nghiệp khoa học và công nghệ <i>Science and Technology Enterprise</i>	
84.		Thực tập thực tế	
85.		Thực tập tốt nghiệp	
86.		Khóa luận tốt nghiệp	

7. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần I)

2TC

Học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin phần 1 cung cấp cho người học hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất của thế giới, những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của thế giới vật chất; bản chất, nguồn gốc, kết cấu của ý thức và biện chứng của quá trình nhận thức; những quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển xã hội loài người. Từ đó giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học khoa học, có khả năng vận dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần II) 3TC

Học phần *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 2)* trình bày những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn là cơ sở quyết định sự vận động của những quan hệ, những quy luật chính trị - xã hội như quy luật về cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, về chính đảng của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa... Những quy luật kinh tế và quy luật chính trị - xã hội này luận giải tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội ở và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.
- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC

Trình bày rõ bối cảnh lịch sử và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cung cấp những kiến thức cơ bản, với nguồn tư liệu xác thực đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới về một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; Nêu lên những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm về xác định và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng để vận dụng sáng tạo vào giai đoạn cách mạng hiện tại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

5. Tin học cơ sở 2

4TC

Mô đun 1- Tin học Đại cương

- Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, máy tính, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin.
- Phần 2: Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ điều hành, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

Mô đun 2- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ

- Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ; rèn các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể.
- Giới thiệu lập trình quản lý thông qua macro và môđun đơn giản trong Visual Basic.

6. Ngoại ngữ cơ sở 1

4TC

7. Ngoại ngữ cơ sở 2

5TC

8. Ngoại ngữ cơ sở 3

5TC

9. Ngoại ngữ cơ sở 4(*)

5TC

13. Các phương pháp nghiên cứu khoa học 3TC

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, đặc điểm và sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, phương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Học phần đặt trọng tâm vào nội dung kỹ năng hình thành trình tự logic cho nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên xây dựng nền tảng đầu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tập sự nghiên cứu), biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học giúp sinh viên không luyện tập về logic nghiên cứu mà còn định hình được sự lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của bản thân. Bên cạnh

việc rèn luyện kỹ năng làm đề cương nghiên cứu, học phần đặc biệt chú trọng đến nội dung của chương VIII về hình thành đạo đức khoa học trong cộng đồng nghiên cứu nói chung và trong sinh viên nói riêng.

14. Cơ sở văn hóa Việt Nam (*) 3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa và con người, môi trường tự nhiên và xã hội. Người học cũng được tìm hiểu các khái niệm có liên quan: văn minh, văn hiến, văn vật, di sản văn hóa... Học phần cung cấp những tri thức chuyên sâu về văn hóa với tư cách là sản phẩm, biểu hiện cụ thể, rõ rệt của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, về chức năng giáo dục, thẩm mỹ, về các đặc trưng của gia đình, dòng họ, làng xã... Học phần cũng cung cấp những tri thức cơ bản về tiếp xúc và giao lưu văn hóa, khái lược quá trình, đặc điểm của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở Việt Nam. Học phần cũng bước đầu giới thiệu quá trình, đặc điểm, vai trò của một số thành tố văn hóa như ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội. Học phần còn khái lược lại diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam với ba trung tâm văn hóa chính. Học phần cũng bước đầu giới thiệu lý thuyết và cách thức phân loại các không gian văn hóa ở Việt Nam.

15. Lịch sử văn minh thế giới 3TC

- Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX...

-Đối với mỗi nền văn minh, học phần giới thiệu và cung cấp kiến thức, thông tin về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

-Học phần trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học –kỹ thuật, tôn giáo...

16. Logic học đại cương 3TC

Lôgic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn. Nội dung của học bao gồm các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. nắm được các

nội dung đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Phần bài tập và câu hỏi trên lớp giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phản ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối (mặt hình thức) của nó mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là Học phần đã đang và nên là Học phần phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.

17. Nhà nước và pháp luật đại cương: 2TC

Nhà nước và pháp luật đại cương là Học phần bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là Học phần nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra nhà nước và pháp luật đại cương cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là Học phần nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

18. Tâm lý học đại cương (*)

3TC

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý; khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

19. Xã hội học đại cương (*)

3TC

Học phần cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát

triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị văn hóa và xã hội. Xã hội như một tổng thể có cấu trúc xác định và có thể phân tích theo các tiếp cận cấu trúc, chức năng hay hành động xã hội. Sau khi học xong môn xã hội học đại cương, sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

20. Kinh tế học đại cương

2TC

Kinh tế học Đại cương là một Học phần bổ trợ, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong các chương trình đào tạo thuộc các khối ngành tự nhiên và xã hội - nhân văn. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về sự vận hành của nền kinh tế thị trường với 2 mảng kiến thức 1) Kinh tế học vi mô: giới thiệu một cách tổng quát cơ chế vận hành của một thị trường điển hình và hành vi lựa chọn của doanh nghiệp; 2) Kinh tế học vĩ mô: Trình bày những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu và các yếu tố quyết định chúng qua một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản. Qua đó, người học có thể hiểu được tầm quan trọng của các chính sách kinh tế của Chính phủ trong việc điều tiết hoạt động của nền kinh tế.

21. Môi trường và phát triển

2TC

Học phần giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội. Học phần cũng đề cập đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.

Một nội dung quan trọng khác được giới thiệu trong Học phần là công tác bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Học phần cũng có nội dung mở dựa trên các vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành khoa học khác nhau và gắn liền với tình hình thực tiễn trong các buổi thảo luận theo chủ đề trên lớp.

22. Thống kê cho khoa học xã hội

2TC

Học phần trang bị cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.

23. Thực hành văn bản tiếng Việt

2TC

Học phần cung cấp cho người học khái quát văn bản khoa học: tìm chủ đề, phân tích kết cấu tổng thể của văn bản thành các phần mở đầu, nội dung, kết luận và nhận biết cơ sở để chia tách các phần đó. Phân tích tính hợp lí/ lôgic của đề cương văn bản. Phân tích lối lập luận của văn bản. Phân tích những biểu hiện của mạch lạc văn bản (giữa các phần lớn và giữa các đoạn nhỏ hơn trong một phần lớn như phần nội dung văn bản).

Phân tích các bộ phận của văn bản: cấu tạo đoạn văn, phép suy lí, kết tử lập luận, tác tử lập luận, phân tích trật tự tuyến tính của các cú/mệnh đề hữu quan qua phép cải biến và nhận xét tính hơn trội của trật tự nào đó trong ngữ cảnh. Phát hiện các phương tiện liên kết giữa các câu và các đoạn văn. Phát hiện, phân tích và sửa lỗi ở phạm vi văn bản (lỗi phân đoạn, lỗi liên kết...) và ở phạm vi câu (câu sai về cấu tạo ngữ pháp, về ngữ nghĩa, về cách dùng hư từ, về trật tự từ...)

Luyện tập kĩ năng tóm tắt văn bản.

Luyện tập kĩ năng tạo lập văn bản: lập dàn ý/đề cương dựa trên chủ đề cho sẵn, viết một đoạn nào đó để triển khai chủ đề bộ phận, viết văn bản theo dàn ý/đề cương, cách viết trình bày lịch sử vấn đề đang được nghiên cứu, cách thức lập thư mục tài liệu tham khảo.

24. Nhập môn Năng lực thông tin

2 TC

Năng lực thông tin giúp các cá nhân có thể xử lý, giải quyết và làm chủ các vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng thông tin trong bối cảnh bùng nổ thông tin và xã hội thông tin hiện nay. Cần lưu ý rằng, sự thành thạo về sử dụng công nghệ không đồng nghĩa với việc sử dụng và khai thác thông tin hiệu quả. Do đó, cần có những giải pháp để ứng phó và giải quyết những vấn đề do sự bùng nổ thông tin gây ra. Việc dễ dàng công bố, đăng tải, và truy cập thông tin, đặc biệt là thông tin trên Internet, khiến cho người sử dụng thông tin bị quá tải, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong việc xác định, lựa chọn, tìm kiếm và đánh giá các nguồn thông tin phù hợp, đáng tin cậy, phục vụ cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh sống. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những nêu trên, giúp người học nâng cao hiệu quả học tập và

chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

25. Đại cương về quản trị kinh doanh 3TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản của quản trị nói chung và quản trị doanh nghiệp nói riêng. Bao gồm: Các vấn đề chung về doanh nghiệp; Nội dung chính của công tác quản trị trong doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và các quyết định quản trị; Lập kế hoạch kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp; Các hoạt động chính của quản trị trong doanh nghiệp (quản trị nguồn lực, quản trị quá trình sản xuất kinh doanh, quản trị quá trình tiêu thụ sản phẩm)

26. Khoa học quản lý đại cương (*) 3TC

Học phần trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý, các yếu tố tác động đến quản lý; đối tượng, phương pháp, đặc điểm, ý nghĩa của khoa học quản lý; mối quan hệ của khoa học quản lý với các khoa học khác; điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề lý luận cho sự ra đời của khoa học quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý cũng như cách thức để đạt được những phẩm chất và năng lực ấy; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý; các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thông tin trong quản lý. Đồng thời, hình thành kỹ năng trong công tác quản lý ở những lĩnh vực cụ thể

27. Quản lý nguồn nhân lực(*) 3TC (Học phần tiên quyết: 26)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và vị trí, vai trò của quản lý nguồn nhân lực trong sự phát triển của tổ chức. Học phần cũng trang bị cho người học khoa học quan điểm logic, hệ thống về công tác quản lý nguồn nhân lực, phân biệt quản trị nhân sự và quản lý nguồn nhân lực. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học những nội dung, quy trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của quản lý nguồn nhân lực như phân tích và xếp bậc công việc, kế hoạch hóa nhân lực, chuyển chuyển, đề bạt, thôi việc, tuyển dụng, định hướng, đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, giải quyết các chế độ tiền lương, phúc lợi cho người lao động, động viên và kỷ luật lao động, ký kết thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động, phát hiện và giải quyết bất bình và tranh chấp lao động; **giới thiệu một số phần mềm quản trị nhân lực đang ứng dụng.**

28. Tâm lý học quản lý 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những hiện tượng, quy luật, cơ chế tâm lý của con người và nhóm người trong hoạt động quản lý như: động cơ, hoạt động, giao tiếp của chủ thể và đối tượng quản lý. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội của tập thể với tư cách là chủ thể các khách thể quản lý. Nghiên cứu cơ sở tâm lý học của việc nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo vấn đề tuyển chọn, đánh giá, sắp xếp, đào tạo cán bộ.

29. Địa lý thế giới 2TC

Học phần cung cấp cho người học tổng quát về Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Địa lý kinh tế - xã hội thế giới; Đề cập đến toàn cảnh địa lý kinh tế - xã hội thế giới với những sự biến động về kinh tế và chính trị - xã hội, những đặc điểm và xu hướng chính của nền kinh tế thế giới trong những năm gần đây, giới thiệu về các trung tâm và các tổ chức kinh tế quốc tế và đề cập đến những vấn đề kinh tế - xã hội đặt ra cần giải quyết trên phạm vi toàn cầu; Đề cập đến 3 nhóm ngành kinh tế quan trọng của thế giới là: Địa lý nông nghiệp, Địa lý công nghiệp và Địa lý dịch vụ; Trình bày về một số quốc gia và khu vực tiêu biểu trên thế giới như: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu (EU), Liên Bang Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Cộng hòa Pháp, Khu vực Đông Nam Á,...

30. Luật Hành chính Việt Nam 2TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu của Luật hành chính, lịch sử nghiên cứu và phát triển của Luật hành chính, nguồn của Luật hành chính, khái niệm, nội dung và đặc trưng của quy phạm pháp luật hành chính, cơ cấu, phân loại và hiệu lực của quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính, vị trí của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trong hệ thống cơ quan nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, công vụ và công chức, các tổ chức xã hội và công dân, thuyết phục và cưỡng chế hành chính, trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm hành chính, khái luận về tài phán hành chính và tài phán tư pháp, khái luận về tố tụng hành chính, thủ tục xét xử các vụ án hành chính, đối tượng xét xử của tòa hành chính, thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính, các giai đoạn của tố tụng hành chính...

31. Lý thuyết hệ thống 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức hoàn chỉnh về “hệ thống”, cấu trúc hệ thống, tính thống nhất về hệ thống trong các quá trình và hiện tượng tự nhiên, sinh học, kỹ thuật, xã hội; các đặc điểm cơ bản và quy luật vận

động của hệ thống, phương pháp nghiên cứu hệ thống và ứng dụng của nó trong quá trình xử lý các bài toán đặt ra trong kỹ thuật, trong tổ chức và quản lý; phương pháp phân tích hệ thống và ứng dụng trong công tác nghiên cứu khoa học, đánh giá các sự vật và quá trình và chuẩn bị quyết định. Học phần cũng trang bị kiến thức cơ bản về điều khiển hệ thống, từ đó hiểu được các đặc điểm, quy luật vận động, phương pháp điều khiển các hệ thống, ứng dụng nó trong công tác nghiên cứu khoa học, trong việc xử lý các tình huống của thực tiễn quản lý. Hình thành kỹ năng xác lập quan điểm hệ thống trong cách nhìn và phân tích sự vật, biết xử lý mọi tình huống trong hoạt động quản lý trên quan điểm hệ thống.

32. Thông tin học đại cương

3TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và đại cương về thông tin và thông tin học bao gồm: Khái niệm; Các hình thức chuyển tải và kỹ thuật lưu giữ thông tin; Các loại hình thông tin; Lịch sử của kỹ thuật truyền tin. Những vấn đề chung của thông tin học: Khái niệm, lịch sử hình thành & phát triển, nhiệm vụ & đối tượng nghiên cứu, những khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thông tin học và mối quan hệ của thông tin học với các ngành khoa học khác. Vai trò của thông tin trong phát triển kinh tế, xã hội. Các vấn đề của thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển. Nội dung quá trình thông tin & dây chuyền thông tin tư liệu. Khái niệm hệ thống thông tin & hệ thống thông tin khoa học & công nghệ (KH & CN). Đặc điểm người dùng tin & nhu cầu thông tin khoa học & công nghệ. Đào tạo nguồn nhân lực hoạt động thông tin khoa học & công nghệ.

33. Văn hóa tổ chức 3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá tổ chức; bản chất, chức năng của văn hoá tổ chức; hệ thống lý luận của văn hoá tổ chức; những biểu hiện cụ thể của văn hoá tổ chức; phát triển văn hoá tổ chức trong các tổ chức; toàn cầu hoá và ảnh hưởng của các nền văn hoá đối với các tổ chức. Một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam liên quan đến lĩnh vực này.

34. Hành chính học đại cương (*) 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu của hành chính học, khái niệm cơ bản của hành chính học, mối quan hệ giữa hành chính học với các khoa học khác, lịch sử nghiên cứu hành chính học, khái niệm chức năng hành chính, khái niệm thể chế hành chính, nội dung của thể chế hành chính nhà nước, quyền lập quy và quyền hành chính nhà nước, khái niệm quyết định hành chính, bản chất và đặc điểm của quyết định hành chính, phân loại quyết định hành chính, quyết định hành chính quy phạm, quyết định hành chính cá

biệt, quy trình ban hành quyết định hành chính, hiệu lực của quyết định hành chính, tổ chức thực hiện quyết định hành chính, đánh giá quyết định hành chính, hậu quả của quyết định hành chính không hợp pháp, hợp lý, nhân lực trong các cơ quan hành chính, quản lý nhân lực hành chính, cơ quan quản lý nhân lực hành chính, cán bộ, công chức Việt Nam, khái niệm kỹ thuật và nghiệp vụ hành chính, phương pháp tổ chức công việc trong cơ quan hành chính, khái niệm kỹ năng giao tiếp hành chính, khái niệm thủ tục hành chính, phân loại thủ tục hành chính, các nguyên tắc của thủ tục hành chính, quan niệm về kiểm soát hành chính, nguyên tắc kiểm soát hành chính, hoạt động kiểm soát hành chính ở Việt Nam, cải cách hành chính trên thế giới, cải cách hành chính ở Việt Nam, cải cách thủ tục hành chính.

35. Đại cương về Sở hữu trí tuệ (*) 3TC (Học phần tiên quyết: THL1057)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về sở hữu trí tuệ, bao gồm: tài sản trí tuệ; quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ; phân loại các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ; lược sử hình thành và phát triển của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam; tổng quan hệ thống pháp luật quốc tế và Việt Nam về sở hữu trí tuệ; vai trò của việc bảo hộ quyền SHTT trong thương mại; nguyên tắc bảo hộ, điều kiện bảo hộ và nội dung quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế và giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, giống cây trồng; các đối tượng đặc biệt của quyền SHTT; các khái niệm và nội dung cơ bản trong xác lập quyền, chuyển giao quyền, quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; kỹ năng xử lý các tình huống thực thi quyền đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ

36. Quản lý biến đổi 3TC (Học phần tiên quyết: 26)

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản về quản lý biến đổi như: bản chất của biến đổi và quản lý biến đổi, đặc điểm, phân loại biến đổi, vai trò của quản lý biến đổi, tác động của biến đổi đối với tổ chức, nguyên nhân và động lực biến đổi trong tổ chức, nguyên tắc và phương pháp quản lý biến đổi, quy trình và các chiến lược cơ bản về quản lý biến đổi, những trở ngại đối với quản lý biến đổi, quản lý rủi ro và khủng hoảng để bước đầu có thể đưa ra được giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý biến đổi ở một tổ chức cụ thể.

37. Xã hội học quản lý 3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Xã hội học quản lý: (1) hình thành cách tiếp cận đặc thù (mang tính phản biện, thực tiễn, hệ thống, toàn diện, ở tầm vĩ mô toàn xã hội) đối với vấn đề quản lý, thông qua hệ thống các lý thuyết và khái niệm khoa học đặc thù; (2) trang bị các phương pháp và kỹ năng xã hội học để nghiên cứu những vấn đề quản lý xã hội; (3) hướng người học đến việc tìm hiểu các hệ thống quản lý xã hội và cơ chế quản lý xã hội với tư cách là hệ thống công cụ quan trọng của quản lý xã hội; (4) nhằm tăng cường sự quan tâm, khả năng ứng dụng thực tế để xem xét, nghiên cứu, góp phần giải quyết những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực quản lý xã hội của Việt Nam.

38. Xử lý dữ liệu 2TC

Học phần cung cấp cho người học những thủ tục phân tích chuyên nghiệp và cao cấp. Xử lý dữ liệu giúp sinh viên làm quen với SPSS, hướng dẫn sinh viên khảo sát từng biến đơn, tạo cho sinh viên một cách nhìn tổng quát về các phương pháp phân tích nhị biến: giữa hai biến định tính, giữa hai biến định lượng, giữa một biến định tính và một biến định lượng. Ngoài ra Học phần còn giúp sinh viên biết cách mã hoá, nhập và sửa đổi dữ liệu.

Học phần còn giúp sinh viên kiểm định giả thiết về sự khác biệt giữa trung bình của hai tổng thể và giúp sinh viên nắm được một công cụ quan trọng đó là phân tích phương sai. Ngoài ra Học phần còn giới thiệu để sinh viên làm quen với các tiện ích để họ sử dụng SPSS một cách thuận lợi.

39. Luật hiến pháp: 02 TC (Học phần tiên quyết: THL1057)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về luật hiến pháp, luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay, các cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam theo quy định của Hiến pháp đang hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới. Đó là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, quyền nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối kết hợp giữa 3 quyền: Lập pháp, hành pháp và tư pháp.

40. Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý: 2TC

Học phần cung cấp cho người học khái niệm, chức năng của văn bản quản lý; hệ thống văn bản quản lý đang được sử dụng ở Việt Nam hiện nay, trong đó làm rõ về loại hình, công dụng và thẩm quyền ban hành văn bản; các yêu cầu chung trong soạn thảo văn bản như : yêu cầu về thẩm quyền, yêu cầu về thể thức văn bản, yêu cầu về văn phong, yêu cầu về nội dung văn bản và yêu cầu về quy trình soạn thảo và ban hành văn bản; hướng dẫn các phương pháp soạn thảo các loại văn bản cụ thể.

Trên cơ sở đó, hướng dẫn sinh viên thực hành soạn thảo một số loại văn bản quản lý được sử dụng phổ biến nhất trong các cơ quan hiện nay.

41. Nghiệp vụ thư ký: 2TC

Học phần cung cấp cho người học những nhiệm vụ cơ bản và vai trò, vị trí của người thư ký văn phòng; hướng dẫn những nghiệp vụ cơ bản của thư ký văn phòng như: nghiệp vụ thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng tham mưu, kỹ năng tổ chức công việc, nghiệp vụ soạn thảo văn bản và lưu trữ hồ sơ, nghiệp vụ giao tiếp hành chính... Học phần cũng khái quát những năng lực và phẩm chất cần thiết của người thư ký văn phòng và hướng dẫn quan hệ ứng xử của người thư ký văn phòng với lãnh đạo và đồng nghiệp

42. Lịch sử tư tưởng quản lý (*) 4TC (Học phần tiên quyết: 26)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những nội dung cơ bản về lịch sử tư tưởng quản lý như: đối tượng, đặc điểm và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng quản lý; cơ sở lý luận và phân kỳ trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng quản lý; điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề cho sự ra đời của các tư tưởng quản lý tiêu biểu trong lịch sử; chỉ ra đặc điểm và nội dung cơ bản của các trường phái, các học thuyết quản lý tiêu biểu ở phương Đông và phương Tây, các tư tưởng quản lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh; nhận xét, đánh giá và chỉ ra ý nghĩa của các tư tưởng quản lý đó.

43. Khoa học tổ chức (*) 3TC (Học phần tiên quyết: MNS26)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống tri thức cơ bản về : Đối tượng, đặc điểm, phương pháp của tổ chức học ; Khái lược tiến trình phát triển của lý luận về tổ chức (lý luận tổ cổ điển, lý luận tổ chức của trường phái Tâm lý-Xã hội, lý luận tổ chức của trường phái quản lý theo văn hóa, lý luận tổ chức của trường phái Tổng hợp-Thích nghi); Mỗi quan hệ của tổ chức học với các khoa học khác; Các phạm trù, khái niệm cơ bản của tổ chức học; Quá trình phát sinh, hình thành, tồn tại, biến đổi và phát triển của tổ chức; Các loại hình tổ chức cơ bản; Các thành tố cơ bản của tổ chức (mục tiêu, con người, cơ cấu tổ chức, quyền lực, thông tin và các nguồn lực khác, văn hóa tổ chức, môi trường của tổ chức); Các yếu tố tác động tới tổ chức; Thiết kế và quản lý sự thay đổi của tổ chức.

44. Khoa học chính sách (*) 3TC (Học phần tiên quyết: MNS26)

Khoa học chính sách là một học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và rất cần thiết đối với sinh viên nhóm ngành quản lý. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách, hiệu lực của một chính sách, tác động phân

hoá xã hội của chính sách và phản ứng xã hội trước chính sách. Học phần cũng đặc biệt chú ý phần kỹ năng và quá trình chuẩn bị quyết định một chính sách. Sau khi học xong học phần này, người học có thể làm tốt công việc của một chuyên viên chính sách và người lãnh đạo quyết định chính sách

45. Văn hóa và đạo đức quản lý 3TC (Học phần tiên quyết: 26)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá quản lý và đạo đức quản lý; nguồn gốc, bản chất, chức năng của văn hoá quản lý và đạo đức quản lý; hệ thống khái niệm cơ sở của văn hoá quản lý và đạo đức quản lý; nội dung cơ bản và những biểu hiện cụ thể của văn hoá quản lý; đạo đức người lãnh đạo, quản lý; phát triển văn hoá và đạo đức quản lý trong các tổ chức của xã hội chuyển đổi; sự biến đổi của hệ giá trị trong điều kiện hiện nay và vấn đề lựa chọn văn hoá quản lý thích ứng; toàn cầu hoá và ảnh hưởng của các nền văn hoá, các hệ giá trị đạo đức khác nhau đối với các tổ chức và người lãnh đạo, quản lý. Một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam liên quan đến lĩnh vực này.

46. Lý thuyết quyết định(*) 3TC

Lý thuyết ra quyết định là một học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và rất cần thiết đối với sinh viên nhóm ngành quản lý. Học phần cung cấp cho sinh viên các tiêu chí về mặt lý luận để có thể ra được các quyết định trong quản lý và trong cuộc sống. Bên cạnh đó học phần cung cấp luận cứ cho việc xác lập vấn đề cần ra quyết định, phân tích và xử lý vấn đề cần ra quyết định, các tiêu chí của quyết định: Tiêu chí hữu ích kỳ vọng; Rủi ro; Khái quát hoá các chỉ báo và các lý thuyết.

Học phần cũng trang bị cho sinh viên quy trình cũng như các kỹ thuật cần thiết cho việc ra quyết định và phân tích quyết định từ đó dần dần hình thành các kỹ năng cần thiết ở sinh viên trong việc phân tích và đánh giá các quyết định

47. Khoa học và công nghệ luận (*) (Học phần tiên quyết: MNS1053)

Sinh viên phải nắm được những kiến thức cụ thể sau: vị trí của Khoa học và Công nghệ (KH&CN) luận trong hệ thống khoa học; bản chất và chức năng của KH&CN; quy luật hình thành và phát triển của KH&CN; tầm quan trọng và ý nghĩa của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội; tầm quan trọng và sự cần thiết của chiến lược và chính sách KH&CN quốc gia. Bên cạnh đó, sinh viên hình thành một số kỹ năng: phân tích một đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đánh giá ý nghĩa kinh tế-xã hội của đề tài/dự án đó; lập kế hoạch, làm quyết định quản lý về một lĩnh vực của hoạt động KH&CN; phân tích chính sách KH&CN của quốc gia; bước đầu hình dung được quá trình hoạch định chính sách (Policy Making Process) về KH&CN.

48. Quản lý khoa học và công nghệ (*) 2 TC (Học phần tiên quyết: MNS1102)

Học phần cung cấp cho sinh viên các nhằm kiến thức về khái niệm quản lý KH&CN; Các lý luận quản lý KH&CN; Hệ thống quản lý KH&CN; Hoạt động quản lý KH&CN; Hệ thống quản lý KH&CN ở Việt Nam

Học phần cũng trang bị cho sinh viên quy trình cũng như các kỹ thuật cần thiết cho việc đánh giá nghiên cứu khoa học, đánh giá công nghệ từ đó dần dần hình thành các kỹ năng cần thiết ở sinh viên trong việc phân tích và đánh giá nghiên cứu khoa học và công nghệ.

49. Quản lý chất lượng 2TC

Quản lý chất lượng là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, sự tiến triển của các phương thức quản lý chất lượng, các nguyên tắc của quản lý chất lượng. Học phần trang bị cho người học cách thức triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000 và một số công cụ của quản lý chất lượng toàn diện TQM vào doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước để góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý chung. Đồng thời người học nhận thức được các hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế mà nước ta đang áp dụng.

50. Kỹ năng quản lý 3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ và các kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý. Từ đó giúp cho người học có được những kỹ năng cơ bản trước khi tham gia vào thực hiện các nhiệm vụ quản lý ở trong những tổ chức và công việc cụ thể. Kết thúc Học phần, người học có thể rèn luyện được các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng động viên, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý sự thay đổi...v.v.

51. Hệ thống thông tin trong quản lý (*)3TC Học phần tiên quyết: MNS3002**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý luận của Học phần như nội hàm các khái niệm tổ chức, hệ thống, hệ thống thông tin. Đồng thời Học phần cũng đề cập đến các yếu tố cấu thành hệ thống; Các yếu tố cấu thành tổ chức: nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực...; Các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự phát triển của tổ chức; Các dòng thông tin vận hành trong và ngoài hệ thống của tổ chức; Nhu cầu thông tin của người dùng tin trong các hệ thống khác nhau của tổ chức. Chức năng của hệ thống điều khiển, hệ thống thông tin và hệ thống thực hiện trong tổ chức. Vai trò của hệ thống thông tin trong một tổ chức. Bản chất và nguyên tắc hoạt động của các hệ thống thông tin, các quá trình thông tin. Nguyên lý/quy trình

thu thập, lưu giữ, khai thác, bảo quản, bảo mật và tạo dựng các sản phẩm thông tin để đáp ứng yêu cầu của tổ chức. Vai trò và cấu trúc của hệ thống thông tin hiện đại trong tổ chức. Những vấn đề về quản lý hệ thống và quản lý tổ chức. Phương pháp đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức. Đồng thời Học phần cũng giới thiệu các hệ thống thông tin trong các tổ chức khác nhau trong thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá chất lượng và hiệu quả của một tổ chức cụ thể.

52. . Lý thuyết trò chơi (*) 03TC**

(Học phần tiên quyết MNS3002. MNS1102)

Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Lý thuyết trò chơi, phân loại trò chơi, các nguyên tắc căn bản của một trò chơi, kỹ năng phân tích các tình huống đàm phán, thương lượng và xử lý xung đột. Nói cách khác, Lý thuyết trò chơi nghiên cứu cách lựa chọn hành vi tối ưu khi chi phí và lợi ích của mỗi lựa chọn là không cố định mà phụ thuộc vào lựa chọn của các cá nhân khác

Học phần cung cấp mô hình một trò chơi bao gồm một tập các người chơi/đấu thủ, một tập các nước đi (hoặc chiến lược) mà người chơi có thể chọn, và một đặc tả về cơ chế thưởng phạt cho mỗi tổ hợp của các chiến lược. Người học sẽ được giới thiệu về các dạng trò chơi khác nhau cũng như khả năng ứng dụng mô hình trò chơi vào đời sống thực tiễn như:

- Căn cứ vào khả năng hợp đồng và chế tài hợp đồng của những người chơi thì có thể chia trò chơi thành hai loại: trò chơi hợp tác (cooperative games) và trò chơi bất hợp tác (non-cooperative games)

- Căn cứ vào thông tin thì các trò chơi có thể chia thành trò chơi với thông tin đầy đủ (complete information) hoặc không đầy đủ (incomplete information).

- Căn cứ vào thời gian hành động lại có thể chia trò chơi thành hai loại, tĩnh và động.

Học phần cung cấp các tình huống ra quyết định trong lĩnh vực quản lý có liên quan tới nhiều bên, trong đó học viên cần nhận định được các quyết định của mỗi bên ảnh hưởng tới lợi ích và quyết định của các bên khác.

Học phần này đề cập đến những nội dung chính và các kỹ thuật phân tích lý thuyết trò chơi như thương lượng, xung đột và đàm phán. Học phần đặc biệt nhấn mạnh vào việc xác định và phân tích các tình huống chiến lược nguyên mẫu thường diễn ra trong các cuộc thương lượng.

53. Địa chính trị(*) 03TC (Học phần tiên quyết MNS2058*)**

Học phần trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới: khái niệm địa – chính trị, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn địa – chính trị, các trường phái địa – chính trị lớn với các đại biểu của nó trên thế giới; sự ra đời, phát triển và kết thúc của chủ nghĩa trung tâm châu Âu, phương Tây hóa là con đường để hiện đại hóa và các con đường kết hợp Đông – Tây để hiện đại hóa trên thế giới; khái niệm, đặc điểm và bản chất của toàn cầu hóa, thế giới đóng và toàn cầu hóa, quá trình di - nhập cư và những vấn đề cấp bách về môi trường như là yếu tố của nền chính trị thế giới, các khuynh hướng chủ yếu của toàn cầu hóa chính trị; khái niệm dân chủ, dân chủ với tư cách là quyền lực của nhân dân, mối quan hệ giữa dân chủ và kinh tế thị trường, dân chủ và các nền văn hóa ngoài phương Tây; khái niệm paradigm, thế kỷ XX như là “thế kỷ của hệ tư tưởng”, bản chất của đấu tranh tư tưởng trong thế kỷ XX, hệ tư tưởng trong thế giới “hậu đối đầu”; vấn đề thắng lợi và thất bại trong chiến tranh lạnh, mô hình châu Âu và mô hình châu Á, trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh; những vấn đề lợi ích quốc gia và an ninh quốc gia, vấn đề con người trong địa – chính trị, xung đột và chiến tranh trong “thế giới hậu lưỡng cực”; vận động địa – chính trị Việt Nam hiện đại.

54. Những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT ()*** ***4TC(Học phần tiên quyết: INE1014, MNS1152)***

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về khái niệm khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT, khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT theo Hiệp định TRIPS và theo Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái bình dương (TPP), phân loại khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT, đối tượng của quyền SHTT có thể hoặc không thể thương mại hóa, có thể hoặc không thể chuyển giao, mối quan hệ giữa khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT và chuyển giao quyền SHTT, vai trò của khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT, yếu tố thị trường của khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT, khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT đối với một số lĩnh vực đặc biệt (dược phẩm, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận...), xung đột giữa khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT với quyền con người và quyền được tiếp cận tri thức, lý luận và thực tiễn của thuyết hết quyền đối với các đối tượng của quyền SHTT, các phương pháp đo lường và định giá quyền SHTT, các kênh chuyển giao quyền SHTT, độc quyền hoặc không độc quyền sản xuất và phân phối sản phẩm mang đối tượng của quyền SHTT, chống lạm dụng sự độc quyền SHTT.

55. Quản lý dự án 3TC

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm nhập môn cơ bản của Học phần: hoạt động đầu tư, dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư. Các phương pháp xác định các thông số kinh tế-kỹ thuật trong quá trình định hình và soạn thảo dự án. Các phương pháp phân tích tài chính dự án và thực hành tính toán phân tích và đánh giá. Các phương pháp phân tích kinh tế xã hội đối với một dự án và thực hành tính toán phân tích và đánh giá. Công tác tổ chức và quản lý dự án trong quá trình thực hiện và vận hành (quản lý rủi ro trong dự án. Các phương pháp xử lý dữ liệu đối với các dự án rủi ro cao.

56. Công pháp quốc tế **3TC (Học phần tiên quyết: THL1057)**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của Luật Quốc tế, nguồn của Luật Quốc tế và mối quan hệ giữa Luật Quốc tế và Luật Quốc gia; nội dung các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế; khái niệm về chủ thể Luật Quốc tế, vấn đề công nhận quốc tế và kế thừa trong luật quốc tế; khái niệm điều ước quốc tế, ký kết và hiệu lực của điều ước quốc tế; các vấn đề về dân cư, quyền con người, lãnh thổ, luật biển, luật hàng không, luật vũ trụ, luật ngoại giao và lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, các cơ quan tài phán quốc tế, luật kinh tế quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế.

57. . Quản lý tài chính công **02TC**

(Học phần tiên quyết: MNS1100. INE1014)

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung, phương pháp quản lý tài chính công (chủ yếu là quản lý chi tiêu công); cơ sở lý luận cho sự can thiệp của khu vực công trong nền kinh tế thị trường và các công cụ mà chính phủ sử dụng để bảo đảm mục tiêu hiệu quả phân bổ, công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô; các vấn đề lý thuyết về tài chính công và quản lý tài chính công theo quan điểm của Việt Nam và quốc tế; Cơ sở lý luận và thực tiễn quy trình lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước ở Việt Nam; Bội chi ngân sách nhà nước theo quan điểm của Việt Nam và quốc tế...

58. Quản lý tài sản công **02TC**

(Học phần tiên quyết: MNS1100. THL1057)

Học phần nghiên cứu các nội dung về tài sản nhà nước; cơ sở lý luận cho sự can thiệp của nhà nước trong quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công để bảo đảm mục tiêu hiệu quả và công bằng; quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công đã được giao tự chủ tài chính và chưa được giao tự chủ tài chính...

(Học phần tiên quyết: MNS2064, 26)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản đến cụ thể, cả lý luận và thực tiễn về phân cấp quản lý hành chính. Trong đó, về lý luận làm rõ bản chất của phân cấp quản lý hành chính (từ khái niệm, các cách tiếp cận, các yếu tố tác động, cơ sở, nguyên tắc thực hiện phân cấp; quyền hạn, hình thức và nội dung phân cấp quản lý hành chính. Về thực tiễn, cung cấp cho người học về kinh nghiệm phân cấp quản lý hành chính của một số nước, thực tiễn thực hiện phân cấp ở Việt Nam trong những năm qua và những vấn đề về đẩy mạnh và hoàn thiện phân cấp ở Việt Nam hiện nay; giúp người học có được những nhận thức đúng và khoa học về phân cấp, tích cực tham gia vào quá trình phân cấp, và có được cơ sở lý luận và thực tiễn về phân cấp quản lý hành chính.

60. Quản lý cấp cơ sở về kinh tế 3TC (Học phần tiên quyết MNS 1100, MNS 2064)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cụ thể về quản lý cấp cơ sở trong lĩnh vực kinh tế, cụ thể: xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết và lập quyết toán ngân sách địa phương, tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, thực hiện quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và tiểu thủ công nghiệp, cụ thể: tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch chung và phòng trừ các bệnh dịch đối với cây trồng và vật nuôi; tổ chức, hướng dẫn việc khai thác và phát triển các ngành, nghề truyền thống ở địa phương và tổ chức ứng dụng tiến bộ về khoa học, công nghệ để phát triển các ngành, nghề mới

61. Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội 3TC (Học phần tiên quyết MNS 1100, MNS 2064)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cụ thể về quản lý cấp cơ sở trong lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá và thể dục thể thao, cụ thể: thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương; tổ chức thực hiện các lớp bồi dưỡng văn hoá, thực hiện xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi; tổ chức xây dựng và quản lý, kiểm tra hoạt động của nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường

mầm non ở địa phương; phối hợp với cấp trên quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn; tổ chức thực hiện các chương trình y tế cơ sở, dân số, kế hoạch hoá gia đình được giao; vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh; phòng, chống các dịch bệnh; tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao; tổ chức các lễ hội cổ truyền, bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ở địa phương theo quy định của pháp luật; thực hiện chính sách, chế độ đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo; tổ chức các hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng chính sách ở địa phương theo quy định của pháp luật; quản lý, bảo vệ, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ; quy hoạch, quản lý nghĩa địa ở địa phương.

62. Dịch vụ công *3TC (Học phần tiên quyết: MNS2064,26)*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ công, các đặc trưng của dịch vụ công, vai trò của Nhà nước và các cách thức can thiệp của nhà nước vào việc cung ứng dịch vụ công, phạm vi giữa nhà nước và thị trường trong cung ứng dịch vụ công, trách nhiệm của nhà hoạch định chính sách khi đưa ra các chính sách về dịch vụ công nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, các hình thức tác động của nhà hoạch định chính sách đến nhà cung ứng dịch vụ công, mối quan hệ lợi ích và trách nhiệm của nhà cung ứng dịch vụ công đối với chính phủ và công dân, các giải pháp để thoả mãn lợi ích và nâng cao trách nhiệm của nhà cung ứng dịch vụ đối với nhân dân. Hình thành kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa các nhà hoạch định chính sách, nhà cung ứng dịch vụ và người sử dụng về dịch vụ công và khả năng đánh giá các chính sách hiện hành về cung ứng dịch vụ công. Tạo thái độ khách quan, khoa học và tự tin khi nhận định về các chính sách và thực trạng cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay.

63. Quản lý cấp cơ sở *3TC (Học phần tiên quyết: MNS2064, 26)*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của cấp cơ sở, hệ thống các chủ thể tham gia vào quản lý cấp cơ sở và mối liên hệ qua lại giữa các chủ thể này, cách thức tổ chức quản lý cấp cơ sở cũng như các đặc điểm, tính chất và phương pháp và các phương tiện cơ bản để quản lý ở cấp cơ sở.

Học phần còn cung cấp cho sinh viên các căn cứ khoa học về tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp cơ sở, phân tích, đánh giá các xu hướng tổ chức quản lý cấp cơ sở để trên cơ sở đó phân tích hiện trạng việc quản lý cấp cơ sở ở Việt Nam và đưa ra các nhận xét, đề xuất cải cách để hoàn thiện việc quản lý cấp cơ sở ở Việt Nam.

64. MNS3043, Pháp luật về lao động và việc làm 3TC (Học phần tiên quyết: THL1057)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái quát chung về pháp luật lao động và việc làm: khái niệm lao động, quan hệ lao động và các quan hệ xã hội liên quan đến quan hệ lao động, chủ thể và các căn cứ xuất hiện, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật về sử dụng lao động, khái niệm về việc làm, quan hệ việc làm; tầm quan trọng của việc làm, các yếu tố của việc làm, các nguyên tắc về việc làm, trách nhiệm của Nhà nước, người sử dụng lao động, người lao động trong lĩnh vực giải quyết việc làm, những biện pháp pháp lý để hỗ trợ và giải quyết việc làm, mất việc làm và trợ cấp mất việc làm; quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động và việc làm; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lao động và việc làm; khái niệm, đặc điểm và đối tượng áp dụng hợp đồng lao động; giao kết hợp đồng lao động; một số vấn đề liên quan đến hiệu lực pháp lý của hợp đồng lao động; cho thuê lại lao động; khái niệm, nguyên tắc của thương lượng tập thể; chủ thể của thương lượng tập thể; trình tự và kết quả của thương lượng tập thể; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; khái niệm, bản chất quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động; kỷ luật lao động; các hình thức, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi thường và cách thức thực hiện bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, các dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.

65. MNS3044, Bảo hiểm xã hội 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3105)

Học phần này cung cấp những kiến thức về: đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm xã hội, các loại hình bảo hiểm xã hội; phân biệt bảo hiểm xã hội với các loại hình bảo hiểm khác; lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội Việt Nam; quỹ bảo hiểm xã hội và quản lý bảo hiểm xã hội; các chế độ bảo hiểm xã hội: chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí và chế độ tử tuất; đối tượng áp dụng, điều kiện hưởng, mức hưởng và thời hưởng bảo hiểm xã hội theo từng chế độ bảo hiểm; bảo hiểm thất nghiệp.

66. Định mức lao động và Tổ chức tiền lương 4TC
(Học phần tiên quyết: MNS1104)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, nội dung cơ bản của công tác định mức lao động trong doanh nghiệp, các phương pháp định mức lao động cơ bản (phương pháp thống kê kinh nghiệm,

phương pháp phân tích – tính toán, phương pháp phân tích khảo sát, phương pháp so sánh điển hình, phương pháp thử sai,...), bước công việc và các bộ phận hợp thành, phân loại hao phí thời gian làm việc, chụp ảnh và bấm giờ, quản lý định mức lao động ở doanh nghiệp và các cấp quản lý nhà nước. Hình thành kỹ năng thực hiện các khâu công việc của cán bộ định mức lao động, cán bộ quản lý định mức và cán bộ quản lý nhà nước. Hình thành đạo đức của người cán bộ định mức lao động trong sinh viên.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiền lương, tổ chức quản lý tiền lương ở tầm vi mô và vĩ mô; các kiến thức chung về sự vận động của quan hệ tiền lương trong nền kinh tế thị trường không tách rời sự vận động chung của các quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội và tiền lương luôn là động lực, kích thích khả năng lao động sáng tạo không giới hạn của lực lượng lao động xã hội và nó cũng phản ánh trình độ phát triển, văn minh, tiến bộ của xã hội. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng nghiệp vụ về tiền lương trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các khu vực, lĩnh vực kinh tế xã hội.

67. Tuyển dụng nhân lực:
MNS1104)

3TC (Học phần tiên quyết:

Học phần này cung cấp những kiến thức về: khái niệm, vai trò của tuyển dụng nhân lực, các nội dung chủ yếu của tuyển dụng nhân lực và các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển dụng nhân lực; khái niệm, vai trò và nội dung của xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; khái niệm, vai trò của tuyển mộ nhân lực và các cách thức tiếp cận nguồn tuyển mộ; khái niệm, vai trò và nội dung của tuyển chọn nhân lực; khái niệm, vai trò, các chỉ tiêu đánh giá tuyển dụng nhân lực và các phương án điều chỉnh tuyển dụng nhân lực.

68. MNS3045, Tổ chức lao động khoa học: 2TC (Học phần tiên quyết:
MNS1104)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về cơ sở khoa học của việc tổ chức, sắp xếp công việc của tổ chức (hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp) một cách khoa học và hiệu quả. Học phần làm rõ mối quan hệ logic giữa các yếu tố liên quan đến việc tổ chức lao động một cách khoa học như: Đặc điểm, tính chất của công việc; trang thiết bị kỹ thuật; văn hóa, xã hội và tâm sinh lý của người lao động. Trên cơ sở những nguyên lý khoa học này, Học phần giới thiệu một số mô hình tổ chức lao động trên thế giới để người học phân tích, đánh giá và qua đó nâng cao khả năng khảo sát, tổng hợp và thiết lập mô hình tổ chức lao động

cho một tổ chức theo yêu cầu của các nhà quản lý.

69. Chính sách Trợ giúp xã hội 3TC

(Học phần tiên quyết: MNS2065, 26)

Môn học tập trung nghiên cứu về vai trò, chức năng, quá trình hình thành phát triển trợ giúp xã hội, chính sách trợ giúp xã hội trên thế giới. Cơ sở lý luận, phương pháp luận về trợ giúp xã hội, hệ thống chính sách trợ giúp xã hội Việt Nam. Xây dựng và phát triển trợ giúp xã hội Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

70. Chính sách giảm nghèo bền vững 3TC (Học phần tiên quyết: MNS2065)

Học phần cung cấp cho người học lý luận chung về nghèo đói (khái niệm, cách tiếp cận, đặc trưng và nguyên nhân nghèo đói, phương pháp đo lường nghèo đói, chuẩn nghèo đói) và chính sách giảm nghèo bền vững (khái niệm, đặc điểm, yếu tố tác động đến chính sách và việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững), Học phần cũng cung cấp cho người học nội dung các chính sách giảm nghèo trong lịch sử và chính sách giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Học phần giúp người học nhận diện, phân tích và đánh giá kết quả và quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững cũng như đưa ra những phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạch định và thực thi chính sách giảm nghèo bền vững trong thời gian tới.

71. Chính sách văn hoá và giáo dục 3TC (Học phần tiên quyết: MNS2065)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về Chính sách Dân tộc là chuyên đề vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn. Sau khóa học sinh viên cần nắm được các nội dung cơ bản sau: Vị thế của chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách kinh tế-xã hội nói chung; cơ sở lý luận, thực tiễn và pháp lý để thiết lập chính sách dân tộc; quá trình thiết lập và triển khai thực hiện chính sách; những vấn đề đặt ra; dự báo khuynh hướng tiếp theo...

Đồng thời Học phần cũng cung cấp cho người học về Chính sách xã hội về tôn giáo là chuyên ngành vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn (hiện nằm trong chuyên ngành Chính sách xã hội thuộc Khoa Khoa học Quản lý). Với vị thế như vậy, chuyên đề tập trung vào các nội dung chính sau: Lý luận về chính sách xã hội đối với tôn giáo, Khía cạnh xã hội của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

72. MNS3023, Chính sách dân tộc và tôn giáo 3TC (Học phần tiên quyết: MNS2065)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về Chính sách Dân tộc là chuyên đề vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn. Sau khóa học sinh viên cần nắm được các nội dung cơ bản sau: Vị thế của chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách kinh tế-xã hội nói chung; cơ sở lý luận, thực tiễn và pháp lý để thiết lập chính sách dân tộc; quá trình thiết lập và triển khai thực hiện chính sách; những vấn đề đặt ra; dự báo khuynh hướng tiếp theo...

Đồng thời Học phần cũng cung cấp cho người học về Chính sách xã hội về tôn giáo là chuyên ngành vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn (hiện nằm trong chuyên ngành Chính sách xã hội thuộc Khoa Khoa học Quản lý). Với vị thế như vậy, chuyên đề tập trung vào các nội dung chính sau: Lý luận về chính sách xã hội đối với tôn giáo, Khía cạnh xã hội của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

73. MNS3024, Chính sách phòng, chống tệ nạn xã hội 3TC
(Học phần tiên quyết: MNS2065)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về TNXH và quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về phòng, chống TNXH cũng như thực trạng TNXH và công tác đấu tranh phòng, chống TNXH ở nước ta những năm gần đây.

Bên cạnh những kiến thức chung, Học phần tập trung vào phân tích một số loại TNXH nguy hiểm và phổ biến hiện nay như: Tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm, tệ nạn cờ bạc và tệ nạn tham nhũng. Đồng thời giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác phòng, chống TNXH với công tác quản lý xã hội nhằm xây dựng những giải pháp khoa học và có tính khả thi, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống TNXH ở nước ta. Học phần mô tả và phân tích các chương trình quốc gia về phòng chống TNXH và một số quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về phòng, chống TNXH.

74. MNS3025, Quyền tác giả và quyền liên quan 3TC(Học phần tiên quyết: MNS1150)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về quyền tác giả và quyền liên quan, bao gồm: tóm lược lịch sử hình thành và phát triển quyền tác giả, vai trò của quyền tác giả đối với phát triển kinh tế - xã hội, nguyên tắc chung bảo hộ quyền tác giả, tác phẩm, các quyền của tác giả, quyền tinh thần của nghệ sĩ biểu diễn, quyền kinh tế của chủ sở hữu quyền kề cận, các chế tài

trong quyền kế cận, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan, tóm tắt các điều ước quốc tế chủ yếu về quyền tác giả và quyền liên quan, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan, hệ thống quản lý nhà nước, hệ thống thực thi, hệ thống hỗ trợ quyền tác giả và quyền liên quan, hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan. *Pháp luật về chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan, hợp đồng chuyển nhượng quyền quyền tác giả và quyền liên quan, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả và quyền liên quan, vấn đề chung về thực thi quyền tác giả và các quyền liên quan, xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả và quyền liên quan.*

**75. MNS3046, Sáng chế và giải pháp hữu ích
quyết: MNS1150)**

3TC(Học phần tiên

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về sáng chế, bao gồm: khái quát về sự hình thành và phát triển của các hệ thống bảo hộ sáng chế, nội dung quyền của Bằng độc quyền sáng chế, khái quát pháp luật quốc tế về bảo hộ sáng chế, khái quát pháp luật Việt Nam về bảo hộ sáng chế, tiêu chuẩn bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kỹ thuật soạn thảo bản mô tả sáng chế và yêu cầu bảo hộ, thông tin tư liệu sáng chế. *Chuyển giao quyền đối với sáng chế, hợp đồng chuyển nhượng sáng chế, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, vấn đề chung về thực thi quyền đối với sáng chế, xác định hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyền quyền đối với sáng chế.*

**76. MNS3027, Kiểu dáng công nghiệp 3TC
MNS1150)**

(Học phần tiên quyết:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về kiểu dáng công nghiệp, bao gồm: khái niệm kiểu dáng công nghiệp, chức năng của kiểu dáng công nghiệp, vai trò của bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, khái quát pháp luật quốc tế về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, khái quát pháp luật Việt Nam về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, các tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp, bảng Phân loại quốc tế Locarno về kiểu dáng công nghiệp, xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam, đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp, kỹ thuật soạn thảo đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công

nghiệp. Chuyển giao quyền đối với kiểu dáng công nghiệp, hợp đồng chuyển nhượng kiểu dáng công nghiệp, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp, vấn đề chung về thực thi quyền đối với kiểu dáng công nghiệp, xác định hành vi xâm phạm quyền đối với kiểu dáng công nghiệp, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với kiểu dáng công nghiệp, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyền đối với kiểu dáng công nghiệp.

77. MNS3047, Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác 3TC (Học phần tiên quyết: MNS1150)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, bao gồm: khái niệm nhãn hiệu và vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường, Khái quát pháp luật quốc tế về bảo hộ nhãn hiệu, khái quát pháp luật Việt Nam về bảo hộ nhãn hiệu, xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam, xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở nước ngoài, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu, khái niệm tên thương mại, mục đích của việc bảo hộ tên thương mại, quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, khái niệm chỉ dẫn địa lý, điều kiện để được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý. *Pháp luật về chuyển giao quyền đối với nhãn hiệu, hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu, vấn đề chung về thực thi quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, xác định hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.*

78. Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp: 3TC (Học phần tiên quyết: MNS1150)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về khái niệm và phân loại tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, khái niệm quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, chủ thể và đối tượng quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, phân biệt quản lý nhà nước về SHTT và quản lý SHTT trong doanh nghiệp, quản lý tài sản trí tuệ không do doanh nghiệp là chủ sở hữu (quản lý chỉ dẫn địa lý, quản lý license quyền SHTT...), mối quan hệ giữa quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp với một số loại hình quản lý SHTT đặc biệt: quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, quản lý nhãn hiệu tập thể, quản lý nhãn hiệu chứng nhận, vai trò của tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tinh thần kinh thương của chủ thể sáng tạo tài sản trí tuệ, quá trình

hình thành tài sản trí tuệ của doanh nghiệp: ý tưởng, thử nghiệm, hoàn thiện, nhân rộng, thương mại hóa; sản phẩm, phân tích (RE), thử nghiệm, hoàn thiện, nhân rộng, thương mại hóa; quản lý các đối tượng cụ thể của quyền SHTT trong doanh nghiệp; mục tiêu, công cụ và phương pháp quản lý các đối tượng cụ thể của quyền SHTT trong doanh nghiệp, các biện pháp phòng ngừa và chống lại sự xâm phạm quyền SHTT là tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

79. MNS3049, Pháp luật về khoa học và công nghệ 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3008)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu được sử dụng trong quản lý KH&CN, bao gồm cơ sở của việc ban hành pháp luật về quản lý KH&CN, những khái niệm cơ bản về KH&CN dưới góc độ pháp lý, vị trí của pháp luật về quản lý KH&CN trong hệ thống pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan sự nghiệp về KH&CN, nội dung quản lý nhà nước về KH&CN, tổ chức, hoạt động KH&CN, biện pháp đảm bảo phát triển KH&CN, chính sách tài chính đối với hoạt động KH&CN, pháp luật về chuyển giao công nghệ, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&CN, đánh giá việc thực hiện và giải pháp hoàn thiện pháp luật về KH&CN. Hình thành kỹ năng vận dụng pháp luật để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý KH&CN.

80. MNS3031, Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3008)

Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường là học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về mặt xã hội của khoa học và công nghệ; quan hệ tương tác giữa khoa học và công nghệ với xã hội; cộng đồng khoa học và công nghệ như một nhóm xã hội; các khía cạnh tổ chức và chính sách khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, hiểu được mối quan hệ giữa con người và môi trường như một thể thống nhất.

81. MNS3032, Chính sách khoa học và công nghệ 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3008)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách, chính sách Khoa học và Công nghệ, mối quan hệ của chính sách Khoa học và Công nghệ đối với các chính sách khác, và vai trò của nó trong sự phát triển kinh tế xã hội, các yếu tố tác động và chịu tác động bởi chính sách Khoa học và Công nghệ, các phương pháp tiếp cận và quy trình phân tích và hoạch định chính sách Khoa học và Công

nghệ. Học phần hình thành cho sinh viên các kỹ năng phân tích và hoạch định một chính sách Khoa học và Công nghệ thông qua việc áp dụng các lý thuyết đã được học và việc lấy ví dụ cụ thể. Hình thành khả năng nhận định vấn đề, đánh giá tính hiệu quả của một chính sách Khoa học & Công nghệ, và đề xuất chính sách Khoa học & Công nghệ cho ngành học, hay cho một địa phương cụ thể, hay chính sách Khoa học & Công nghệ quốc gia.

82. MNS3033, Hệ thống đổi mới quốc gia 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3008)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đổi mới; hệ thống đổi mới; năng lực đổi mới; chiến lược và chính sách đổi mới; hoạch định, đánh giá và quản lý đổi mới. Hình thành kỹ năng phân tích một hệ thống đổi mới, chính sách đổi mới, chiến lược đổi mới. Thông qua đó, giúp sinh viên hình thành khả năng đánh giá hệ thống đổi mới, năng lực đổi mới của một doanh nghiệp/ngành/quốc gia, đánh giá tính hiệu quả của chính sách đổi mới, chiến lược đổi mới. Và, sinh viên có khả năng vận dụng các khái niệm, các phương pháp đã học đó vào việc hoạch định, quản lý một chính sách, một chiến lược đổi mới cụ thể. Sinh viên được rèn luyện tinh thần chủ động học hỏi, nghiên cứu và ý thức quan tâm tới những vấn đề lớn của quốc gia, đặc biệt như vấn đề đổi mới.

83. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ 3TC (Học phần tiên quyết: MNS3008)

Học phần làm rõ nội hàm của khái niệm doanh nghiệp KH&CN, vai trò của doanh nghiệp KH&CN trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển, các thiết chế hỗ trợ, tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp KH&CN. Học phần cũng cung cấp thông tin về kinh nghiệm của các quốc gia khác trong việc hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, cũng như kết quả thực tiễn của Việt Nam sau 10 năm thực hiện chính sách nhằm hình thành doanh nghiệp KH&CN (NĐ số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007).

84. Thực tập thực tế 2TC (Học phần tiên quyết: , MNS4058)

Học phần thực tập thực tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thực tiễn công tác quản lý trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua kiến thức của các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành đã được học trên lớp như: Khoa học quản lý đại cương, lịch sử tư tưởng quản lý, Hành chính học đại cương, Khoa học chính sách, Lý thuyết quyết định, Quản trị nhân lực, Tổng quan về sở hữu trí tuệ, Quản lý Khoa học và công nghệ.v.v. sinh viên có những nhìn

nhận, đánh giá mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn quản lý ở cơ quan thực tập hoặc vấn đề tìm hiểu. Sinh viên có thể:

- Mô tả khái quát *mục tiêu, cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, nguồn nhân lực, chính sách nhân lực, văn hoá tổ chức và quản lý* của cơ quan, tổ chức nơi thực tập.

- Nhận diện quy trình thực hiện một công việc cụ thể nơi sinh viên thực tập và đưa ra những đánh giá của sinh viên về quy trình đó (nếu có bất cập gì nêu giải pháp khắc phục những bất cập)

- Mô tả và phân tích công việc sinh viên thực tập được phân công. Phân tích những điểm mạnh và điểm yếu, thuận lợi, khó khăn của sinh viên khi đi thực tập.

85. Thực tập tốt nghiệp 4TC (Học phần tiên quyết :MNS4050)

Học phần thực tập tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực tiễn công tác quản lý trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua các khối cơ sở của chuyên ngành và kiến thức chuyên ngành để sinh viên đánh giá thực trạng quản lý ở cơ quan thực tập hoặc nội dung tìm hiểu. Từ đó, sinh viên có thể chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý tại nơi thực tập, nguyên nhân dẫn tới những ưu điểm, nhược điểm đó và đề xuất những giải pháp về mặt quản lý. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng trong công việc chuyên môn, quan hệ nơi thực tập.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS.Nguyễn Văn Kim